TÀI LIỆU TẬP HUẤN

PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-VPĐP ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

MỤC LỤC

CHUYÊN ĐỀ 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 5
I. KHÁI NIỆM CỘNG ĐỒNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 6
1. Khái niệm cộng đồng 6
2. Phát triển cộng đồng bền vững 6
II. VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 7
1. Vai trò của cộng đồng theo quy định của Đảng và Nhà nước 7
2. Mức độ tham gia của cộng đồng 8
3. Vai trò, phẩm chất của những người làm công tác phát triển cộng đồng 9
III. MỤC TIÊU VÀ TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 10
1. Mục tiêu phát triển cộng đồng 10
2. Tiến trình phát triển cộng đồng 11
IV. CÁC PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 12
1. Phương pháp tiếp cận từ trên xuống/từ bên ngoài 12
2. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân (PRA) 12
3. Phương pháp tiếp cận dựa vào nhu cầu của cộng đồng 13
4. Phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực của cộng đồng (ABCD) 13
V. NỘI DUNG VÀ CÁC BƯỚC PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 14
1. Nội dung phát triển cộng đồng 14
2. Các bước phát triển cộng đồng 14
VI. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 21
1. Mối quan hệ giữa chủ thể phát triển cộng đồng và chủ thể xây dựng nông thôn mới 21
2. Phát huy vai trò người dân để nâng cao hiệu quả phát triển cộng đồng và xây dựng nông thôn mới 22
CÂU HỎI ÔN TẬP 24
CÂU HỎI THẢO LUẬN 24
TÀI LIỆU THAM KHẢO 24
PHỤ LỤC 26
CHUYÊN ĐỀ 2: PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN 43
I. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ NÔNG THÔN 44
1. Khái niệm kinh tế nông thôn 44
2. Khái niệm phát triển kinh tế nông thôn 44
3. Các hoạt động kinh tế ở nông thôn 44
4. Các thành phần kinh tế ở nông thôn 46
II. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN 50
1. Nội dung phát triển kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới 50
2. Phát huy vai trò của người dân và cộng đồng trong một số hoạt động phát triển kinh tế nông thôn 50

III. MỘT SỐ MÔ HÌNH THÀNH CÔNG TRONG PHÁT HUY VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN 59
1. Mô hình kinh tế tập thể ở tỉnh Tuyên Quang 59
2. Mô hình hội quán ở tỉnh Đồng Tháp 60
3. Mô hình nông hội ở tỉnh Gia Lai 61
4. Hợp tác xã Phú Thạnh ở An Giang 62
CÂU HỎI ÔN TẬP 65
CÂU HỎI THẢO LUẬN 65
TÀI LIỆU THAM KHẢO 65
PHỤ LỤC 67
CHUYÊN ĐỀ 3: PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 71
I. PHÁT HUY VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 72
1. Khái niệm văn hóa và giá trị văn hóa **72**
2. Khái niệm xã hội và phát triển xã hội **73**
3. Những nội dung liên quan đến phát triển văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới **74**
4. Phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới **79**
5. Phương thức phát triển giá trị văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới **82**
6. Một số mô hình phát triển văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới tại một số địa phương **86**
II. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 88
1. Khái niệm môi trường **88**
2. Khái niệm ô nhiễm môi trường **89**
3. Khái niệm bảo vệ môi trường **90**
4. Nội dung trọng tâm để nâng cao chất lượng môi trường trong xây dựng nông thôn mới **91**
5. Một số giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng tham gia thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới **92**
6. Một số mô hình phát huy vai trò cộng đồng bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới **96**
CÂU HỎI ÔN TẬP 99
CÂU HỎI THẢO LUẬN 99
TÀI LIỆU THAM KHẢO 99
CHUYÊN ĐỀ 4: PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG GIÁM SÁT, KIỂM TRA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 101
I. VAI TRÒ VÀ NGUYÊN TẮC GIÁM SÁT, KIỂM TRA CỦA CỘNG ĐỒNG 102
1. Vai trò của cộng đồng trong hoạt động giám sát, kiểm tra **102**
2. Nguyên tắc giám sát, kiểm tra của cộng đồng **106**

II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI **106**
1. Giám sát của cộng đồng là gì? **106**
2. Mục đích của giám sát của cộng đồng **108**
3. Chủ thể giám sát **110**
4. Nội dung giám sát của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới **110**
III. HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI **113**
1. Kiểm tra của cộng đồng là gì? **113**
2. Mục đích của kiểm tra của cộng đồng **114**
3. Nội dung kiểm tra của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới **116**
IV. CÁC HÌNH THỨC GIÁM SÁT, KIỂM TRA **117**
1. Giám sát, kiểm tra trực tiếp **117**
2. Giám sát, kiểm tra thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã **117**
3. Giám sát, kiểm tra thông qua Ban Thanh tra nhân dân ở xã **119**
4. Giám sát, kiểm tra thông qua Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng **120**
V. PHÁT HUY VAI TRÒ GIÁM SÁT, KIỂM TRA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI **121**
1. Đảm bảo thể chế chính sách **121**
2. Tăng cường các kênh kết nối **123**
3. Nâng cao năng lực làm chủ của cộng đồng **124**
CÂU HỎI ÔN TẬP **125**
CÂU HỎI THẢO LUẬN **125**
TÀI LIỆU THAM KHẢO **125**

CHUYÊN ĐỀ 1
TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Thời lượng: 8 tiết

- Lý thuyết: 4 tiết
- Thảo luận, thực hành: 4 tiết

Mục tiêu

Trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về cộng đồng và phát triển cộng đồng, từ đó có thể vận dụng trong chương trình xây dựng nông thôn mới để phát huy hiệu quả vai trò của cộng đồng trong các hoạt động phát triển nông thôn ở địa phương.

Yêu cầu

- Về kiến thức: Sau khi học xong học viên có khả năng:

+ Hiểu được khái niệm, mục tiêu, tiến trình, nội dung phát triển cộng đồng, vai trò của cộng đồng.

+ Biết được một số phương pháp tiếp cận để phát triển cộng đồng.

+ Phân tích được mối quan hệ giữa phát triển cộng động và xây dựng dựng nông thôn mới.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong học viên có kỹ năng:

+ Tìm hiểu, phân tích nhận diện vấn đề, tiềm năng, xác định nhu cầu, cơ hội để phát triển cộng đồng.

+ Lập kế hoạch phát triển cộng đồng.

- Về thái độ:

+ Sau khi học xong học viên có ý thức tôn trọng vai trò của cộng đồng; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng ở địa phương.

I. KHÁI NIỆM CỘNG ĐỒNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Khái niệm cộng đồng

Cộng đồng dân cư là nhóm công dân Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là tổ dân phố) (Khoản 3, Điều 2, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022).

Trong phạm vi thôn, bản, ấp, xã, phường ở khu vực nông thôn và thành thị, cộng đồng là nhóm người có những điểm giống nhau, có chung các mối quan hệ nhất định và cùng phong tục, tập quán, chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố tác động và là đối tượng cần được quan tâm trong sự phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có chương trình xây dựng nông thôn mới. Ví dụ:

- Cộng đồng theo địa giới hành chính: Cộng đồng thôn Bình An; cộng đồng ấp Thanh An; cộng đồng làng Plei Kep.
- Cộng đồng theo dòng tộc: Cộng đồng dòng họ Chu thôn Hạ; cộng đồng dòng họ Mai thôn Đoài.
- Cộng đồng tôn giáo: Cộng đồng giáo xứ Thanh Sơn xã Thanh Trung; cộng đồng phật giáo thôn Yên Tâm xã Yên Bình.
- Cộng đồng những người bảo vệ rừng phòng hộ thôn Tân Bình, xã Tân Lập.

2. Phát triển cộng đồng bền vững

2.1. Khái niệm phát triển cộng đồng

Vào năm 1956, Liên Hợp Quốc đã đưa ra khái niệm về phát triển cộng đồng như sau: "Phát triển cộng đồng là những tiến trình qua đó nỗ lực của dân chúng kết hợp với nỗ lực của chính quyền để cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa của các cộng đồng và giúp các cộng đồng này hội nhập đồng thời đóng góp vào đời sống quốc gia" (Hoàng Thị Minh Huệ, 2014).

Phát triển cộng đồng là tập hợp nhiều hoạt động diễn ra trong đời sống nhằm làm thay đổi các giá trị về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường của cộng đồng theo xu hướng ngày càng tốt hơn (JICA, 2021).

Ví dụ: phát triển cộng đồng tại một thôn/ấp:

- Về kinh tế: bằng các hoạt động phát triển cộng đồng như: nâng cao giá trị nông sản, nâng cao năng suất hợp lý và tăng giá bán sẽ làm tăng thu nhập.
- Về văn hóa - xã hội: bằng các hoạt động phát triển cộng đồng như phát động phong trào "5 không 3 sạch": không đói nghèo, không có người vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không bất bình đẳng giới, không vi phạm chính sách dân số, không có trẻ em suy dinh dưỡng và sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp.
- Về môi trường: bằng các mô hình sáng - xanh - sạch - đẹp, thu gom vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật.

2.2. Phát triển cộng đồng bền vững

Phát triển cộng đồng bền vững là sự phát triển cộng đồng nhằm thỏa mãn cho các nhu cầu hiện tại nhưng vẫn đảm bảo cho sự phát triển của cộng đồng đó trong tương lai; đặc biệt là việc khai thác, sử dụng các nguồn lực cho hiện tại như con người, xã hội, tài chính, tài nguyên, môi trường nhưng không làm ảnh hưởng đến tương lai (JICA, 2021).

Hội nghị thượng đỉnh Liên hợp quốc đã thông qua ***Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*** và đưa ra 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Ba thế chân kiềng bảo đảm tính toàn diện, hài hòa của phát triển bền vững bao gồm:

- Phát triển kinh tế ổn định bền vững, tạo sự thịnh vượng chung cho tất cả mọi người.
- Phát triển xã hội thực hiện tiến bộ công bằng, trật tự, an toàn, giàu bản sắc văn hoá, văn minh.
- Phát triển môi trường được trong lành, ổn định khí quyển, giảm phát thải, tài nguyên được khôi phục và duy trì đa dạng sinh học.

II. VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Vai trò của cộng đồng theo quy định của Đảng và Nhà nước

Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/06/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 nhấn mạnh: "***Xây dựng cộng đồng dân cư*** vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội" và "Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) đề ra 8 nhiệm vụ chính, trong đó nhiệm vụ 7 số là ***xây dựng cộng đồng vững mạnh*** làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 (Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) đề ra mục tiêu tổng quát "Tiếp tục … thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và ***nông thôn mới cấp thôn, bản***"

Một trong những nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là "Phát huy ***vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư*** tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia" (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

Cộng đồng đóng vai trò chủ thể của mọi hoạt động tại địa phương mình. Vai trò chủ thể được thể hiện ở việc các thành viên trong cộng đồng là người chủ động, tích cực và quyết định các hoạt động của cộng đồng. Bởi vị họ hiểu rõ nhất về cộng đồng của họ, biết các khó khăn, thách thức và mong muốn của mình; họ biết tiềm năng, lợi thế, cách huy động và gắn kết các thành viên trong cộng đồng lại với nhau. Đồng thời cộng đồng tự chịu trách nhiệm về kết quả các hoạt động của họ.

Một số nhận thức chưa đúng về vai trò của cộng đồng:

- Cho rằng các hoạt động phát triển cộng đồng là của người ngoài cộng đồng;
- Thiếu chủ động trong các hoạt động phát triển ở cộng đồng;

- Trông chờ vào nguồn lực của cá nhân, tổ chức từ bên ngoài.

2. Mức độ tham gia của cộng đồng

Để phát huy sự chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của người dân cần tăng cường sự tham gia của họ trong các hoạt động ở địa phương. Sự tham gia của người dân địa phương theo các mức độ từ thấp đến cao như sau:

- Tham gia thụ động: làm theo sự chỉ bảo, không đưa ra bất kỳ ý kiến nào.
- Tham gia cung cấp thông tin: chỉ trả lời câu hỏi của người làm công tác phát triển.
- Tham gia tư vấn: được hỏi ý kiến và được tiếp thu các ý kiến về những khó khăn, cơ hội phát triển của địa phương.
- Tham gia thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng: chủ động thành lập theo các nhóm tại cộng đồng để tổ chức các hoạt động phát triển tại địa phương.
- Tham gia trong quá trình ra quyết định: người dân chủ động tham gia vào quá trình phân tích, lập kế hoạch và lựa chọn các phương án, hoạt động phát triển tại cộng đồng.

3. Vai trò, phẩm chất của những người làm công tác phát triển cộng đồng

Những người trực tiếp triển khai công việc phát triển được gọi là người làm công tác phát triển cộng đồng (hay còn được gọi là tác viên phát triển). Họ có thể là:

- Người của cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức đoàn thể chính trị- xã hội.
- Người của tổ chức phi chính phủ.
- Nhà tài trợ.
- Người của các cơ quan nghiên cứu.
- Người làm công tác phát triển.
- Những người có uy tín, năng lực của cộng động

3.1. Vai trò của người làm công tác phát triển cộng đồng

Các vai trò chủ yếu của người làm công tác phát triển cộng đồng bao gồm:

- Vai trò xúc tác: tập hợp người dân để họ chia sẻ thông tin, bàn bạc đi đến quyết định và cùng nhau hành động, giải quyết các vấn đề của địa phương.
- Vai trò biện hộ: đại diện cho tiếng nói của người dân, cộng đồng gửi đến cơ quan, các cấp thẩm quyền những vấn đề bức xúc của người dân và kêu gọi người khác hưởng ứng nhằm tạo ra chuyển biến về nhận thức, hoặc sự hỗ trợ tích cực hơn cho các đối tượng thiệt thòi. Ví dụ: biện hộ cho việc chăm sóc bảo vệ trẻ em bị lạm dụng lao động.
- Vai trò nghiên cứu: cùng với những thành viên nòng cốt trong cộng đồng thu thập, tìm hiểu và phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, vấn đề, tiềm năng trong cộng đồng và giúp cộng đồng xây dựng các chương trình hành động cụ thể. Ví dụ: xây dựng hoạt động chăm sóc người già không nơi nương tựa trong cộng đồng
- Vai trò huấn luyện: bồi dưỡng các nhóm trong cộng đồng hiểu rõ về

mục đích, chiến lược của các chương trình phát triển; Bồi dưỡng kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý.

Nhiệm vụ chủ yếu của người làm công tác phát triển cộng đồng bao gồm:

- Là người triển khai hoạt động phát triển cộng đồng ở các địa phương.
- Là cầu nối giữa người dân, tổ chức tại địa phương với các tổ chức, cá nhân bên ngoài.
- Là người khởi xướng để thúc đẩy người dân địa phương tổ chức các hoạt động chung như:
  + Xác định nhu cầu phát triển cộng đồng;
  + Lập kế hoạch phát triển;
  + Triển khai, giám sát, điều chỉnh;
  + Đánh giá kết quả;
  + Nhân rộng mô hình;
  + Đề xuất phát triển chính sách.

3.2. Phẩm chất của người làm công tác phát triển cộng đồng

Người làm công tác phát triển cộng đồng cần có những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất như sau:

- Hiểu và vận dụng linh hoạt các phương pháp thường sử dụng trong phát triển cộng đồng,
- Có kỹ năng cần thiết khi làm việc với người dân.
- Có thái độ đúng đắn với công việc, với cộng đồng.
- Tự nguyện, chủ động và tích cực tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng mình.

III. MỤC TIÊU VÀ TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Mục tiêu phát triển cộng đồng

Mục tiêu phát triển cộng đồng bao gồm các nội dung sau:

- Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cải thiện đời sống kinh tế của người dân.
- Nâng cao dân trí và năng lực của người dân trong tổ chức các hoạt động phát triển cộng đồng.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sống của người dân về ăn ở, sinh hoạt đi lại và các dịch vụ ở cộng đồng.
- Bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.
- Bảo vệ tài nguyên và môi trường, hạn chế ảnh hưởng của thiên tai.
- Bình đẳng giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái và đảm bảo tham gia cho các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.

2. Tiến trình phát triển cộng đồng

Phát triển cộng đồng là một tiến trình luôn luôn tiếp diễn với mục tiêu cuối cùng là giúp cho cộng đồng chuyển mình từ tình trạng yếu kém tiến tới sự tự lực trong hành động. Tiến trình chung bao gồm:

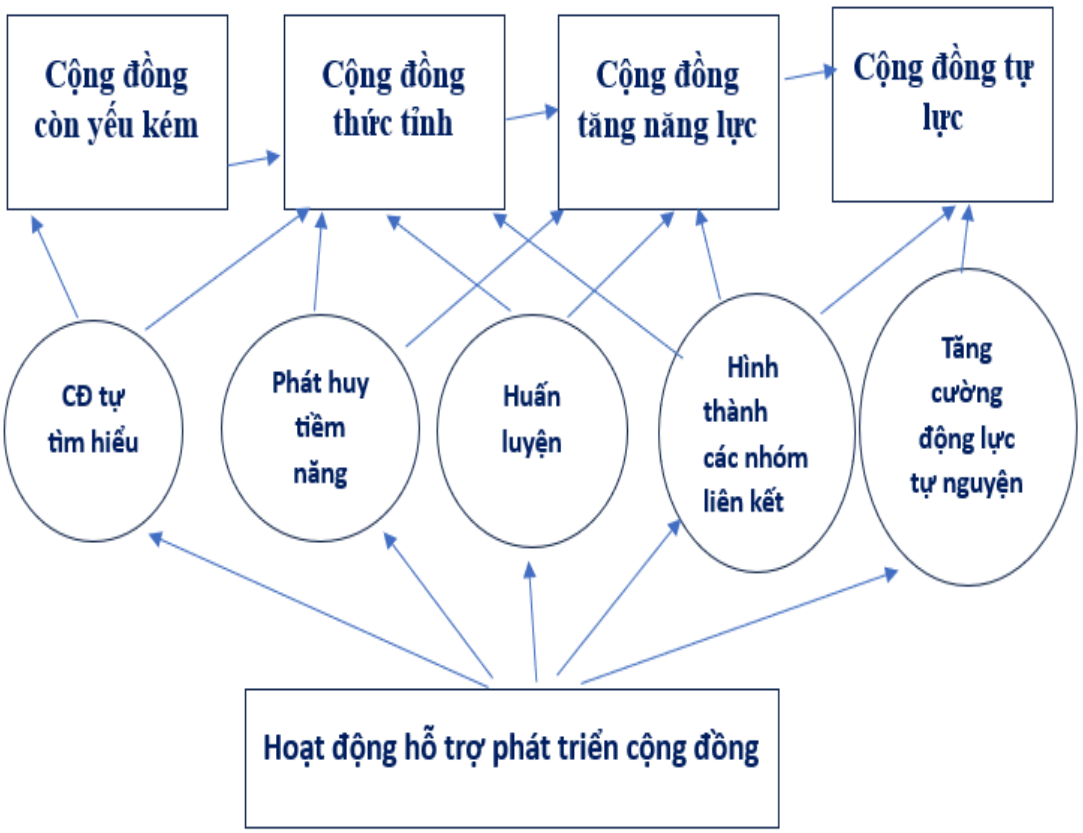

Hình 1.1. Tiến trình phát triển cộng đồng.

- *Cộng đồng yếu kém*: cộng đồng yếu kém trong khuôn khổ các hoạt động phát triển cộng đồng là những cộng động đang có vấn đề hoặc đang có vấn đề mà cộng đồng cần thỏa mãn, nhưng vấn đề đó chưa được nhận thức đầy đủ hoặc chỉ được rất ít người nhận ra. Chính vì vậy, muốn giải quyết các vấn đề đó cộng đồng cần phải có quá trình cộng đồng thức tỉnh.

- *Cộng đồng thức tỉnh*: Đây là giai đoạn đầu của phát triển, là tiến trình để cộng đồng nhận ra vấn đề của mình, hay người dân nhận ra vấn đề, biến nó thành nhu cầu thực sự cho sự thay đổi. Muốn thức tỉnh cộng đồng để giúp họ nhận thức được các vấn đề của họ đòi hỏi có sự hợp tác tích cực giữa người làm công tác phát triển và người dân. Việc làm đầu tiên là phải giúp cộng đồng hiểu về chính mình thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận, điều tra các nhu cầu và vấn đề khó khăn cũng như tiềm năng và thuận lợi, xác lập những vấn đề ưu tiên, xây dựng các dự án để giải quyết các vấn đề của cộng đồng, lượng giá tính hiệu quả của chúng.

- *Cộng đồng tăng năng lực*: Khi cộng đồng đã thức tỉnh, người ngoài cộng đồng sẽ thông qua việc huấn luyện, đào tạo để tăng cường năng lực cho họ về việc nhận biết các nguồn lực vốn có, những khả năng tiềm tàng của họ, nâng cao năng lực trong việc khai thác sử dụng nguồn lực. Cộng đồng tăng năng lực là việc thành viên cộng đồng đang trong tiến trình được tổ chức lại, được trao quyền, tăng cường khả năng tham gia vào các hoạt động cũng như tham gia quyết định nên làm gì, làm thế nào để giải quyết vấn đề cộng đồng.

- *Cộng đồng tự lực*: Qua quá trình tăng năng lực, khi cộng đồng trực tiếp giải quyết các vấn đề của chính họ nhiều lần với kết quả tích cực và hiệu quả cao

thì cộng đồng sẽ trở nên tự lực. Mục đích cuối cùng không phải là mọi khó khăn, khủng hoảng không còn nữa mà mỗi lần gặp khó khăn, cộng đồng có thể tự huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài để giải quyết vấn đề mà không cần đến sự trợ giúp bên ngoài.

IV. CÁC PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Phương pháp tiếp cận từ trên xuống/từ bên ngoài

Phương pháp tiếp cận từ trên xuống là phương pháp khi áp đặt theo ý chí của người có quyền ở địa phương, của Nhà nước và tổ chức quốc tế, thường sử dụng các khoản viện trợ để đưa kỹ thuật từ nước ngoài vào và ít sử dụng kiến thức bản địa cũng như các phương pháp bền vững để phát triển nông thôn. Ở đó, các cộng đồng nông thôn không có vai trò quyết định trong các hoạt động phát triển. Hiện nay, phương pháp này không còn được sử dụng và được thay bằng phương pháp tiếp cận khác hiệu quả, bền vững hơn.

2. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân (PRA)

2.1. Khái niệm

Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân (Participatory Rural Appraisal, sau đây gọi tắt là PRA) là một phương pháp điều tra để học hỏi và cùng với các thành viên cộng đồng tìm hiểu, phân tích và đánh giá các khó khăn, thuận lợi đồng thời đưa ra các giải pháp, quyết định kịp thời nhằm giải quyết các khó khăn của cộng đồng.

2.2. Một số đặc điểm nổi bật của PRA

- Nhóm đa ngành: Các thành viên thực hiện phương pháp PRA là những người có xuất xứ khác nhau, có kỹ năng, chuyên ngành khác nhau bao gồm trong và ngoài cộng đồng.
- Dựa vào cộng đồng: Phương pháp học hỏi và cùng làm việc với cộng đồng.
- Phân tích tại chỗ: Triển khai ở thực địa và phân tích các thông tin thu thập được để đưa ra hướng đi chung (việc phân tích không nhất thiết phải ở trong một phòng họp tiện nghi mà có thể tiến hành ở nhiều nơi như: trong nhà dân, ngoài cánh đồng...).

2.3. Đối tượng và mục đích của PRA

Đối tượng bao gồm đại diện của tổ chức tài trợ (tổ chức phi chính phủ), chuyên gia đánh giá độc lập, đại diện chính quyền, đoàn thể hoặc nhân dân địa phương. Đối tượng được tham vấn thường là các cấp chính quyền, nhân dân và tổ chức quần chúng, đoàn thể địa phương.

3. Phương pháp tiếp cận dựa vào nhu cầu của cộng đồng

Tiếp cận theo nhu cầu tập trung vào nhu cầu, sự thiếu hụt và các vấn đề của cộng đồng. Cách tiếp cận này coi nhu cầu, sự thiếu hụt và các vấn đề là thực tế toàn bộ hiện trạng của cộng đồng. Cách tiếp cận này cũng giống một phần phương pháp PRA là xác định những vấn đề, tìm hiểu nhu cầu và đặt kế hoạch thỏa mãn nhu cầu đó. Phương pháp "tiếp cận theo nhu cầu" đã từng được các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ sử dụng và dùng các hỗ trợ từ bên ngoài (tài chính, kỹ thuật…) để đáp ứng nhu cầu cộng đồng và thực hiện sứ mệnh hoặc

chủ định của tổ chức mình hay của nhà tài trợ.

4. Phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực của cộng đồng (ABCD)

Phương pháp Phát triển cộng đồng dựa vào nội lực (Assets-Based Community Development - sau đây gọi tắt là ABCD). Tiếp cận ABCD là một trong các phương pháp phát triển cộng đồng được sử dụng ngày càng phổ biến trong những năm gần đây ở nhiều quốc gia trên thế giới. ABCD giúp chúng ta có thể nhìn thấy các điểm mạnh, các tiềm năng của cộng đồng và lấy chúng làm đòn bẩy để khơi dậy và hướng dẫn người dân phát triển cộng đồng của họ. Phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực nhìn nhận khả năng của người dân và các tổ chức tự nguyện của họ là nguồn lực xây lên một cộng đồng mạnh mẽ. Với cách nhìn này, cộng đồng có thể gắn kết các sức mạnh theo một khối tổng hòa mới, các cơ hội mới, các nguồn thu nhập và các khả năng mới khác cho phát triển sản xuất và phát triển cộng đồng.

V. NỘI DUNG VÀ CÁC BƯỚC PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Nội dung phát triển cộng đồng

Phát triển cộng đồng là một tiến trình làm thay đổi cộng đồng một cách toàn diện, trong đó lấy phát triển con người làm trung tâm, nội dung bao gồm:

- Phát triển kinh tế nâng cao đời sống vật chất cho người dân.
- Phát triển văn hóa- xã hội
- Nâng cao năng lực tự lực cho cộng đồng và nâng cao vị thế người dân.
- Bảo vệ môi trường.

2. Các bước phát triển cộng đồng

2.1. Tìm hiểu và phân tích cộng đồng

Tìm hiểu và phân tích cộng đồng cũng sẽ làm cơ sở cho việc đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch và thực hiện một chương trình/dự án phát triển cộng đồng. Nội dung thông tin cần tìm hiểu để thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng bao gồm:

2.1.1. Tổng quan về cộng đồng

Thông tin tìm hiểu tổng quan cộng đồng bao gồm:

- Đặc điểm địa lý của vùng: tìm hiểu về diện tích, vị trí địa lý, các tài nguyên thiên nhiên của địa phương như sông ngòi, ao hồ, khoáng sản, đất đai, ...
- Các đặc điểm về dân số: tìm hiểu về tổng số dân, số hộ dân, giới tính, độ tuổi, tỉ lệ giữa các nhóm tuổi trẻ em, người già, người trong độ tuổi lao động, ...
- Tình hình kinh tế: tìm hiểu mức sống, thu nhập bình quân của người dân; cơ cấu ngành nghề tại địa phương (nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại - dịch vụ); tiềm năng phát triển, ...
- Văn hoá, y tế, giáo dục: tìm hiểu về các phong tục tập quán, tín ngưỡng; truyền thống, lịch sử của cộng đồng; lối sống, cách cư xử; trình độ dân trí; tỉ lệ mù chữ, bỏ học; đời sống giáo viên, sức khỏe, môi trường, ...
- Tình hình chính trị, an ninh trật tự, các vấn đề xã hội tại địa phương.
- Các hệ thống dịch vụ xã hội sẵn có trong cộng đồng như y tế cộng đồng, điều kiện vui chơi, giải trí, hệ thống giáo dục, ...

2.1.2. Nguồn lực để phát triển cộng đồng

Nguồn lực để phát triển cộng đồng bao gồm nội lực và ngoại lực:

- Nội lực của cộng đồng: Nội lực của cộng đồng bao gồm tất cả nguồn lực thực tế trong cộng động mà người dân có thể sử dụng để tạo dựng cuộc sống của cộng đồng, nó có thể được tìm hiểu ở phần tổng quan ở trên. Tuy nhiên, để có cách khai thác sử dụng phù hợp có thể phân loại nội lực thành năm loại bao gồm:

+ Nguồn nhân lực: bao gồm những lao động trong cộng đồng, những cá nhân, nhóm có kiến thức, kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh, trong tổ chức cộng đồng; người có kỹ năng, tay nghề cao, … Ví dụ: nông dân kinh doanh giỏi, nghệ nhân dệt thổ cẩm; trưởng nhóm sản xuất nông sản hữu cơ.

+ Nguồn lực vật chất: Những cơ sở vật chất có thể sử dụng mang lại lợi ích cho cộng đồng. Ví dụ như nhà sấy lúa, lò nấu rượu, trụ sở hội quán, nhà trẻ, trụ sở ban ấp, điện, đường giao thông liên thôn ấp, liên xã, chợ.

+ Nguồn lực thiên nhiên: bao gồm: đất đai, biển, sông ngòi, ao hồ, nguồn nước, sinh vật tự nhiên…. Đối với nông nghiệp thì đất đai, nguồn nước là tư liệu sản xuất chủ yếu đối rất nhiều loại sản phẩm. Các loại sinh vật tự nhiên như cá, tôm… là nguồn đánh bắt của người dân để có thu nhập.

+ Nguồn lực xã hội: bao gồm các tổ chức đoàn thể, các cơ quan ban ngành; những thiết chế, tổ chức trong cộng đồng như tôn giáo, tổ nhóm, câu lạc bộ; văn hóa, truyền thống. Ví dụ: Chi hội phụ nữ; nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng; nhà thờ; cộng đồng những người thiên chúa giáo; hội quán, …

+ Nguồn lực tài chính: bao gồm các nguồn lực về tài chính của cộng đồng như tiền, các giá trị khác có giá trị như tiền như ngân phiếu, cổ phiếu, …

- Nguồn lực từ bên ngoài: Đây có thể là những nguồn lực bên ngoài của nhà nước, các tổ chức tài trợ, doanh nghiệp, cá nhân, … đã cấp hoặc tài trợ cho cộng đồng để phục vụ các hoạt động phát triển cộng đồng. Những nguồn lực bên ngoài khi sử dụng cần tuân thủ quy định sử dụng và mục đích của tổ chức, cá nhân cấp, tài trợ cho cộng đồng.

2.1.3. Các vấn đề đang tồn tại và nhu cầu của cộng đồng

Trong mỗi cộng đồng đều có những vấn đề mà cộng đồng gặp phải như dịch bệnh cây trồng vật nuôi, mất mùa, ô nhiễm môi trường, trẻ em thất học, bệnh tật, giao thông đi lại khó khăn, … Đây là những rào cản sự phát triển hay là tình trang không như mong muốn của của cộng đồng cần được giải quyết.

Cộng đồng muốn tồn tại và phát triển cũng luôn có những nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh, việc làm, thu nhập, môi trường... Những nhu cầu đó khác nhau đối với những cộng đồng khác nhau và từng thời điểm khác nhau. Trong quá trình phát triển, cộng đồng luôn tìm cách đáp ứng nhu cầu ngày càng cao.

2.1.4. Một số công cụ dùng để tìm hiểu và phân tích cộng đồng

Các công cụ phân tích theo không gian: vẽ sơ đồ thôn bản; đắp sa bàn thôn bản; điều tra theo tuyến và vẽ sơ đồ lát cắt; ...

Các công cụ phân tích theo thời gian: lịch sử thôn bản; xây dựng biểu đồ hướng thời gian; phân tích lịch mùa vụ; ...

Các công cụ biểu thị mối quan hệ: cây vấn đề; phân tích SWOT; phân tích sơ đồ VENN; ...

2.2. Xây dựng tổ chức của cộng đồng

2.2.1. Lựa chọn người có khả năng lãnh đạo thành nhân tố nòng cốt

Để thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng cần có những người có khả lãnh đạo, họ là nhân tố nòng cốt, họ gồm người thật sự đại diện cho dân, có ý thức tiến bộ trong cộng đồng, có thể bao gồm những cán bộ chính quyền, ban ngành, đoàn thể địa phương, những người dân hay lãnh đạo nhóm phi chính thức trong cộng đồng, lãnh đạo tôn giáo.

Tiêu chuẩn để lựa chọn người nòng cốt cho phát triển cộng đồng:

- Có uy tín và có ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng.
- Có suy nghĩ tích cực, đáp ứng được với những thay đổi mới.
- Có khả năng truyền thông, giao tiếp tốt, thuyết phục người khác.
- Có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng.
- Có điều kiện thời gian để tham gia các hoạt động đại diện cho cộng đồng.

2.2.2. Thành lập Ban phát triển cộng đồng

Khi triển khai một dự án phát triển cộng đồng sẽ thành lập ban phát triển, thành phần có thể bao gồm: đại diện người dân, chính quyền, các tổ chức chính trị- xã hội liên quan. Ban phát triển và nhóm nòng cốt sẽ cùng cộng đồng thực hiện những chương trình hành động cụ thể để giải quyết vấn đề của cộng đồng. Ban phát triển tự xây dựng các quy định, điều lệ hoạt động chính thức. Hiện nay tại các địa phương đang diễn ra quá trình xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển toàn diện các mặt ở thôn/ấp, khi đó Ban phát triển thôn/ấp cũng là Ban phát triển cộng đồng, thành phần sẽ có các thành viên là những người có uy tín, trách nhiệm và năng lực tổ chức triển khai do cộng đồng ấp trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận (gồm đại diện: lãnh đạo thôn/ấp, các đoàn thể chính trị và hội ở thôn/ấp và một số người có năng lực chuyên môn khác có liên quan đến xây dựng nông thôn mới).

Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban phát triển cộng đồng:

- Là những người nòng cốt trong cộng đồng.
- Hiểu biết đầy đủ về các quan tâm của cộng đồng.
- Quan tâm đến những hoạt động của dự án hỗ trợ cộng đồng.
- Có thời gian để đảm nhận vai trò, sẵn sàng làm việc theo nhóm.
- Có tỉ lệ nữ thích hợp.

2.3. Lựa chọn giải pháp và xác định hoạt động phát triển cộng đồng

2.3.1. Lựa chọn vấn đề ưu tiên giải quyết

Trên cơ sở tìm hiểu và phân tích cộng đồng, xác định được các vấn đề khó khăn, từ đó người dân lựa chọn những khó khăn nào được ưu tiên giải quyết đối với từng hộ (có thể giới hạn vấn đề ưu tiên chung cho cả cộng đồng, mỗi người dân được được chọn 1 trong các khó khăn, ví dụ trong Bảng 1.1) để sắp xếp thứ tự các vấn đề khó khăn được ưu tiên. Sau đó tổng hợp ý kiến của các thành viên cộng đồng sẽ cho ta được vấn đề khó khăn nhất với tỷ lệ chọn cao nhất.

Bảng 1.1. Lựa chọn vấn đề ưu tiên để giải quyết.

STT	Vấn đề khó khăn	Người dân lựa chọn vấn đề ưu tiên							Tổng hợp số người chọn	Khó khăn được lựa chọn
		ND A	ND B	ND C	ND D	ND E	ND F	ND G		
1	Chưa có hệ thống xử lý rác thải	x							1	
2	Giao thông đi lại đến trung tâm xã khó khăn		x					x	2	
3	55 % hộ dân chưa được sử dụng nước sạch			x					1	
4	Thu nhập từ sản xuất lúa thấp	x	x		x		x	x	5	**Thu nhập từ sản xuất lúa thấp**
5	Ô nhiễm môi trường từ các hộ nuôi heo					x			1	

2.3.2. Xác định nguyên nhân - hậu quả

Sau khi vấn đề ưu tiên chính được lựa chọn, người dân sử dụng công cụ phân tích nguyên nhân - hậu quả để xác định nguyên nhân gây ra hậu quả đó. Trong thực tế quan hệ giữa nguyên nhân - vấn đề và vấn đề - hậu quả rất phong phú và đa dạng, việc xác định phải do chính cộng đồng phân tích và chỉ ra. Tuy nhiên để đơn giản, chúng ta có thể lấy cây vấn đề ở Hình 1.2 để làm ví dụ phân tích.

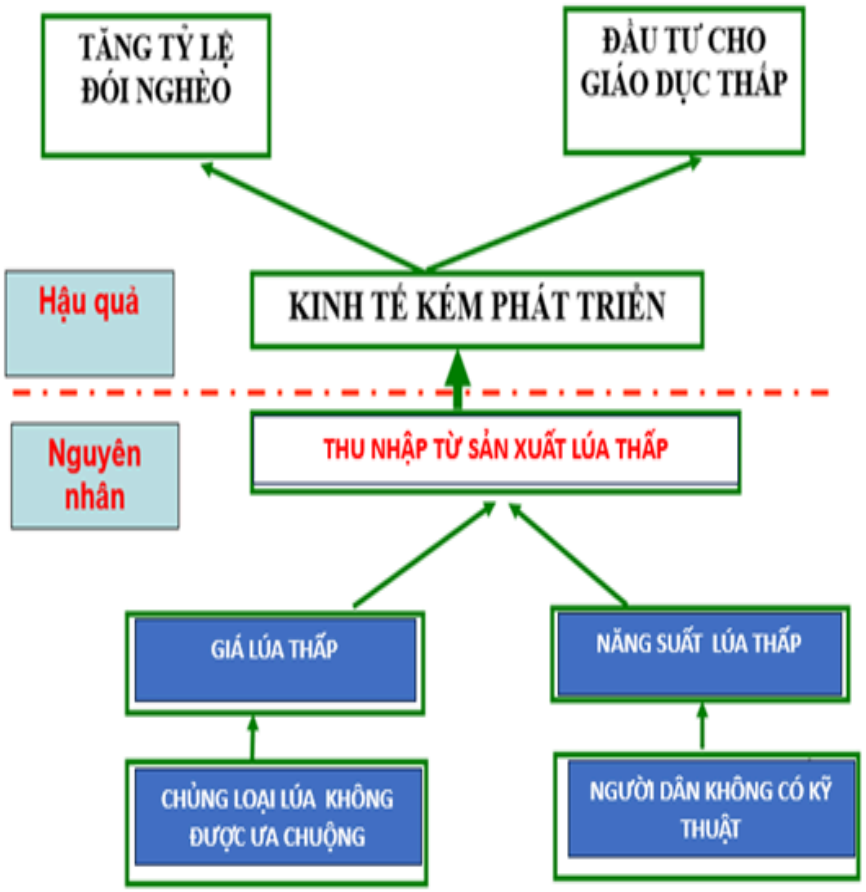

Hình 1.2. Cây vấn đề thu nhập từ sản xuất lúa thấp.

2.3.3. Xác định giải pháp loại trừ nguyên nhân và đạt mục tiêu đề ra

Để có được mục tiêu và giải pháp đạt mục tiêu, người dân sử dụng cây nguyên nhân - hậu quả để phân tích và xác định (ví dụ minh họa Hình 1.3). Mục tiêu là mặt đối lập của vấn đề theo hướng tích cực. Giải pháp là cách loại trừ nguyên nhân gây ra vấn đề.

Hình 1.3. Cây mục tiêu và giải pháp nâng cao thu nhập người sản xuất lúa.

2.4. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cộng đồng

2.4.1. Lập kế hoạch hoạt động phát triển cộng đồng

Bước 1: Xác định tính khả thi các giải pháp được lựa chọn

Giải pháp được lựa chọn ở trên là thay giống lúa cũ bằng giống lúa mới được thị trường ưa chuộng. Tuy nhiên cần xem xét tính khả thi khi triển khai theo các yêu cầu sau:

- Khả năng nguồn lực tài chính của cộng đồng có đủ tiền mua giống mới hay không?
- Khả năng áp dụng kỹ thuật sản xuất giống lúa mới của người trong cộng đồng?
- Khả năng người dân có thể tự sản xuất bằng lao động ở địa phương không?
- Khả năng hướng dẫn kỹ thuật của các cơ quan nhà nước và các tổ chức có liên quan có đáp ứng được không?

Bước 2: Xây dựng kế hoạch trên giải pháp được lựa chọn

Kế hoạch được lập với các nội dung sau: Mục tiêu tổng quát; mục tiêu cụ thể; các hoạt động; kết quả mong đợi; vốn; kỹ thuật; thời gian; con người; địa điểm thực hiện (Hình 1.4). Ví dụ xây dựng kế hoạch ở Bảng 1.2:

Hình 1.4. Cách hoạt động thực hiện giải pháp để đạt mục tiêu.

Bảng 1.2. Kế hoạch tổng hợp nâng cao thu nhập từ sản xuất nông nghiệp.

Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Hoạt động	Kết quả mong đợi	Vốn (triệu đồng)	Kỹ thuật	Con người	Thời gian/ địa điểm	Hình thức bán sản phẩm
Nâng cao thu nhập từ sản xuất lúa	Giá bán lúa cao	Mua giống lúa mới xác nhận được thị trường ưa chuộng	Giống lúa mới mà thị trường ưa chuộng được người dân trồng	150	Theo quy trình VietGap	46 hộ tại xóm Núi, thôn Bình Nguyên và 35 hộ tại xóm Bãi thôn Bình	Từ tháng 1/2024-5/2024 Tại khu vực trồng	Liên kết bán cho Doanh nghiệp xuất khẩu Thanh Sơn

						Nguyên	lúa của xóm Núi và xóm Bãi thôn Bình Nguyên	
	Năng suất lúa cao	Tập huấn kỹ thuật sản xuất giống lúa mới	Người dân có kỹ thuật sản xuất giống lúa mới	10				

2.4.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động phát triển cộng đồng

Sau khi lập kế hoạch hoạt động phát triển cộng đồng cần tổ chức thực hiện kịp thời, khoa học kế hoạch để đảm bảo các hoạt động phát triển cộng đồng đạt hiệu quả cao nhất. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch bao gồm nội dung chủ yếu:

- Thông báo, truyền đạt kế hoạch đến cá nhân và tổ chức có liên quan.
- Phân công các cá nhân, tổ chức thực hiện.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch.

2.5. Đánh giá chương trình phát triển cộng đồng

Đánh giá phát triển cộng đồng là hoạt động xem xét một cách toàn diện và hệ thống về mức độ đáp ứng các mục tiêu, chất lượng các hoạt động và hiệu quả của các hoạt động dự án, chương trình hay ảnh hưởng của nó đối với cộng đồng.

Một số loại đánh giá thường sử dụng:

- Đánh giá các hoạt động đang tiến hành (đánh giá giữa kỳ): là hoạt động đánh giá được thực hiện trong khi dự án, chương trình đang thực hiện. Đây là loại đánh giá để xem xét những quy trình được thực hiện, tài nguyên được sử dụng về mức độ hợp lý, cũng như những nguy cơ hay cơ hội đối với các hoạt động của dự án, chương trình.

- Đánh giá kết thúc dự án: Mục tiêu của đánh giá kết thúc dự án nhằm xác định mức độ thực hiện các mục tiêu của dự án để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho các dự án sau. Tức là đánh giá kết quả của dự án, mức độ ảnh hưởng và tác động của dự án đến tại thời điểm đánh giá, tính bền vững của những kết quả đạt được và hiệu quả của dự án.

Trong xây dựng nông thôn mới, việc đánh giá khi kết thúc từng giai đoạn xây dựng nông mới thông qua mức độ hoàn thành các nội dung và các tiêu chí cụ thể theo quy định. Người đánh giá bao gồm những người bên trong cộng đồng và những người bên ngoài cộng đồng, họ là cán bộ quản lý nông thôn mới địa phương và cấp trên. Ngoài ra, Mật trận Tổ quốc địa phương và cấp trên tham giá đánh giá sự hài lòng của người dân trong quá trình triển khai thực hiện.

VI. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Mối quan hệ giữa chủ thể phát triển cộng đồng và chủ thể xây dựng nông thôn mới

Mối quan hệ giữa chủ thể phát triển cộng đồng và chủ thể xây dựng nông thôn mới được thể hiện ở Bảng 1.3.

Bảng 1.3. Quan hệ giữa chủ thể phát triển cộng đồng và chủ thể xây dựng nông thôn mới.

Tiêu chí	Phát triển cộng đồng	Xây dựng nông thôn mới ở cơ sở

Ai là chủ thể	Người dân trong cộng đồng thuộc dự án phát triển cộng đồng	Người dân của địa phương bao gồm cả những người dân thuộc dự án phát triển cộng đồng
Chủ thể như thế nào	- Người thụ động; - Người đóng góp; - Người được tham vấn; - Người thực hiện các hoạt động; - Tham gia quá trình ra quyết định; - Tự vận động làm chủ quá trình phát triển (tự lực)	- Dân biết - Dân bàn - Dân làm - Dân kiểm tra, giám sát - Dân thụ hưởng
Mức độ tham gia để đảm bảo thành công	Tự vận động làm chủ quá trình phát triển (Cộng đồng tự lực)	Tham gia toàn diện, có trách nhiệm và sáng tạo

2. Phát huy vai trò người dân để nâng cao hiệu quả phát triển cộng đồng và xây dựng nông thôn mới

Như phân tích ở trên, cộng đồng muốn phát triển thì người dân trong cộng đồng đó phải hoàn toàn chủ động và thực sự nỗ lực chứ không phải chờ đợi từ sự giúp đỡ của chính quyền. Khi đó, cộng đồng sẽ tăng dần mức độ tham gia từ thụ động đến mức cuối cùng cộng đồng tự vận động, tự lực làm chủ quá trình phát triển. Trong Chương trình xây dựng nông thôn mới, muốn thành công, người dân phải tham gia đầy đủ, toàn diện, có trách nhiệm và sáng tạo với vai trò chủ thể trong quá trình xây dựng nông thôn mới bao gồm: biết, bàn, làm, kiểm tra, giám sát và thụ hưởng.

Tuy nhiên, không phải bất cứ dự án phát triển cộng đồng nào, hoạt động xây dựng nông thôn mới nào diễn ra ở địa phương thì từng người dân và cả cộng đồng đều chủ động tham gia. Điều đó sẽ dẫn đến tình trạng các hoạt động phát triển phụ thuộc nhiều vào bên ngoài, khi bên ngoài giảm sự hỗ trợ quá trình phát triển sẽ diễn ra rất chậm. Ngay cả khi có thành quả hưởng lợi, người dân được hưởng lợi sẽ khó hưởng thụ đầy đủ và nâng cao hiệu năng sử dụng thành quả đó. Mặt khác khi người dân và cộng đồng không tham gia đầy đủ thì mục tiêu của phát triển cộng đồng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới sẽ khó có thể đạt được phù hợp với nhu cầu, mong muốn của mình. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả phát triển cộng đồng và xây dựng nông thôn mới thì người dân và cộng đồng với vai trò chủ thể cần phải tham gia đầy đủ, có trách nhiệm và sáng tạo; vai trò của người dân và cộng đồng cần được phát huy mạnh mẽ nhất, bao gồm ở tất cả các dự án phát triển cộng đồng và trên tất cả các lĩnh vực của Chương trình xây dựng nông thôn mới đặt ra.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Anh/Chị trình bày khái niệm phát triển cộng đồng? Mục tiêu phát triển cộng đồng? Liên hệ mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở cấp thôn/ ấp?

2. Anh/Chị cho biết tiến trình và nội dung phát triển cộng đồng?

3. Anh/Chị cho biết vai trò và mức độ tham gia của cộng đồng trong phát triển cộng đồng? Liên hệ vai trò của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới?

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Anh/Chị hãy mô tả quá trình lập đề án xây dựng nông thôn mới tại địa phương? Mức độ tham gia của người dân trong quá trình lập đề án ra sao?

2. Vì sao người dân chưa thật sự chủ động và tích cực tham gia vào xây dựng nông thôn mới tại địa phương của anh chị? Giải pháp nào để tăng cường sự tham gia của cộng đồng dân cư vào quá trình xây dựng nông thôn mới?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ về Phát triển bền vững.

3. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5 Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

6. Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

7. Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) (2021), Sổ tay Hướng dẫn Phát triển cộng đồng, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

8. Hoàng Thị Minh Huệ (2014), Bài giảng Phát triển cộng đồng, Trường Đại học Lâm Nghiệp.

9. Nguyễn Duy Cần, Nico Vromant (2009), Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân (PRA - Đánh giá nông thôn có sự tham gia), NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.

10. Phạm Huỳnh Thanh Vân (2007), Kỹ năng phát triển cộng đồng: Tài liệu tập huấn phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực, Trường Đại học An Giang.

PHỤ LỤC

A. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1. Một số phương pháp sử dụng tìm hiểu thông tin ban đầu về cộng đồng

Khi đến với cộng đồng, người làm công tác phát triển cộng đồng cần có thông tin ban đầu để hiểu về cộng đồng. Một số phương pháp thường được sử dụng để tìm hiểu thông tin ban đầu bao gồm:

1.1. Thu thập thông tin thứ cấp

Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp là cách tìm những thông tin có sẵn trong các tài liệu, các cơ quan quản lý có liên quan đến địa phương, cộng đồng mà bạn làm việc. Ví dụ: thông tin về dân số, kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên… của địa phương.

Thu thập các thông tin thứ cấp từ đâu?

- Từ số liệu thống kê của xã, huyện, tỉnh
- Các báo cáo chung hàng năm, định kỳ của xã, huyện, tỉnh.
- Các báo cáo về chương trình, dự án đã và đang thực hiện tại địa phương.
- Các bản đồ đã xuất bản.
- Các báo cáo chuyên ngành nông nghiệp, y tế, giáo dục… của các cơ quan liên quan.
- Các báo cáo nghiên cứu khoa học có liên quan.

Để làm gì?

- Giúp hiểu cơ bản về địa phương.
- Có cơ sở cho các quyết định sau này.

1.2. Quan sát

Quan sát là phương pháp giúp thu nhận và phân tích tình hình địa phương qua cách nhìn. Thông tin thu được sẽ tạo thêm niềm tin cho cho người làm công tác phát triển cộng đồng và được sử dụng trong suốt thời gian làm việc với cộng đồng. Có hai cách quan sát:

- Quan sát cá thể: Quan sát từng cá thể hay từng hoạt động riêng biệt để đánh giá nhằm giúp bạn hiểu sâu sắc hơn thực trạng và tiến trình của từng vấn đề, cá thể.
- Quan sát tổng hợp: Quan sát tổng hợp giúp bạn nhìn tổng thể địa phương từ đó xây dựng các giải pháp phát triển phù hợp. Quan sát tổng hợp yêu cầu sự hiểu biết và kiến thức tổng hợp đối với nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

1.3. Bảng hỏi

Phương pháp này thu thập thông tin thông qua việc xây dựng các câu hỏi có sẵn có thể sử dụng giấy hoặc sử dụng công nghệ thông tin để thu thập thông từ nội dung trả lời của đối tượng được hỏi. Thông tin bảng hỏi phục vụ cho mục tiêu cụ thể như:

- Thu thập thông tin ban đầu.
- Thu thập thông tin về một nội dung cụ thể.
- Đánh giá kết quả thực hiện.

1.4. Phỏng vấn

Phương pháp này thu thập thông tin dựa vào các câu hỏi và trả lời trực tiếp của người làm công tác phát triển cộng đồng và người được hỏi. Đây là công cụ được sử dụng rất phổ biến trong phát triển cộng đồng giúp bạn hiểu được tình hình địa phương, những vấn đề họ quan tâm và ý kiến của từng người dân.

Có 3 phương pháp phỏng vấn, đó là:

- Phỏng vấn theo bảng hỏi (cấu trúc) là phương pháp phỏng vấn dựa vào bảng câu hỏi đã xây dựng trước. Nội dung của phỏng vấn chỉ nằm trong phạm vi các câu hỏi được chuẩn bị.

- Phỏng vấn sâu (bán cấu trúc) là phương pháp phỏng vấn dựa vào nội dung được phác thảo trong bảng câu hỏi. Bảng câu hỏi chỉ xây dựng những nội dung chính, người phỏng vấn có thể phát triển các câu hỏi phụ để làm rõ thêm các nội dung cần quan tâm.

- Phỏng vấn mở (không cấu trúc) là loại phỏng vấn không được chuẩn bị trước về nội dung câu hỏi. Căn cứ vào tình hình và môi trường của việc trao đổi mà người phỏng vấn đưa ra các câu hỏi mở nhằm thu thập thông tin.

2. Một số phương pháp sử dụng tìm hiểu sâu về thực trạng cộng đồng và lựa chọn hoạt động phát triển cộng đồng

Để phát triển cộng đồng, sau khi có thông tin ban đầu, người làm công tác phát triển cộng đồng và thành viên cộng đồng cần phải tìm hiểu sâu hơn về thực trạng của cộng đồng. Một số phương pháp thường được sử dụng tìm hiểu sâu về thực trạng cộng đồng và lựa chọn hoạt động phát triển cộng đồng bao gồm:

2.1. Lập bản đồ, sơ đồ

Để có thông tin mang tính trực quan giúp người dân dễ tham gia, thảo luận điều họ quan tâm, người làm công tác phát triển cộng đồng và người dân có thể dùng các phương pháp sau:

2.1.1. Vẽ sơ đồ

Sơ đồ cộng đồng giúp người dân đánh giá, phân tích tình hình chung của thôn, bản từ đó thảo luận những khó khăn, thuận lợi, tiềm năng để phát triển.

Hình 1.5. Người dân đang vẽ sơ đồ cộng đồng.
Nguồn: JICA (2021)

Cách làm:

Chọn nhóm người dân cộng đồng, đại diện cho các thành phần nam, nữ, già, trẻ, … Số lượng từ 7 đến 10 người.

Chọn địa điểm để nhiều người cùng tham gia trong quá trình vẽ.

Vẽ trên giấy trắng khổ lớn hoặc vẽ trên nền đất.

- Hãy bắt đầu từ địa điểm người dân quan tâm: trường học, chợ, trạm xá hay đường đi.
- Thảo luận vị trí các địa điểm khác: nhà ở, nơi sản xuất.
- Sử dụng các màu sắc khác nhau để đánh dấu các vị trí.
- Vừa vẽ vừa thảo luận với người dân về tình hình, thuận lợi, khó khăn, tiềm năng của các địa điểm được vẽ.

2.1.2. Sơ đồ lát cắt

Bằng phương pháp xây dựng sơ đồ lát cắt cộng đồng sẽ biết được các hình ảnh, thông tin về tình hình cây trồng, vật nuôi, tiềm năng cũng như khó khăn của từng vùng. Đồng thời, cộng đồng có thể dùng làm cơ sở cho việc lập kế hoạch phát triển sau này.

	Rừng tự nhiên	Ruộng bậc thang	Vườn nhà	Nương chè	Đất trống	Nương rẫy	Rừng trồng
Điều kiện tự nhiên	Đất màu đen, còn tốt, pha sỏi, hơi chua	Đất màu vàng dày 25cm, xấu, hơi chua	Đất dày 25cm, màu đen pha cát, sỏi, xấu, hơi chua, dốc 25 độ	Đất màu đen xám, dày 35cm, còn tốt, chua, độ dốc cao	Đất màu vàng nhạt dày 20cm, xấu, bạc màu, chua, dốc lớn	Đất pha cát sỏi, xấu, chua, độ dốc cao	
Tổ chức quản lý	Đã giao cho các HGĐ Các loại cây chính: Quế, khảo, sói, vầu	Độc canh na, trồng 1 vụ, năng suất 2 tạ/ha. Một số diện tích trồng ngô cho năng suất 5 tạ/ha.	Cây ăn quả chủ yếu: đào, mận, hồng, bưởi, vải, chuối. Chưa có quy hoạch, gia súc thả rông.	Chè cổ thụ cho năng suất thấp, chất lượng kém do chế biến. Các HGĐ quản lý	Bỏ hoang nhiều cỏ dại và cây bụi	Phụ thuộc vào tự nhiên, trồng ngô, sắn, đậu. Bị xói mòn, năng suất thấp, giống địa phương.	Chất lượng kém, phụ thuộc vào thiên nhiên
Khó khăn	Thiếu cây lâm nghiệp giá trị cao và kỹ thuật trồng	Không chủ động nước tưới, thiếu giống có năng suất cao, ít bón phân chuồng	Vườn nhỏ thiếu giống cây con tốt, kỹ thuật trồng và chăm sóc kém	Kỹ thuật chế biến kém, thiếu nơi tiêu thụ, thiếu phân bón		Thiếu giống tốt, phân bón, xói mòn mạnh	
Mong muốn	Trồng hồi, quế, hồng, sa mộc, thông	Tăng năng suất	Có vườn rộng và đầu tư	Mở rộng diện tích trồng và chế biến, tiêu thụ	Phủ xanh bằng cây thức ăn gia súc	Trồng cây cải tạo đất, chống xói mòn	
Giải pháp	Quy hoạch sử dụng đất, xây dựng quy ước bảo vệ rừng, hướng dẫn kỹ thuật	Cải tạo hệ thống thủy lợi nhỏ, trồng thử nghiệm giống lúa và ngô mới, đào tạo kỹ thuật, tăng cường bón phân	Thiết kế vườn, cung cấp cây giống	Huấn luyện kỹ thuật chế biến, giới thiệu thị trường tiêu thụ		Cung cấp giống mới và huấn luyện kỹ thuật	

Hình 1.6. Sơ đồ lát cắt.
Nguồn: JICA (2021)

Cách làm:

- Thảo luận trên bản đồ hay ngoài thực địa với người dân để xác định các hướng đi.
- Chuẩn bị các dụng cụ cần thiết để ghi chép, quan sát.
- Nhờ người địa phương dẫn đường.
- Đi theo lát cắt từ vùng thấp đến vùng cao hay từ điểm này đến điểm khác ở trong thôn bản.
- Đến mỗi vùng ghi chép và thảo luận tính đặc trưng của từng vùng và mô phỏng lại sơ đồ lát cắt đó trên giấy to hay trên đất.
- Thảo luận cùng với người dân những vấn đề họ quan tâm để hiểu rõ hơn tình hình của địa phương.

2.2. Lịch thời vụ/Thời gian biểu

Phương pháp lập lịch thời vụ hoặc thời gian biểu được sử dụng để mô tả các hoạt của cộng đồng diễn ra trong một thời gian (có thể tính theo ngày, tuần,

tháng, năm…) ở địa phương. Các hoạt động bao gồm sản xuất nông nghiệp, phi nông nghiệp, các lễ hội văn hóa truyền thống, tình hình dịch bệnh của con người, cây trồng, vật nuôi, thời gian bận rộn và nhàn rỗi của người dân, …

Lịch thời vụ giúp cho người dân địa phương và người làm phát triển cộng đồng hiểu về tình hình sản xuất, đời sống của người dân diễn ra theo các tháng trong năm. Từ đó mọi người cùng hiểu toàn cảnh về tình hình của địa phương.

Cách làm (lịch thời vụ 1 năm):

- Chuẩn bị giấy khổ rộng, bảng viết hoặc vẽ lên nền đất, sàn nhà, vật liệu khác có thể dùng để vẽ.
- Chia thành 13 cột, trong đó cột đầu là các hoạt động; 12 cột sau tương ứng với 12 tháng trong năm. Hỏi người dân sử dụng lịch dương hay lịch âm.
- Liệt kê các hoạt động, thông thường bắt đầu từ hoạt động sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi, thời điểm nào, làm gì.
- Vừa liệt kê các hoạt động vừa thảo luận các vấn đề có liên quan đến các hoạt động đó.
- Sử dụng cách thức liệt kê các hoạt động, sự kiện diễn ra trong năm để lôi cuốn người dân cùng tham gia thảo luận tình hình của địa phương.

Lưu ý: Lịch thời vụ không chỉ bao gồm các hoạt động sản xuất mà kể cả các sự kiện, các vấn đề liên quan ở cộng đồng.

Bảng 1.4. Thời gian biểu làm đường giao thông nông thôn.

STT	HOẠT ĐỘNG	THÁNG											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Vận động dân hiến đất												
2	Lập dự toán												
3	Xin kinh phí												
4	Hợp đồng thi công												

5	Thi công												
6	Nghiệm thu												
7	Thanh toán												

2.3. Lịch sử địa phương

Lịch sử địa phương giúp người làm công tác phát triển cộng đồng và người dân hiểu hơn những sự kiện đã xảy ra ở địa phương theo thời gian và sự quan tâm của họ, phương pháp sử dụng là tái dựng lại sự kiện đã xảy ra ở đại phương trong một giai đoạn nhất định cần nghiên cứu.

Cách làm:

- Người làm công tác phát triển cộng đồng khuyến khích người dân nhớ lại những sự kiện mà theo họ là quan trọng trong lịch sử phát triển của địa phương. Điều này giúp người phát triển cộng đồng và người dân hiểu sự thay đổi về đời sống, quản lý sử dụng tài nguyên và những sự kiện quan trọng ở địa phương.

- Người làm công tác phát triển cộng đồng có thể tổ chức họp dân, đặt câu hỏi để người dân kể các sự kiện và mốc thời gian của các sự kiện đó. Khuyến khích mọi người cùng tham gia, có thể dùng tờ giấy khổ lớn để ghi chép lại các sự kiện đó để người dân cùng thấy và tham gia thảo luận.

2.4. Phân tích nguyên nhân - hậu quả

Nguyên nhân là phạm trù dùng để chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong sự vật, hiện tượng, hoặc giữa các sự vật hiện tượng với nhau, từ đó tạo ra sự biến đổi nhất định. Kết quả là phạm trù dùng để chỉ sự biến đổi xuất hiện do sự tác động giữa các mặt, các yếu tố trong một sự vật, hiện tượng, hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau. Quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả là quan hệ biện chứng, không có nguyên nhân nào không dẫn đến kết quả nhất định và ngược lại, không có kết quả nào không có nguyên nhân. Nguyên nhân bao giờ cũng xuất hiện trước kết quả. Khi kết quả xuất hiện đi ngược với sự phát triển, làm ảnh hưởng đến sự phát triển được gọi là hậu quả.

Phân tích nguyên nhân - hậu quả là phương pháp nhằm tìm hiểu nguyên nhân của các vấn đề khó khăn mà cộng đồng quan tâm và hậu quả của nguyên nhân ảnh hưởng đến cộng đồng như thế nào. Đây là cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp giúp cộng đồng để phát triển.

Hình 1.7. Cây vấn đề.

Cách làm:

- Lựa chọn vấn đề khó khăn của cộng đồng được nhiều người quan tâm để đưa ra phân tích.
- Viết nội dung vấn đề cần phân tích ở giữa trang giấy. Có thể làm trên đất hay trên giấy, nhưng trên giấy khổ lớn thường được áp dụng.
- Chia vấn đề khó khăn thành hai phía, phía nguyên nhân dẫn đến vấn đề đó và phía hậu quả của vấn đề đó mang lại.

2.5. Phân tích sơ đồ mạng

Phương pháp phân tích theo sơ đồ mạng sử dụng để tìm hiểu sự liên quan giữa các yếu tố, sự kiện với nhau. Phương pháp này giúp phân tích hệ thống sản xuất, hệ thống hàng hóa nông sản, phân tích xã hội các bên có liên quan. Phân tích theo sơ đồ mạng giúp người làm công tác phát triển cộng đồng và người dân hiểu rõ mối quan hệ và mức độ liên quan của mối quan hệ đó với nhau khi xem xét.

Hình 1.8. Ví dụ một sơ đồ mạng.
Nguồn: JICA (2021)

Cách làm:

- Chọn vấn đề quan tâm.
- Xác định các vấn đề khác có liên quan.
- Xác định mức độ liên quan của nó.

2.6. Phân loại

Phân loại là phương pháp để so sánh, lựa chọn các chủ đề, các hoạt động… khi thảo luận với người dân. Người dân thể sử dụng các cách thức khác nhau để phân loại:

Cho điểm:

- Trước hết thống nhất thang điểm để đánh giá. Thông thường người ta chọn thang điểm 5 hoặc 10, tương ứng với số nhỏ nhất là thích nhất và số lớn nhất (5 hoặc 10) là số ít được lựa chọn hoặc ngược lại.
- Từng thành viên tự chấm điểm vào các vấn đề cần so sánh. Lấy tổng số điểm của tất cả mọi thành viên chấm theo trên từng vấn đề để làm cơ sở phân loại kết quả so sánh, xếp loại.
- Có thể dùng hạt ngô, hạt đậu, đá, sỏi, … (trong trường hợp người dân không biết chữ) để phát cho người dân và hướng dẫn người dân tự chấm điểm.

Biểu quyết:

Trong nhiều trường hợp, có thể phân loại bằng hình thức giơ tay biểu quyết. Phương pháp này đơn giản nhưng ý kiến của mỗi cá nhân có thể bị ảnh hưởng bởi ý kiến của người khác.

So sánh cặp đôi

So sánh cặp thường được sử dụng khi xếp thứ tự ưu tiên. Phương pháp này dựa trên việc so sánh từng cặp một, cái nào được quan tâm hơn cái nào. Lập bảng so sánh với số hàng bằng số cột và bằng số vấn đề phân loại. Ví dụ: Phân loại 5 vấn đề thì có 5 hàng ngang và 5 cột dọc tương ứng. Hoạt động nào được lựa chọn nhiều lần, cái nào hơn sẽ được lựa chọn để so sánh với cái khác. Đến khi chọn được cái cuối cùng có điểm mạnh hơn là cái được cộng đồng lựa chọn.

Bảng 1.5. So sánh cặp đôi.

	Trồng cam	**Trồng mía**	**Chăn nuôi bò**	**Nuôi dê**	**Nuôi gà thả**	**Số lần xuất hiện**	**Xếp hạng ưu tiên**
Trồng cam		Trồng cam	Trồng cam	Trồng cam	Nuôi gà thả	3	I
Trồng mía			Chăn nuôi bò	Nuôi dê	Trồng mía	1	III
Chăn nuôi bò				Nuôi dê	Chăn nuôi bò	2	II
Nuôi dê					Nuôi gà thả	2	II
Nuôi gà thả						3	I

2.7. Câu chuyện thành công trong cộng đồng

Trong quá trình phát triển của cộng đồng mỗi một thời kỳ bao giờ cũng gắn với những câu chuyện thành công của họ. Phương pháp kể câu chuyện thành công của cộng đồng để biết những giá trị mà cộng đồng đã có, đó là những tài sản (phi vật thể và cũng có thể là tài sản văn hóa) của cộng đồng. Các tài sản này được hình thành trong quá khứ, do cộng đồng đã cùng nhau huy động các nguồn lực để thực hiện một hay nhiều hoạt động nào đó vì lợi ích của cộng đồng.

Các tài sản phát hiện ra trong câu chuyện thành công có thể liên quan đến kiến thức, tri thức bản địa, các mối liên kết xã hội, văn hóa truyền thống và các giá trị của cộng đồng, hay những điển hình cá nhân có sức ảnh hưởng đến quá trình phát triển của cộng đồng, …

Ý nghĩa: Khi kể lại các câu chuyện thành công trong quá khứ, cộng đồng sẽ tự nhìn lại để thấy sự chủ động, sáng tạo của mình khi đã viết nên những thành

công, những kỳ tích (nếu có) trong lịch sử phát triển. Từ đó khơi dậy niềm tự hào, các giá trị và tinh thần cộng đồng của người dân để khuyến khích họ phát huy sáng kiến, phát huy truyền thống, sử dụng kinh nghiệm, tham gia tích cực vào các hoạt động phát triển trong hiện tại và tương lai của cộng đồng.

Mục đích:

- Giúp cho người dân trong cộng đồng nhớ lại những câu chuyện thành công trong lịch sử phát triển của họ, cùng nhau nhận diện được yếu tố tích cực, điểm mạnh của họ.

- Phân tích mối liên hệ giữa nguồn lực trong cộng đồng và những thành quả đạt được trong quá khứ.

- Kết quả của bước này sẽ giúp phát hiện được các nhóm tình nguyện, các cá nhân có vai trò tiên phong và chỉ đạo việc thực hiện các hoạt động cũng như cách huy động sự tham gia của các thành viên trong cộng đồng. Qua đó có thể huy động lại những thành viên hoặc các nhóm này tham gia vào các hoạt động phát triển cộng đồng trong tương lai.

Cách làm:

- Kể chuyện thành công theo nhóm nhỏ.
- Phân tích những thành công.
- Thảo luận những điểm chung của thành công trong cộng đồng.

2.8. Tài sản cá nhân

Trong một con người bình thường bao giờ cũng có một năng lực nhất định. Năng lực đó đối với cá nhân họ có thể chỉ sử dụng vào một vài công việc nhất định. Nhưng trong một cộng đồng, nhất là khi được tổ chức theo hệ thống khoa học thì năng lực đó sẽ có giá trị rất nhiều trong sự phát triển của cộng đồng. Phương pháp đánh giá tài sản cá nhân được sử dụng để từng cá nhân thấy khả năng cá nhân và cả cộng đồng sẽ thấy tiềm năng cho phát triển.

Nói đến nguồn lực/tài sản về con người có thể nói đến hai nguồn lực chính: một nguồn lực là sức lao động chân tay và nguồn lực kia là những gì liên quan đến lao động trí óc.

Tài sản cá nhân trong phần này được hiểu là những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, khả năng của cá nhân làm tốt một công việc nào đó.

Ý nghĩa: Đây là quá trình xây dựng quan hệ với cộng đồng. Phát hiện các tài sản cá nhân (hay các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của từng cá nhân) để có kế hoạch huy động sự tham gia của họ trong quá trình phát triển cộng đồng.

Mục đích:

- Khám phá điểm mạnh, kỹ năng, năng lực của cá nhân trong cộng đồng để lập sơ đồ tài sản cá nhân nhằm huy động họ tham gia vào các hoạt động đem lại lợi ích cho cộng đồng.

- Khuyến khích cá nhân tìm mối liên hệ giữa tài sản cá nhân và công việc của các tổ chức hay nhóm trong cộng đồng.

- Làm cho cá nhân tự tin vào khả năng của mình và sẵn sàng đóng góp vào sự phát triển chung.

Cách làm:

- Bắt đầu từ câu chuyện thành công để biết cộng đồng đóng góp gì vào thành công đó.
- Mở rộng đến các cá nhân khác trong cộng đồng.
- Nhóm tài sản theo nhóm chủ đề, lĩnh vực, …
- Xác định cơ hội từ tài sản cá nhân.

2.9. Phân tích kinh tế cộng đồng

Quá trình phát triển của một cộng đồng bao giờ cũng phát sinh các hoạt động kinh tế. Bằng phương pháp phân tích kinh tế cộng đồng theo sơ đồ thùng thủng cho biết bức tranh về các hoạt động kinh tế bên trong cộng đồng và mối liên hệ của kinh tế cộng đồng với các hoạt động kinh tế khác bên ngoài cộng đồng. Từ đó phân tích và tìm cơ hội phát triển kinh tế cho cộng đồng.

Khi phân tích kinh tế cộng đồng sẽ giúp cộng đồng:

- Phân tích được các nguồn thu (hay dòng chảy vào), các nguồn chi (hay dòng chảy ra ngoài).
- Phân tích được các hoạt động kinh tế bên trong cộng đồng.
- Tìm cơ hội phát triển kinh tế có lợi cho cộng đồng.

Cách làm

- Xác định các nguồn thu, nguồn chi và dòng tiền bên trong cộng đồng.
- Xây dựng bức tranh tổng thể về kinh tế của cộng đồng (vẽ chiếc thùng thủng).
- Tìm cơ hội phát triển từ bức tranh kinh tế cộng đồng.

Hình 1.9. Sơ đồ thùng thủng.

B. MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở CƠ SỞ

Như trên đã nói, cộng đồng là những người trong cùng một thôn, xã. Do đó, tài liệu này khi nêu lên mối quan hệ giữa phát triển cộng đồng và xây dựng nông thôn mới chỉ đề cập xây dựng nông thôn mới ở cấp cơ sở là thôn, xã. Mối quan hệ giữa phát triển cộng đồng và xây dựng nông thôn mới ở cơ sở thể hiện ở những dung sau:

1. Mục tiêu phát triển cộng đồng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở cơ sở

Bất cứ dự án phát triển cộng đồng nào đều hướng tới giúp cho cộng đồng phát triển ở các mức độ phát triển khác nhau trên lĩnh vực mà dự án đặt mục tiêu. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới cũng phát triển thôn, xã toàn diện trên tất cả các lĩnh vực và đạt được các chỉ tiêu của các tiêu chí nông thôn mới. Mục tiêu chung là người dân trong cộng đồng địa phương đều có đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, môi trường được bảo vệ và an toàn an ninh được bảo đảm.

Bảng 1.6. Mối quan hệ giữa mục tiêu phát triển cộng đồng và mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

Phát triển cộng đồng	Xây dựng nông thôn mới ở cơ sở	Mục tiêu theo các tiêu chí xây dựng nông thôn

		mới ở cơ sở
Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cải thiện đời sống kinh tế của người dân	Phát triển kinh tế nông thôn Nâng cao đời sống vật chất	- Tiêu chí 10: thu nhập - Tiêu chí 11: hộ nghèo - Tiêu chí 13: Phát triển kinh tế nông thôn
Nâng cao dân trí và năng lực của người dân trong tổ chức phát triển kinh tế - xã hội ở cộng đồng	Nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn	- Tiêu chí 05: Trường học - Tiêu chí 06: Cơ sở vật chất văn hóa - Tiêu chí 08: Thông tin và Truyền thông - Tiêu chí 16: Văn hóa - Tiêu chí 18: Tiếp cận pháp luật
Bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe	Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân	- Tiêu chí 09: Nhà ở dân cư - Tiêu chí 11: Hộ nghèo - Tiêu chí 14: Y tế - Tiêu chí 16: Văn hóa - Tiêu chí 18: Tiếp cận pháp luật
Xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sống của người dân về ăn ở, sinh hoạt đi lại và các dịch vụ ở cộng đồng	Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại	- Tiêu chí 01: Quy hoạch - Tiêu chí 02: Giao thông - Tiêu chí 03: Thủy lợi và phòng chống thiên tai - Tiêu chí 04: Điện - Tiêu chí 06: Cơ sở vật chất văn hóa - Tiêu chí 07: Hạ tầng thương mại nông thôn - Tiêu chí 08: Thông tin và Truyền thông - Tiêu chí 09: Nhà ở dân cư
Bảo vệ tài nguyên và môi trường, hạn chế ảnh hưởng của thiên tai	Bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.	- Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm - Tiêu chí 18 Chất lượng môi trường sống (Xã NTM nâng cao)
Bình đẳng giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho	Thúc đẩy bình đẳng giới.	- Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp

phụ nữ, trẻ em gái và các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.		luật - Tiêu chí 19: Quốc phòng và An ninh

2. Mối quan hệ cộng hưởng giữa phát triển cộng đồng và xây dựng nông thôn mới ở cơ sở

Như nội dung trên đã nêu, chủ thể của phát triển cộng đồng cũng là chủ thể xây dựng nông thôn mới ở cơ sở. Mục tiêu phát triển cộng đồng cũng là mục tiêu nông thôn mới. Do đó, mối quan hệ giữa phát triển cộng đồng và xây dựng nông thôn mới ở cơ sở là mối quan hệ tương hỗ, cộng hưởng lẫn nhau. Sự cộng hưởng đó được thể hiện rằng nếu nội dung, mục tiêu của phát triển cộng đồng đạt được sẽ tác động góp phần hoàn thành nội dung, mục tiêu của xây dựng nông thôn mới ở cơ sở. Ngược lại, mục tiêu xây dựng nông thôn mới đạt được sẽ giúp cho cộng đồng phát triển toàn diện.

2.1. Quan hệ cộng hưởng về khía cạnh chủ thể

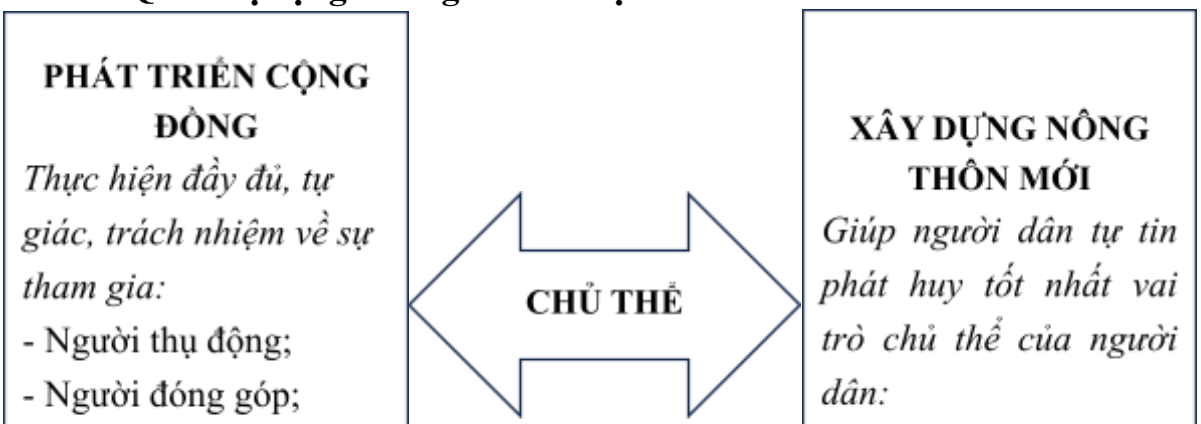

2.2. Quan hệ cộng hưởng về mục tiêu

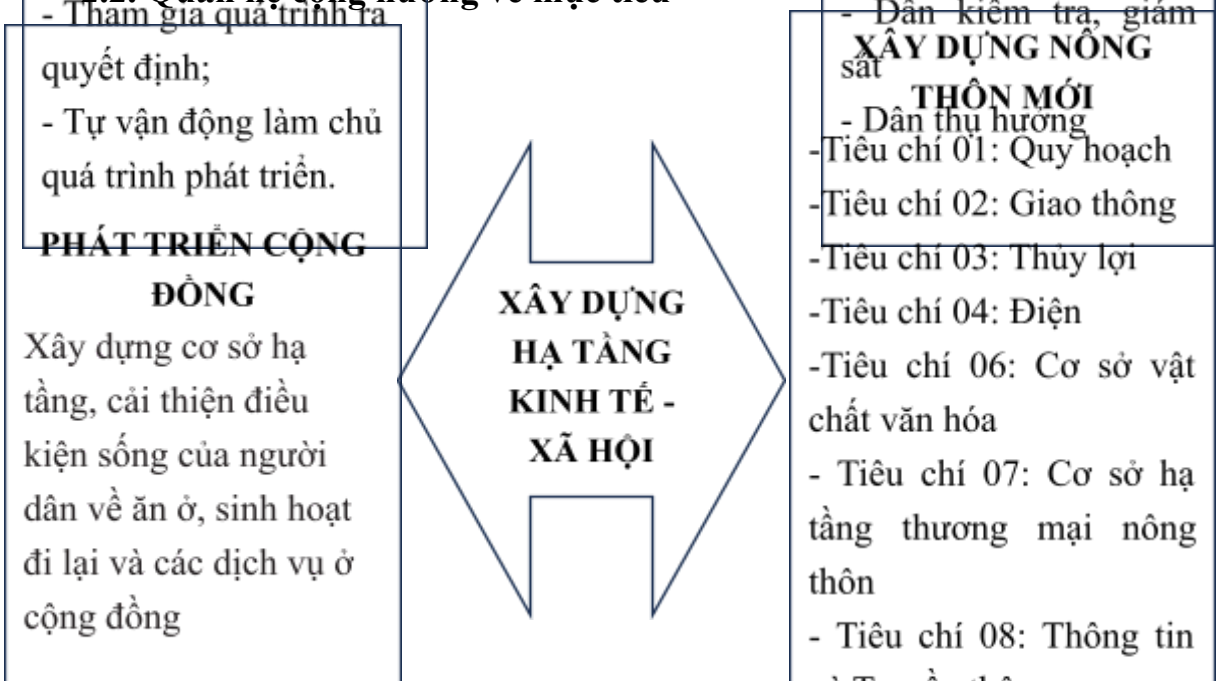

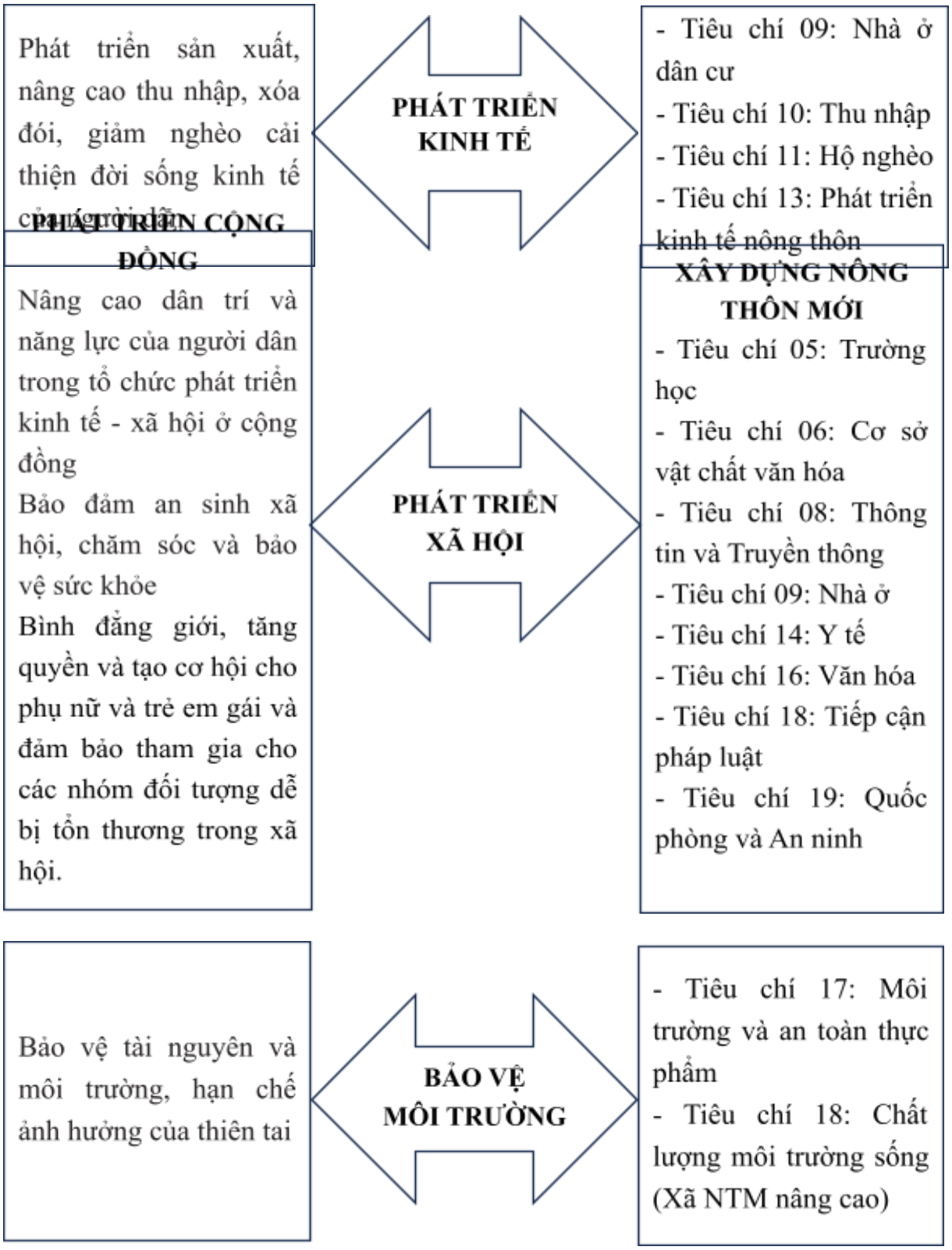
Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cải thiện đời sống kinh tế của người dân
PHÁT TRIỂN KINH TẾ
- Tiêu chí 09: Nhà ở dân cư
- Tiêu chí 10: Thu nhập
- Tiêu chí 11: Hộ nghèo
- Tiêu chí 13: Phát triển kinh tế nông thôn
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
Nâng cao dân trí và năng lực của người dân trong tổ chức phát triển kinh tế - xã hội ở cộng đồng
Bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe
Bình đẳng giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái và đảm bảo tham gia cho các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.
PHÁT TRIỂN XÃ HỘI
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
- Tiêu chí 05: Trường học
- Tiêu chí 06: Cơ sở vật chất văn hóa
- Tiêu chí 08: Thông tin và Truyền thông
- Tiêu chí 09: Nhà ở
- Tiêu chí 14: Y tế
- Tiêu chí 16: Văn hóa
- Tiêu chí 18: Tiếp cận pháp luật
- Tiêu chí 19: Quốc phòng và An ninh
Bảo vệ tài nguyên và môi trường, hạn chế ảnh hưởng của thiên tai
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
- Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm
- Tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống (Xã NTM nâng cao)

CHUYÊN ĐỀ 2
PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN

Thời lượng: 8 tiết

- Lý thuyết: 4 tiết
- Thảo luận, thực hành: 4 tiết

Mục tiêu

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế, các thành phần kinh tế ở nông thôn và vai trò cộng đồng trong phát triển kinh tế nông thôn.

Yêu cầu

- Về kiến thức: Sau khi học xong học viên có khả năng:

+ Hiểu được các hoạt động kinh tế ở nông thôn.

+ Hiểu được các thành phần kinh tế ở nông thôn.

+ Biết được vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế ở nông thôn.

+ Biết được một số mô hình kinh tế tập thể thành công và bài học kinh nghiệm về vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế tập thể.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong học viên có kỹ năng:

+ Khai thác sử dụng các nguồn nội lực của cộng đồng để phát triển kinh tế ở nông thôn.

+ Tổ chức liên kết sản xuất để cung cấp sản phẩm dịch vụ cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu ở địa phương.

+ Phân tích những yếu tố tạo nên sự thành công của những mô hình phát triển kinh tế tập thể dựa vào cộng đồng.

- Về thái độ:

+ Sau khi học xong học viên chủ động, tích cực hợp tác liên kết, huy động, sử dụng các nguồn nội lực để tham gia phát triển kinh tế nông thôn.

I. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ NÔNG THÔN

1. Khái niệm kinh tế nông thôn

Kinh tế nông thôn là hoạt động kinh tế gắn liền với địa bàn nông thôn. Nó là một phức hợp những nhân tố cấu thành của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nông - lâm - ngư nghiệp, cùng với các ngành tiểu - thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến và phục vụ nông nghiệp, các ngành thương mại và dịch vụ... tất cả có quan hệ hữu cơ với nhau trong kinh tế vùng và lãnh thổ và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

2. Khái niệm phát triển kinh tế nông thôn

Phát triển kinh tế nông thôn được hiểu là quá trình tạo ra sự tiến bộ về kinh tế ở nông thôn bao gồm sự tăng trưởng về quy mô nền kinh tế nông thôn; hợp lý hóa cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cấp về chất lượng, hiệu quả các nguồn lực kinh tế, các hoạt động kinh tế ở nông thôn, được thể hiện ở việc nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn, bảo vệ môi trường tự nhiên, văn hóa, chính trị và thực hiện tiến bộ xã hội.

3. Các hoạt động kinh tế ở nông thôn

3.1. Sản xuất kinh doanh nông nghiệp

Sản xuất kinh doanh nông nghiệp là các hoạt động liên quan đến sử dụng đầu vào (đất đai, giống, phân bón, thức ăn, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, …), tổ chức quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến và tiêu thụ các hàng hóa nông sản và các sản phẩm có liên quan.

- Hoạt động trồng trọt bao gồm hoạt động về giống cây trồng; phân bón; canh tác; thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng (Luật Trồng trọt, 2018).

- Hoạt động chăn nuôi là nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản vật nuôi và hoạt động khác có liên quan đến vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi phục vụ mục đích làm thực phẩm, khai thác sức kéo, làm cảnh hoặc mục đích khác của con người (Luật Chăn nuôi, 2018).

- Hoạt động thủy sản là hoạt động bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; nuôi trồng thủy sản; khai thác thủy sản; chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản (Luật Thuỷ sản, 2017).

- Hoạt động lâm nghiệp bao gồm một hoặc nhiều hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản (Luật Lâm nghiệp, 2017).

- Dịch vụ nông nghiệp là những hoạt động cung ứng các yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất nông nghiệp, hoặc thực hiện một hay một vài khâu canh tác trong quy trình sản xuất nông nghiệp và xử lý chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản cho người sản xuất nông nghiệp. Ví dụ: dịch vụ tưới tiêu, dịch vụ làm đất, khuyến nông, cung cấp giống cây trồng vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, cho thuê máy móc, thu mua, sơ chế, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, tín dụng nội bộ, thông tin thị trường, …

3.2. Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp

3.2.1. Công nghiệp

Công nghiệp là một bộ phận của nền kinh tế thuộc lĩnh vực sản xuất hàng

hóa/vật chất mà sản phẩm của nó được chế tạo, chế phẩm, chế biến, chế tác, … phục vụ cho các nhu cầu tiêu dùng hoặc hoạt động kinh doanh của con người. Quá trình này có sự hỗ trợ của khoa học – kỹ thuật và công nghệ.

Các hoạt động công nghiệp tạo ra tư liệu sản xuất, khai thác tài nguyên và chế biến chúng thành sản phẩm để phục vụ tiêu dùng.

Ví dụ: công nghiệp chế biến như tôm đông lạnh; xay xát gạo; may mặc, túi xách; se chỉ xơ dừa, dệt lưới xơ dừa góp phần tạo việc làm cho lao động.

3.2.2. Tiểu thủ công nghiệp

Tiểu thủ công nghiệp là ngành công nghiệp mà sản phẩm làm ra chủ yếu bằng thủ công với quy mô nhỏ. Ở đó, hệ thống công cụ lao động thô sơ đã được cải tiến và thay thế bằng một phần máy móc mang tính chất công nghiệp có quy mô nhỏ (bao gồm các hộ, cơ sở sản xuất mang tính chất công nghiệp quy mô nhỏ, trang bị máy móc hoặc thủ công). Ví dụ: các nghề như dệt chiếu, làm bánh tráng, đan lát, thủ công mỹ nghệ, ... nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của các cơ sở trên thị trường.

3.2.3. Thương mại và dịch vụ

Thương mại là hoạt động trao đổi của cải, hàng hóa, dịch vụ, kiến thức, tiền tệ… giữa hai hay nhiều đối tác, và có thể nhận lại một giá trị nào đó (bằng tiền thông qua giá cả) hay bằng hàng hóa, dịch vụ khác như trong hình thức thương mại hàng đổi hàng. Trong quá trình này, người bán là người cung cấp của cải, hàng hóa, dịch vụ… cho người mua, đổi lại người mua sẽ phải trả cho người bán một giá trị tương đương nào đó.

Dịch vụ là những hoạt động lao động của con người, không tồn tại dưới hình thái vật thể, không dẫn đến việc chuyển quyền sở hữu, nhằm thỏa mãn kịp thời các nhu cầu sản xuất và đời sống sinh hoạt của con người.

Phát triển du lịch nông thôn là một ngành dịch vụ tạo ra giá trị đa tích hợp mà đang được khuyến khích phát triển. Du lịch nông thôn là chuỗi các hoạt động, dịch vụ và tiện nghi được cung cấp ở khu vực nông thôn, để khai thác các giá trị ở vùng nông thôn như một nguồn tài nguyên, đáp ứng nhu cầu trải nghiệm của cư dân không ở nông thôn hoặc ở vùng nông thôn khác.

Đặc điểm của du lịch nông thôn:

- Hoạt động du lịch được tổ chức trên địa bàn nông thôn.
- Khai thác các giá trị tài nguyên du lịch đặc thù về văn hóa, lối sống, truyền thống làng quê gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp của cộng đồng ở vùng nông thôn.
- Tạo ra nhiều cơ hội việc làm, tác động tích cực đến cuộc sống của cộng đồng nông thôn.
- Trực tiếp tạo ra cầu nối hoạt động sản xuất và cung cấp nông sản, sản phẩm thủ công của làng nghề truyền thống.
- Sử dụng cơ sở hạ tầng, vật chất của cộng đồng nông thôn.

Các loại hình du lịch nông thôn: du lịch nông nghiệp (canh nông), du lịch sinh thái, du lịch thiên nhiên, du lịch văn hóa (gồm văn hóa di sản, văn hóa lễ hội, văn hóa bản địa, văn hóa làng nghề, văn hóa ẩm thực), du lịch bản làng, du

lịch homestay… Ví dụ: người dân ở ấp Thiềng Liềng, xã đảo Thạnh An, huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh cùng nhau phát triển mô hình du cộng đồng trên cơ sở phát huy các tài nguyên của địa phương như ngọn núi đá duy nhất của TP. Hồ Chí Minh, cánh đồng muối bạt ngàn, môi trường không có khói bụi, không có bến xe, không có tệ nạn xã hội.

4. Các thành phần kinh tế ở nông thôn

Trong giai đoạn hiên nay nền kinh tế nước ta rất nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế chủ yếu ở nông thôn ngoài kinh tế khu vực công còn bao gồm kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể.

4.1. Kinh tế tư nhân

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định phát triển khu vực kinh tế tư nhân để thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Văn kiện nêu rõ: "Xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60% - 65%.

Kinh tế tư nhân được khẳng định là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế và được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được hỗ trợ thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao.

Kinh tế tư nhân được hình thành và phát triển dựa trên sự sở hữu của tư nhân về tư liệu sản xuất cũng như lợi ích cá nhân. Đối tượng sở hữu kinh tế tư nhân đó là các cá thể hoặc một nhóm người thuộc về tư nhân, hoạt động chủ yếu vì mục tiêu lợi. Kinh tế tư nhân bao gồm (1) Kinh tế hộ gia đình và (2) Doanh nghiệp tư nhân.

4.1.1. Kinh tế hộ gia đình

Kinh tế hộ gia đình là một tổ chức kinh doanh thuộc sở hữu của hộ gia đình, trong đó các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định.

Đặc điểm của kinh tế hộ gia đình:

- Kinh tế hộ gia đình được hình thành theo một cách thức tổ chức riêng trong phạm vi gia đình.
- Kinh tế hộ gia đình tồn tại chủ yếu ở nông thôn, hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản. Một bộ phận khác có hoạt động phi nông nghiệp ở mức độ khác nhau.
- Trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của chủ hộ rất hạn chế, chủ yếu là theo kinh nghiệm từ đời trước truyền lại cho đời sau.
- Ở nước ta do trình độ lực lượng sản xuất còn thấp, kinh tế hộ gia đình có vị trí quan trọng, lâu dài trong nhiều ngành nghề và ở khắp các địa bàn cả nước. Thành phần kinh tế này có khả năng sử dụng và phát huy có hiệu quả các tiềm

năng về vốn, sức lao động, các kinh nghiệm sản xuất, ngành nghề truyền thống. Hạn chế của thành phần này là ở tính tự phát, manh mún và chậm ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ. Vì vậy, một mặt, cần tạo điều kiện để kinh tế hộ gia đình phát triển; mặt khác, cần hướng dẫn để dần dần vào kinh tế tập thể một cách tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

4.1.2. Doanh nghiệp tư nhân

Doanh nghiệp tư nhân được tổ chức dưới các loại hình tư nhân, trách nhiệm hữu hạn, cổ phần, hợp danh, …

Thành phần kinh tế này đã phát triển khá nhanh và thu hút đông đảo các tầng lớp dân cư tham gia vào hoạt động. Đến tháng 6 năm 2023, trong nông nghiệp ngoài việc có đến hàng triệu cơ sở kinh tế hộ gia đình, gần 19 ngàn trang trại đạt tiêu chí của bộ NN&PTNT (Theo Cổng thông tin điện tử Chính phủ), thì còn có đến hơn 50 ngàn doanh nghiệp tư nhân.

4.2. Kinh tế tập thể

Trong kinh tế nông thôn, thành phần kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác bao gồm các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò quan trọng để liên kết nông dân và hỗ trợ nông dân sản xuất nông sản hiệu quả thông qua việc cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết phối hợp sản xuất, kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã. Thành phần kinh tế tập thể bao gồm:

4.2.1. Tổ hợp tác

Tổ hợp tác là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác do ít nhất 02 thành viên tự nguyện thành lập, cùng góp vốn, góp sức lao động để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

Là hình thức kinh tế tập thể theo công việc giản đơn, tạm thời, không ổn định hoặc hợp tác sản xuất, dịch vụ quy mô nhỏ. Đây là hình thức kinh tế tập thể xuất hiện sớm nhất trong lịch sử tồn tại ở mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và đời sống bao gồm trong phát triển nông nghiệp nông thôn.

4.2.2. Hợp tác xã

Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

4.2.3. Liên hiệp hợp tác xã

Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 03 hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực tham gia thị trường, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

4.2.4. Đặc điểm của kinh tế tập thể ở nông thôn

Chúng ta thấy rằng hình thức Tổ hợp tác không có tư cách pháp nhân, không có con dấu riêng, ngoài ra hình thức liên hiệp HTX với thành phần chính vẫn là HTX. Do đó, HTX là nòng cốt của hình thức kinh tế tập thể.

Lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích của các thành viên, lợi ích của tập thể, coi trọng lợi ích xã hội của các thành viên, góp phần xóa đói giảm nghèo, tiến lên làm giàu và phát triển cộng đồng.

Kinh tế tập thể với phương châm phát triển là tích cực, vững chắc, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đi từ thấp đến cao, đạt hiệu quả thiết thực, vì sự phát triển của sản xuất.

Đánh giá hiệu quả dựa trên quan điểm toàn diện cả về kinh tế - chính trị - xã hội, hiệu quả của tập thể và các thành viên.

Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học – công nghệ, mở rộng thị trường, xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

4.2.5. Lợi ích của kinh tế tập thể

Kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp với bản chất là sự liên kết, hợp tác thông qua các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã dẫn đến sự ra đời của các khu sản xuất tập trung, các vùng nguyên liệu, cánh đồng mẫu lớn và các chuỗi liên kết sản xuất… tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại vào sản xuất, kinh doanh, chế biến sản phẩm, từ đó nâng cao số lượng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Từ đó, kinh tế tập thể có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cải thiện và nâng cao đời sống mọi mặt cho người lao động, góp phần làm giảm sự phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội bởi kinh tế tập thể tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc các thành viên cùng góp vốn, góp tài sản, góp sức trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.

II. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN

1. Nội dung phát triển kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022, nội dung phát triển kinh tế nông thôn được quy định ở nội dung thành phần số 03: "Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững".

Nội dung cụ thể phát triển kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới mà người dân và cộng đồng trực tiếp tham gia trực tiếp thực hiện và giúp cho kinh tế nông thôn phát triển có rất nhiều hoạt động. Tuy nhiên, có thể kể đến một số hoạt động chủ yếu sau đây: (1) Phát triển sản phẩm OCOP; (2) Phát triển du lịch nông thôn; (3) Phát triển ngành nghề nông thôn; (4) Liên kết sản

xuất nông sản theo chuỗi giá trị nông sản; (5) Phát triển thương mại điện tử; (6) Sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái; (7) Nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể đặc biệt là hợp tác xã; (8) Nâng cao trình độ tay nghề cho nông dân; (9) Xây dựng vùng nguyên liệu.

2. Phát huy vai trò của người dân và cộng đồng trong một số hoạt động phát triển kinh tế nông thôn

Phát huy vai trò của người dân và cộng đồng trong phát triển kinh tế nông thôn là việc huy động sử dụng nội lực của cộng đồng một cách hợp pháp, hợp lý và hiệu quả vào các hoạt động phát triển kinh tế nông thôn ở địa bàn của người dân và cộng đồng đang sinh sống ở đó. Việc huy động, sử dụng nội lực của người dân và cộng đồng cần đảm bảo tính tự nguyện, cùng có lợi việc sử dụng đảm bảo tính sáng tạo, hiệu quả vào các hoạt động kinh tế nông thôn.

Nguồn nội lực cộng đồng bao gồm: (1) Các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tồn tại trong cộng đồng (đất sản xuất, tài nguyên rừng, thuỷ sản…); (2) Các nguồn tài sản vật chất, là các công trình xây dựng phục vụ trực tiếp hay gián tiếp cho đời sống người dân (cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm); (3) Các nguồn lực về con người, gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ, tinh thần của con người; (4) Các nguồn tài sản xã hội là mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng, văn hóa truyền thống…; (5) Các nguồn tài chính là các nguồn lực kinh tế trong cộng đồng.

Tài liệu này đề cập đến nội dung phát huy vai trò của cộng đồng trong một số hoạt động phát triển kinh tế nông thôn như sau:

2.1. Phát huy vai trò của cộng đồng trong thực hiện chương trình OCOP

Chương trình OCOP là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị, phát triển sản phẩm OCOP dựa trên thế mạnh, lợi thế về nguyên liệu địa phương, văn hóa và tri thức bản địa, đặc biệt là các đặc sản, sản vật, sản phẩm làng nghề và dịch vụ du lịch của làng, xã, cộng đồng.

Chính vì vậy, phát huy vai trò của người dân trong thực hiện chương trình OCOP là phát huy nội lực để tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị bản sắc địa phương, đặc sản vùng miền từ đất đai, nguyên liệu địa phương, công nghệ, bí quyết riêng hay tích hợp các giá trị văn hóa vào sản phẩm.

Người dân và cộng đồng có những nguồn nội lực để tham gia chương trình OCOP có thể kể đến:

- Cây trồng, vật nuôi bản địa là những loài phát triển, phân bố tại các địa phương, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng và gần gũi với cuộc sống cư dân bản địa, có giá trị nguồn gen và giá trị tài nguyên rất đặc thù và mang lại nét khác biệt giữa các vùng miền. Ví dụ**:** Gà Đông Tảo còn được gọi gà Đông Cảo, là giống gà quý hiếm, có nguồn gốc từ xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Thuở xưa, loài gà nuôi cổ truyền này thường được người dân dùng làm vật phẩm tiến Vua, các bậc quý tộc hoặc dùng làm đồ cúng tế có từ hàng trăm năm. Tuy có hình dáng trông hơi "đáng sợ" nhưng thịt của gà Đông Tảo rất ngon. Chất thịt mềm ngọt, không quá dai, không có gân nên được rất

nhiều người yêu thích. Do đó Thịt gà Đông Tảo đã được người dân ở đây nuôi và chế biến trở thành sản phẩm OCOP 4 sao của tỉnh Hưng Yên (Trang tin OCOP Hưng Yên, n.d).

- Cộng đồng cùng nhau phục tráng và bảo tồn các giống cây trồng vật nuôi bản địa, sản xuất các đặc sản địa phương để phát triển các sản phẩm OCOP. Ví dụ: Lợn Móng Cái là giống vật nuôi nguồn gốc hoang dã, được thuần hóa về chăn nuôi tại gia đình. Đây là giống lợn quý bản địa nhưng lại đang dần mai một. Điểm nổi bật của giống lợn này là có sức đề kháng bệnh tốt, ít khi bị các bệnh truyền nhiễm, chịu đựng được thời tiết khắc nghiệt. Chất lượng thịt lợn khá nổi bật nhờ một số đặc tính: Da mỏng, thịt mềm, ngọt giòn, không ngấy, giàu dinh dưỡng. Nhưng nhờ bảo tồn giống và phát triển đàn nên đã duy trì được giống lợn Móng Cái. Thịt lợn móng Cái đã là sản phẩm OCOP của tỉnh Quảng Ninh (Trang tin OCOP Quảng Ninh, n.d).

- Cộng đồng sử dụng các bí quyết và công nghệ truyền thống tạo nên sản phẩm đặc thù trong sản xuất, sơ chế, chế biến phát triển sản phẩm OCOP. Ví dụ: rượu cần Tây nguyên nổi tiếng với bí quyết chính là ở chất gây men. Chất gây men được làm từ lá rừng và thường được giữ kín, không tiết lộ cho người ngoài sắc tộc. Về cách chế biến thật đơn giản nhưng độc đáo: men và tinh bột được trộn đều, cho vào ché, bên trong phủ lớp trấu dùng để ủ. Sau đó, thay vì mang đi chưng cất bằng nhiệt như các loại rượu thường, người ta đem chóe chôn sâu xuống đất đúng 100 ngày. Dĩ nhiên, thời gian chôn càng lâu rượu càng thơm ngon, quyến rũ. Với đặc sắc rượu cần nên tại nhiều địa phương đã có những sản phẩm OCOP như Rượu Cần Y Thơi, Y Trang Kon Tum, Rượu Cần Y Miên Đăk Lăk, …

2.2. Phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch nông thôn

Du lịch nông thôn là hoạt động du lịch được tổ chức phát triển ở địa bàn nông thôn trên cơ sở khai thác các giá trị tài nguyên du lịch (tự nhiên và nhân văn) nhằm thoả mãn nhu cầu đa dạng của du khách.

Trong đó có thể kể đến các loại hình du lịch như:

- Du lịch nông nghiệp là loại hình du lịch khai thác chương trình trải nghiệm, học tập về nông nghiệp, dùng thử nông sản, giao lưu với người dân làm nông nghiệp…

- Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi.

- Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường.

- Du lịch văn hóa là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở khai thác giá trị văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tôn vinh giá trị văn hóa mới của nhân loại.

Việc phát huy vai trò của người dân và cộng động trong phát triển du lịch thể hiện trong 2 vai trò quan trọng sau:

- Thứ nhất, cộng đồng là người cung ứng tài nguyên để tạo nên sản phẩm du lịch:

+ Cộng đồng có những vườn cây, ao cá, ruộng lúa để cho du lịch tham quan trải nghiệm. Ví dụ: Du lịch miệt vườn ở Tây Nam Bộ; Du lịch trải nghiệm trồng rau húng quế ở làng rau Trà Quế, Hội An.

+ Cộng đồng tham gia sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện nhà ở, cơ sở vật chất tiếp đón khách du lịch, Ví dụ, trong loại hình homestay khách đến lưu trú tại nhà dân và trải nghiệm cuốc sống cùng người dân địa phương chẳng hạn homestay ở Tây Bắc, Homestay ở Tây Nguyên, homestay Đồng bằng Sông Cửu Long.

+ Cộng đồng cùng nhau nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan xanh, sạch đẹp tại điểm du lịch, tạo lối sống văn minh, lành mạnh và tăng cường mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng tạo nên bức tranh riêng mà du khách đến để tham quan học hỏi và trải nghiệm không khí an lành của vùng quê.

+ Cộng đồng chứa đựng trong con người bản sắc riêng có từ trang phục, lễ hội hay các hoạt động văn hóa như ca hát, văn nghệ. Ví dụ, câu lạc bộ đờn ca tài tử Nam Bộ là một sản phẩm trong chuỗi sản phẩm của du lịch nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Cộng đồng cùng nhau cung cấp các sản phẩm và dịch vụ để phục vụ du khách như: cung cấp nông sản, thực phẩm, dịch vụ vận chuyển, …

- Thứ hai, cộng đồng là người tham gia quản lý hoạt du lịch: Khi triển khai các hoạt động du lịch nông thôn mà người dân và cộng đồng tham gia kinh doanh họ chính là những người quản lý giám sát đích thực, kịp thời và hiệu quả. Khi không tham gia kinh doanh, họ cũng chính là người thực hiện vai trò "dân kiểm tra, giám sát". Một số hoạt động của cộng đồng góp phần phát triển du lịch có thể kể đến là:

+ Cộng đồng tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã, ban quản lý du lịch cộng đồng, tổ du lịch cộng đồng để cùng quản lý khai thác tài nguyên phục vụ kinh doanh du lịch.

+ Cộng đồng cùng nhau bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống như kiến trúc làng/bản, kiến trúc nhà ở, đình, đền, chùa, lăng tẩm, làng nghề truyền thống, các lễ hội truyền thống, phong tục, tập quán, các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian, các loại hình nghệ thuật dân gian, các tri thức bản địa, các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh.

+ Cộng đồng kiểm tra, giám sát để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động du lịch nông thôn như: gian dối trong bán hàng, thiếu chuẩn mực trong phục vụ khách du lịch, gây mất trật tự khu vực khách du lịch đến.

2.3. Phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển làng nghề

Từ xa xưa do nhu cầu của cuộc sống tự cung tự cấp đã xuất hiện những nghề truyền thống nổi tiếng và độc đáo như: dệt thổ cẩm, rèn, đan lát, nấu rượu cần, chế tác nỏ, chế tác các nhạc cụ âm nhạc truyền thống, tạc tượng, gốm... Nghề truyền thống đã vun đắp hội tụ được các nghệ nhân tài trí sáng tạo, những

bàn tay khéo léo làm ra những sản phẩm thủ công tinh xảo, hoàn mỹ vừa có giá trị kinh tế vừa có giá trị thẩm mỹ, văn hóa; đồng thời mỗi một nghề, một sản phẩm vừa có giá trị làm ra vật dụng, vừa thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống độc đáo của các cộng đồng. Chính vì vậy, sản phẩm nghề truyền thống là sản phẩm mang đậm dấu ấn văn hóa truyền thống mà được tạo bởi tay nghề của những người thợ lành nghề của làng nghề.

Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn bao gồm:

- Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
- Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
- Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ.
- Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh.
- Sản xuất muối.
- Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn (Trích Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP)

Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền. Làng nghề được gọi là làng nghề truyền thống khi đạt 1 trong 3 tiêu chí sau: (1) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận; (2) Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc; (3) Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

Việc phát huy vai trò người dân và cộng động trong phát triển làng nghề thể hiện nội dung sau:

- Thứ nhất, cùng nhau bảo tồn và phát triển làng nghề: Theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số nội dung, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề, thì làng nghề được công nhận thì phải có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn. Chính vậy, vai trò của cộng đồng phải tuyên truyền vận động người dân phải bảo tồn các nghề mà người dân và cộng đồng đã có. Đồng thời người dân và cộng đồng phải truyền nghề để nhiều người có thể cùng làm một nghề.
- Thứ hai, liên kết sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất: Làng nghề muốn duy trì được nghề lâu dài thì người làm nghề trực tiếp và phục vụ làng nghề phải gắn bó lâu dài, muốn vậy họ phải có thu nhập ổn định. Điều này đặt ra cho những người dân và cộng đồng cần có sự liên kết sản xuất, cùng mua nguyên vật liệu đầu vào để giảm chi phí nhờ chiết khấu khi mua số lượng lớn, cùng sử dụng các loại máy có thể dùng chung để tiết kiệm tiền mua hoặc thuê, cùng nhau đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tập thể để giảm chi phí trên đầu sản

phẩm. Đồng thời, người dân và cộng đồng cũng phải đoàn kết hỗ trợ nhau trong hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến kinh nghiệm để tạo ra sản phẩm tốt nhất, giữ được đặc trưng nổi bật nhất và có sức cạnh tranh cao nhất.

- Thứ ba, cùng nhau bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật: Để đảm bảo phát triển bền vững làng nghề, môi trường cần được bảo vệ. Trong làng nghề có rất nhiều người cùng sản xuất, do đó từng người dân khi sản xuất đều chú trọng tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và môi trường làng nghề. Điều này trước hết cần sự tự giác của từng hộ sản xuất, sau đó cần sự giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường. Có thể mỗi làng nghề có thể bằng nội quy hay hương ước làng nghề để nâng cao tính tự quản trong bảo vệ môi trường làng nghề.

2.4. Phát huy vai trò của cộng đồng để nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã

Một hợp tác xã muốn phát triển cần rất nhiều yếu tố. Trong đó, những nhân tố nội tại của hợp tác xã bao gồm: Số lượng thành viên tham gia; Chất lượng thành viên; Năng lực, phẩm chất của ban lãnh đạo; Vốn chủ sở hữu.

Nội dung phát huy vai trò của cộng đồng để nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã cũng bao gồm phát huy vai trò của người dân và cộng đồng trong các nhân tố nội tại trong hợp tác xã để hợp tác xã phát triển. Nội dung phát huy vai trò của cộng đồng bao gồm:

2.4.1. Gia tăng số lượng thành viên

Gia tăng số lượng thành viên của các hình thức kinh tế tập thể để đáp ứng phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu tăng quy mô và nâng cao lợi nhuận. Gia tăng số lượng thành viên được thực hiện thông qua hoạt động kết nạp thành viên mới đối với các đối tượng: thành viên chính thức, thành viên liên kết (có góp vốn và không góp vốn).

Vai trò của thành viên và cộng đồng trong gia tăng số lượng thành viên được thực hiện thông tuyên truyền của hợp tác xã, sự vận động của người có uy tín trong cộng đồng, nhưng hơn hết những người đã vào hợp tác xã vận động người thân bạn bè thân thiết cùng vào hợp tác xã là biện pháp hữu hiệu nhất.

Để gia tăng thành viên của hợp tác xã cần phải tuyên truyền vận động người dân và cộng đồng tham gia. Người dân và cộng đồng tích cực tham gia hợp tác xã khi biết lợi ích mà mình nhận được khi là thành viên: (1) thành viên nhận được lợi nhuận kép từ việc "mua được đầu vào với giá rẻ hơn" và được "chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ"; (2) tham gia hợp tác xã, thành viên không chỉ đạt được lợi nhuận kinh tế, mà còn mang lại nhiều hơn những lợi ích xã hội như giải quyết lao động việc làm, giá trị cộng đồng, được sự hỗ trợ của hợp tác xã và các thành viên khác.

Vai trò của ban lãnh đạo cũng quyết định sự tham gia của thành viên. Đặc biệt họ là những người có tín nhiệm trong cộng đồng, đồng thời là thành viên ban lãnh đạo hợp tác xã có năng lực điều hành hợp tác xã hoạt động hiệu quả mang lại nhiều lợi ích của thành viên hiện tại thì sẽ tạo niềm tin và dễ dàng thuyết phục người dân tham gia hợp tác và gắn bó lâu dài.

Ví dụ: HTX thủy sản Cái Bát (tỉnh Cà Mau) thực hiện tiêu thụ sản phẩm,

nông sản. Thay vì chỉ tiêu thụ nông sản cho thành viên, HTX còn đứng ra làm đại diện thu gom các sản phẩm của các HTX trong huyện để tham gia các hội chợ thương mại và đi bán nông sản. Điều này vừa giúp người dân, thành viên HTX khác không phải đi bán hàng, vừa tăng niềm tin của người dân vào mô hình HTX, từ đó dễ dàng gia tăng số lượng thành viên.

2.4.2. Nâng cao chất lượng thành viên

Ngoài việc gia tăng số lượng thành viên, thì chất lượng thành viên của các hình thức kinh tế tập thể sẽ quyết định đến thành công của hợp tác xã. Khi người dân tham gia hợp tác xã, họ đóng 2 vai trò, họ vẫn là thành viên của cộng đồng đồng thời là thành viên hợp tác xã. Vai trò của cộng đồng trong nâng cao chất lượng thành viên thể hiện ở chính vai trò là thành viên đó của hợp tác xã. Việc nâng cao chất lượng thành viên bao gồm các nội dung sau:

- Tự giác chấp hành các quy định của hợp tác xã: Trước khi tham gia hợp tác xã, mỗi thành viên đều có đơn tự nguyện tham gia, tán thành và cam kết thực hiện Điều lệ hợp tác xã. Thành viên khi được tham gia hợp tác xã thị họ vừa là chủ sở hữu cũng vừa là khách hàng của hợp tác xã. Nếu thành viên không tự giác tuân thủ các hợp đồng cung cấp dịch vụ với hợp tác xã sẽ dẫn đến hợp tác xã khó thực hiện được cam kết với khách hàng bên ngoài khi đã ký kết dựa trên nguồn cung cũng như mức độ sử dụng dịch vụ của thành viên.

- Tự nâng cao năng lực và hỗ trợ thành viên khác nâng cao năng lực: Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thành viên là nguyên tắc hoạt động của hợp tác xã. Do đó, khi đã là thành viên hợp tác xã, sẽ được hợp tác xã bồi dưỡng và nâng cao trình độ hiểu biết, nhận thức và tuân thủ pháp luật trong việc thực hiện hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Tuy nhiên, nội dung bồi dưỡng của hợp tác xã có thể không đáp ứng các yêu cầu của thành viên. Vì vậy, thành viên cần phải tham gia các lớp tập huấn của các ngành, tổ chức liên quan hoặc tự tìm tòi học hỏi để nâng cao năng lực. Khi đã có năng lực về lĩnh vực nào đó, thành viên hợp tác xã với hai vai trò vừa là thành viên cộng đồng vừa là thành viên hợp tác xã cần hỗ trợ thành viên hợp tác xã khác nâng cao năng lực theo hình thức hướng dẫn, trao đổi kinh nghiệm để giúp thành viên khác nâng cao năng lực.

Việc các thành viên hợp tác xã giám sát lẫn nhau để thực hiện tốt nghĩa vụ thành viên cũng như phát hiện những lệch lạc cần uốn nắn cũng làm cho thành viên không chỉ có năng lực về chuyên môn mà còn mạnh về phẩm chất. Từ đó sẽ giúp hợp tác xã hoạt động hiệu quả hơn nhờ những thành viên có năng lực và phẩm chất tốt.

2.4.3. Gia tăng vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu là cơ sở để các HTX đầu tư phát triển, đồng thời khi vốn chủ sở hữu lớn sẽ tạo sự tin tưởng khi hợp tác xã liên kết với các đối tác. Luật HTX 2023 cho phép một thành viên góp vốn không quá 30% vốn điều lệ của HTX, vì vậy quy mô vốn chủ sở hữu của các hình thức kinh tế tập thể lớn hay nhỏ sẽ được quyết định bởi: (1) Số lượng thành viên góp vốn và số vốn góp tối thiểu của mỗi thành viên. Vì khi vốn điều lệ lớn sẽ phần nào nâng tạo sự uy tín với đối tác, với khách hàng. Do đó, hợp tác xã có cơ hội để có thể mở rộng quy

mô sản xuất kinh doanh, phát triển và thu lại nhiều lợi nhuận và từ đó một phần lợi nhuận thu được sẽ làm tăng vốn chủ sở hữu; (2) chính sách hỗ trợ của nhà nước và (3) hiệu quả của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Gia tăng vốn chủ sở hữu luôn là mong muốn của các hợp tác xã. Để gia tăng vốn chủ sở hữu trong phạm vi nội bộ hợp tác xã có 2 cách để gia tăng vốn chủ sở hữu, đó là nâng cao vốn điều lệ và để lại phận lợi nhuận không chia nhiều. Với 2 cách gia tăng vốn chủ sở hữu thì vai trò của thành viên cộng đồng vừa là thành viên của hợp tác xã sẽ bao gồm: trước hết thành viên hợp tác xã phải đóng đầy đủ vốn điều lệ đã đăng ký. Khi cần thiết để hợp tác xã tăng vốn điều lệ từ đó tăng vốn chủ sở hữu thông qua đại hội thành viên thì thành viên cần đồng thuận cao và vận động mọi người đồng thuận. Khi hợp tác xã có lãi để phân phối lợi nhuân thì thành viên cũng đồng thuân để hợp tác xã ban hành nghị quyết trích lập quỹ phát triển sản xuất và quỹ dự phòng với tỉ lệ cao hơn.

2.4.4. Lựa chọn, bầu cử người có năng lực và phẩm chất vào vị trí lãnh đạo, quản lý

Đội ngũ cán bộ quản lý HTX có vai trò quan trọng, quyết định sự thành bại của hợp tác xã. Một số mô hình trong thực tiễn cho thấy, hợp tác xã nào có cán bộ quản lý hợp tác xã có trình độ, năng lực chuyên môn, năng lực quản trị, am hiểu thị trường, thích nghi nhanh với cơ chế thị trường, tâm huyết, có ý thức trách nhiệm với tập thể, thành viên thì hợp tác xã đó phát triển tốt.

Việc lựa chọn, bầu cử đội ngũ lãnh đạo hợp tác xã qua đại hội thành viên, đại hội thành viên sẽ bầu cử, lựa chọn những người thực sự có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, đủ năng lực giữ các vị trí lãnh đạo như Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Vai trò của thành viên hợp tác xã lúc này sẽ quyết định bằng lá phiếu. Để lựa chọn đúng người tài, đức vào vị trí lãnh đạo thì thành viên hợp tác xã cần nhìn rộng hơn để thấy được lợi ích của cộng đồng thành viên và tương lai phát triển hợp tác xã mà sẵn sàng bỏ qua những vị kỷ cá nhân để bầu đúng người. Đồng thời, thành viên cũng thẳng thắn đấu tranh với tình trạng cục bộ, bè phái để công tâm nhất bầu được người có đấy đủ năng lực phẩm chất vào vị trí lãnh đạo.

2.4.5. Nuôi dưỡng và lan tỏa tinh thần hợp tác trong phát triển hợp tác xã

Hợp tác xã có bền vững hay không, trước tiên dựa trên tinh thần hợp tác. Tinh thần hợp tác không chỉ quyết định bởi phân chia lợi ích cân bằng (mặc dù đây là điều kiện tiên quyết) mà còn dựa trên niềm tin lẫn nhau.

Phát triển hợp tác xã là xu thế tất yếu khách quan và phải xuất phát từ nhu cầu thiết thực của các thành viên của cộng đồng; bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện cho các thành viên lao động nhiệt tình, sáng tạo để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững; tôn trọng các giá trị, nguyên tắc hoạt động của hợp tác xã.

Lan toả tinh thần hợp tác phải xuất phát từ sự hợp tác của các cộng đồng thành viên. Mỗi thành viên là một mắt xích quan trọng trong giữ gìn sự đoàn kết hợp tác. Mỗi thành viên còn là tấm gương sáng lan tóa tình thần hợp tác. Chính vì vậy, hơn ai hết từng thành của hợp tác xã phải là người có tinh thần hợp tác và

mang giá trị hợp tác của hợp tác xã đến cho cộng đồng. Những việc cụ thể của thành viên để lan tỏa tinh thần hợp tác đó là sự sẵn sàng thực hiện cam kết với thành viên khác và với hợp tác xã. Đồng thời, thành viên cũng sẵn sàng cùng chia sẻ khó khăn và cùng hưởng lợi ích.

III. MỘT SỐ MÔ HÌNH THÀNH CÔNG TRONG PHÁT HUY VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN

1. Mô hình kinh tế tập thể ở tỉnh Tuyên Quang

Toàn tỉnh Tuyên Quang hiện có có 556 HTX, trong đó có 407 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản; 47 HTX trong lĩnh vực thương mại dịch vụ; còn lại là các HTX hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng, vận tải, công nghiệp. Ngoài HTX, toàn tỉnh hiện có 43 Tổ hợp tác với số vốn đăng ký 18,5 tỷ đồng. Các mô hình kinh tế tập thể đã giải quyết việc làm cho hơn 12.000 thành viên. Người dân sẽ không sản xuất riêng lẻ mà được khuyến khích tham gia vào Tổ hợp tác, Hợp tác xã, liên kết với doanh nghiệp để cùng nhau tổ chức sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương góp phần phát triển sản xuất hiệu quả và bền vững, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống.

Ví dụ: Hợp tác xã sản xuất, chế biến thực phẩm an toàn Sáng Nhung ở thôn Đông Thịnh, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương. HTX hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi lợn sinh sản, lợn thương phẩm; chế biến các sản phẩm từ thịt lợn; giới thiệu và bán các mặt hàng nông sản đặc trưng, đặc sản của tỉnh Tuyên Quang và các vùng miền. Quy mô chăn nuôi của HTX không chỉ đứng trong tốp đầu của tỉnh mà còn đi đầu áp dụng nuôi lợn thịt bằng thức ăn thảo dược. Từ mô hình chăn nuôi khép kín, HTX đã từng bước xây dựng thành chuỗi đạt tiêu chuẩn cung cấp sản phẩm thịt lợn thảo dược ra thị trường. HTX không chỉ tạo việc làm cho các thành viên của HTX mà còn tạo việc làm thường xuyên cho 15 lao động với thu nhập bình quân của thành viên và người lao động trong HTX từ 7 - 8 triệu đồng/người/tháng.

2. Mô hình hội quán ở tỉnh Đồng Tháp

Hội quán được thành lập ở Đồng Tháp từ năm 2016, là hình thức liên kết tự nguyện của nông dân, nhằm chia sẻ những kiến thức trong lĩnh vực nông nghiệp, văn hóa, xã hội... hỗ trợ nhau trong sản xuất, kinh doanh. Đặc trưng của mô hình này là sự tự nguyện tham gia của người dân, không biên chế, không ngân sách, hoạt động đơn thuần là hướng đến sự thay đổi nếp nghĩ, cách làm của người dân.

Chính quyền các cấp ở Đồng Tháp đã chỉ đạo các ngành chức năng tập huấn công nghệ thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cung cấp thông tin về thị trường và hỗ trợ máy vi tính, đường truyền cáp quang, tivi, máy chiếu… giúp các Hội quán kết nối nhanh về ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng vào sản xuất, tiêu thụ nông sản, hoạt động chuyên nghiệp, năng động, hiệu quả và tự tin hơn trong liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng nông thôn mới.

Thông qua Hội quán tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các nhà khoa học, chuyên gia về nông nghiệp đến trao đổi với nông dân về

những kỹ thuật sản xuất mới, cách kinh doanh hiệu quả, nâng cao chất lượng, liên kết với các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm... Từ đó, người dân thay đổi dần quy trình sản xuất truyền thống, hàng hóa sản xuất không thương hiệu, giá cả không ổn định.

Hội quán đã giúp chuyển biến nhận thức của nông dân sản xuất theo hướng công nghệ cao, theo quy trình hữu cơ sinh học, xây dựng quy hoạch, có sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp phân phối, chế biến với các nhà sản xuất, hộ nông dân.

Hội quán cũng là kênh liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp thu mua nông sản. Hội quán đã ký kết với các công ty trong việc tiêu thụ sản phẩm, thông qua việc ký kết đã nâng cao ý thức cho người dân trong sản xuất phải bảo đảm các yêu cầu, tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm. Ngoài ra, mô hình Hội quán trở thành nền tảng hình thành và phát triển các hợp tác xã.

Điển hình như Minh Tân Hội quán xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh đã liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với Công ty TNHH Thành Đạt An Giang được 364,69ha, để nâng dần diện tích lúa chất lượng cao; liên kết sản xuất và tiêu thụ xoài VietGAP với Công ty Đại Thuận Thiên được 5,9ha, đủ điều kiện xuất khẩu. Còn Hội quán Thành Tâm, huyện Lai Vung ký kết hợp đồng cung cấp quýt đường và cam xoàn cho Công ty VinEco và đã hợp đồng bao tiêu sản phẩm, thu nhập của các nhà vườn tăng 15 - 25%; Đồng Tâm Hội quán phối hợp với Viện Cây ăn quả triển khai 42ha sản xuất xoài đủ điều kiện xuất khẩu sang 3 nước là Mỹ, Malaysia, Trung Quốc...

3. Mô hình nông hội ở tỉnh Gia Lai

Mô hình nông hội ở tỉnh Gia Lai là thiết chế tự nguyện của cộng đồng dân cư, tự lập, tự chủ, hoạt động theo nguyên tắc "3 tự" (tự nguyện, tự quản, tự quyết định), "3 cùng" (cùng nghĩ, cùng làm, cùng hưởng) và "3 không" (không bộ máy, không kinh phí, không cơ sở vật chất).

Nông hội đáp ứng nhu cầu của người dân về không gian để sinh hoạt, bàn chuyện làng, chuyện xóm, chuyện làm ăn, trao đổi kinh nghiệm, các kỹ thuật mới trong sản xuất, cập nhật thông tin về thị trường, tiêu thụ nông sản.

Nông hội là không gian mở có chức năng kết nối những người nông dân. Sự ra đời của nông hội ở Gia Lai đã góp phần đổi mới và thúc đẩy tổ chức sinh hoạt liên kết những người dân tại địa phương, tăng cường thực hiện kết nối ngành nghề, chia sẻ kinh nghiệm về sản xuất, thông tin thị trường; phát huy tinh thần đoàn kết, tính tự nguyện, tự chủ, tự quản của người dân; góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, cùng địa phương thực hiện các chủ trương và mục tiêu kinh tế-xã hội".

Nông hội rau-hoa thôn 4 xã An Phú (thị xã An Khê) tập hợp được 28 thành viên, Nông hội rau-hoa xã Trà Đa (thành phố Pleiku) có 45 thành viên. Mỗi nông hội đều thành lập Ban Chủ nhiệm, ban hành quy chế hoạt động cụ thể, có nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi cho thành viên học hỏi, trao đổi kinh nghiệm và hỗ trợ sản xuất, kinh doanh rau, hoa, góp sức xây dựng nền nông nghiệp đô thị.

Hoạt động của nông hội nhằm cổ vũ, động viên và hỗ trợ nông dân trẻ khởi

nghiệp; tìm các giải pháp để mang lại hiệu quả tốt nhất trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh rau, hoa cho các nhà vườn theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch và hợp tác sản xuất hàng hóa quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu người tiêu dùng.

Nông hội đáp ứng nhu cầu của người dân về việc trao đổi kinh nghiệm, các kỹ thuật mới trong chăm sóc hoa, cây cảnh. Tất cả các thành viên trong nông hội sẽ hỗ trợ nhau nhằm mang lại lợi ích vật chất và tinh thần cho các thành viên cũng như cộng đồng dân cư, giúp mỗi người có điều kiện vươn lên và cùng chung tay, hợp sức thoát khỏi "lời nguyền" sản xuất nhỏ lẻ, tự phát".

Huyện Phú Thiện ra mắt các mô hình Liên kết sản xuất nông nghiệp tại xã Ia Ake và Ayun Hạ; Nông hội kinh tế vườn tại xã Ayun Hạ; Nông hội nuôi cá tại xã Ia Sol; Nông hội thổ cẩm tại xã Ia Piar; Nông hội tầm ngư về nuôi cá thương phẩm tại xã Ia Peng…

4. Hợp tác xã Phú Thạnh ở An Giang

HTX nông nghiệp Phú Thạnh ở huyện Phú Tân, tỉnh An Giang được thành lập từ năm 2005 trên cơ sở hợp nhất 3 HTX Đức Lộc, Phú Cường và Trường Thạnh, với 154 thành viên, phát triển 2 loại hình dịch vụ chính là bơm tưới và sấy nông sản. Với sứ mệnh "Mang đến cho thành viên và khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất", HTX kỳ vọng phục vụ thành viên, phục vụ khách hàng những sản phẩm chất lượng nhất, đây là kim chỉ nam, là phương châm hướng đến trong dài hạn của HTXNN Phú Thạnh.

Năm 2013, HTX được tổ chức Socodevi (Canada) tài trợ kỹ thuật và tài chính, để thực hiện dự án "Cung ứng dịch vụ phun xịt thuốc bảo vệ thực vật thân thiện với môi trường cho ruộng lúa". Dự án này đã giúp HTX hoàn thiện mạng lưới cửa hàng vật tư phân bón, thuốc trừ sâu.

Đến nay, HTX có 389 thành viên, diện tích canh tác khoảng 1.700 ha, vốn điều lệ 2,8 tỉ đồng và tổ chức thực hiện 15 dịch vụ như như bơm tưới, nạo vét cơ giới, cung ứng vật tư nông nghiệp, sấy nông sản, cung ứng giống, cung cấp tín dụng nội bộ, …, với nhiều trang bị nhiều máy móc, thiết bị cơ giới hóa hiện đại đáp ứng nhu cầu thành viên và nông dân địa phương; góp phần giúp cho thành viên và nông dân an tâm sản xuất, ổn định thu nhập. Doanh số bán hàng vật tư nông nghiệp của HTX cũng tăng trưởng đáng kể, giúp nông dân giảm từ 10 - 20% chi phí mua vật tư nông nghiệp so với giá thị trường. Năm 2022, HTX đã đạt doanh thu 32 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt trên 1,34 tỷ đồng, chia thu nhập cho thành viên tăng 4,7%, tỷ lệ thu nhập bình quân 2,82%/vốn góp/tháng. Ngoài ra, HTX còn thường xuyên đảm bảo việc làm ổn định cho 82 lao động và hàng trăm lao động theo mùa vụ, đóng góp các quỹ an sinh địa phương (quỹ đền ơn đáp nghị, quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, …) khoảng 100 triệu đồng mỗi năm.

HTX luôn đảm bảo cho thành viên và nông dân tránh được tình trạng khô hạn, thiếu nước tưới và ngập úng ngay cả những thời điểm thời tiết thất thường, khắc nghiệt nhất trong năm. Ngoài ra, HTX còn cung ứng vốn mua giống, vật tư

nông nghiệp với lãi suất ưu đãi; cung ứng phân, thuốc bảo vệ thực vật trả chậm; tranh thủ nhận các nguồn tài trợ trang bị và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp. Đầu tư lắp đặt lò sấy lúa, nếp công suất 30 tấn/mẻ đáp ứng nhu cầu lưu kho, bảo quản chờ giá tốt có lời, tiêu thụ cho thành viên và nông dân. Đầu tư xây dựng nhà máy xay xát lúa, nếp gắn với đóng gói bao bì, có nhãn hiệu, đã tiêu thụ cho thành viên tại một số siêu thị, bếp ăn trong và ngoài tỉnh. Song song đó, HTX còn cửa hàng kinh doanh gạo, nếp và thực phẩm thiết yếu, để tăng cường hỗ trợ tiêu thụ nông sản và cung ứng nông sản an toàn, đảm bảo sức khỏe cho thành viên và người dân. HTX tham gia liên kết với 02 doanh nghiệp có uy tín đảm bảo đầu ra ổn định và có lãi, với 256 hộ tham gia, diện tích 399 ha, đạt doanh thu trên 14,6 tỷ đồng.

Định hướng trong thời gian tới của HTX:

- HTX tích cực liên kết thực hiện mô hình cánh đồng lớn, sản xuất lúa – nếp chất lượng cao theo chuỗi giá trị ổn định đầu ra cho thành viên và nông dân; phát triển thương hiệu gạo – lúa – nếp An Giang. Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn trực thuộc HTX chuyên sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp xanh. Mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường cả về số lượng và chất lượng sản phẩm và đặc biệt là phải nâng cao vai trò của HTX trong chuỗi giá trị gắn với xây dựng nông thôn mới.

- HTX xây dựng kế hoạch mở rộng vùng nguyên liệu với tổng diện tích ước khoảng 100 ha sản xuất theo tiêu chuẩn SRP, hướng đến sản xuất hữu cơ để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất gạo, nếp có truy xuất nguồn gốc, có mã số vùng trồng, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo chuỗi giá trị riêng của HTX vào năm 2027; đồng thời tổ chức sản xuất theo "Mô hình lúa gạo carbon thấp" để hướng đến trao đổi tín chỉ CO2 vào cuối năm 2027.

- HTX xây dựng kế hoạch triển khai mô hình nông nghiệp tuần hoàn, tận dụng nguồn phế phẩm từ rơm rạ, phân bò để ủ trộn thành giá thể trồng cây và trao đổi sản phẩm này với các HTX trồng cây ăn trái theo mô hình "Farm – to – Farm" để vừa góp phần bảo vệ môi trường vừa gia tăng giá trị cho sản xuất lúa nếp tại địa phương.

Những bài học kinh nghiệm của HTX:

- HTX xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh rõ ràng, sát với năng lực của HTX và nhu cầu của thị trường.

- HTX luôn chủ động củng cố bộ máy hoạt động, nâng cấp cơ sở vật chất, hướng dẫn, hỗ trợ thành viên ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất an toàn.

- HTX chủ động liên kết với các doanh nghiệp, giải quyết tốt vấn đề đầu ra sản phẩm cho thành viên, thay đổi tập quán "mạnh ai nấy làm" của người dân".

- HTX ký hợp đồng bao tiêu diện tích trồng lúa nếp của thành viên và người nông dân trên địa bàn huyện theo giá thị trường.

- Các tổ hợp tác là cánh tay nối dài của HTX, vừa đảm bảo sự hỗ trợ,

tháo gỡ khó khăn kịp thời cho người nông dân, đồng thời thực hiện sự giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất an toàn, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh trên thị trường.

- HTX hoạt động với tôn chỉ công khai, minh bạch và phải đạt sự đồng thuận của tập thể.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Anh/Chị trình bày vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế nông thôn tại địa phương?

2. Anh/Chị trình bày các hoạt động khai thác nguồn lực của cộng đồng để phát triển kinh tế tại địa phương?

3. Anh/Chị hãy trình bày cách phát huy vai trò cộng đồng nông thôn trong phát triển kinh tế tập thể?

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Từ mô hình phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế nông thôn. Anh/Chị hãy phân tích những yếu tố thành công và rút ra những bài học kinh nghiệm gì áp dụng cho địa phương?

2. Từ mô hình kinh tế tập thể. Anh/Chị hãy phân tích những yếu tố thành công và rút ra những bài học kinh nghiệm gì áp dụng cho địa phương?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Luật số 16/2017/QH14, Luật Lâm nghiệp năm 2017.

3. Luật số 18/2017/QH14, Luật Thuỷ sản năm 2017.

4. Luật số 31/2018/QH14, Luật Trồng trọt năm 2018.

5. Luật số 32/2018/QH14, Luật Chăn nuôi năm 2018.

6. Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.

7. Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

8. Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

9. Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) (2021), Sổ tay Hướng dẫn Phát triển cộng đồng, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

10. Phạm Huỳnh Thanh Vân (2007), Kỹ năng phát triển cộng đồng: Tài liệu tập huấn phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực, Trường Đại học An Giang.

11. Cổng Thông tin điện tử Chính Phủ (2022), Kinh tế trang trại mang lại hiệu quả cao cho sản xuất nông nghiệp, Truy cập từ https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/kinh-te-trang-trai-mang-lai-hieu-qua-cao-cho-san-xuat-nong-nghiep-119220828111904587.htm

12. Cao Huy, Giang Lam (2023), Tuyên Quang: Phát huy vai trò kinh tế tập thể trong xây dựng nông thôn mới, Truy cập từ https://baodantoc.vn/tuyen-quang-phat-huy-vai-tro-kinh-te-tap-the-trong-xay-dung-nong-thon-moi-1698667599881.htm

13. Hữu Duyên (2020), Mô hình nông hội ở Gia Lai giúp dân thoát nghèo

bền vững, Truy cập từ https://vietnamnet.vn/mo-hinh-nong-hoi-o-gia-lai-giup-dan-thoat-ngheo-ben-vung-634661.html

14. Thanh Phong (2023), Thu hút doanh nghiệp đầu tư cho nông nghiệp bền vững, Truy cập từ https://nhandan.vn/thu-hut-doanh-nghiep-dau-tu-cho-nong-nghiep-ben-vung-post759791.html

15. Trang tin OCOP Hưng Yến (n.d), Thịt gà đông tảo, Truy cập từ http://ocophungyen.vn/san-pham/thit-ga-ong-tao-280

16. Trang tin OCOP Quảng Ninh (n.d), Lợn Móng Cái, Truy cập từ https://ocopquangninh.com.vn/san-pham/lon-mong-cai

PHỤ LỤC

A. Mối quan hệ giữa phát triển cộng đồng và phát triển kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Phát triển cộng đồng	Phát triển kinh tế nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao
- Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cải thiện đời sống kinh tế của người dân	- Phát triển các mô hình sản xuất – kinh doanh - Đào tạo lao động có tay nghề, tạo việc làm ổn định cho lao động nông thôn góp phần tăng thu nhập và giảm nghèo - Phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị - Sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn - Ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh	- Tiêu chí số 10: Thu nhập bình quân đầu người - Tiêu chí số 11: Giảm hộ nghèo - Tiêu chí số 13 - xã đạt chuẩn NTM: Phát triển kinh tế nông thôn + Chỉ tiêu 13.1: hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã; + Chỉ tiêu 13.2: có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững + Chỉ tiêu 13.3: Vùng nguyên liệu tập trung được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương + Chỉ tiêu 13.4: bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với bảo vệ môi trường - Tiêu chí số 13 - xã đạt chuẩn NTM NC: Phát triển kinh tế nông thôn + Chỉ tiêu 13.1: Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định + Chỉ tiêu 13.2: sản phẩm OCOP được xếp hạng còn thời hạn + Chỉ tiêu 13.3: mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các

		khâu; Liên kết theo chuỗi gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm + Chỉ tiêu 13.4: Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực + Chỉ tiêu 13.5: tỷ lệ sản phẩm chủ lực được bán qua kênh thương mại điện tử + Chỉ tiêu 13.6: Vùng nguyên liệu tập trung được cấp mã vùng đối với nông sản chủ lực + Chỉ tiêu 13.7: quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet + Chỉ tiêu 13.8: mô hình phát triển kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị.

B. Phát huy vai trò của cộng đồng trong xây dựng vùng nguyên liệu

Thực hiện tiêu chí số 10 xã nông thôn mới đạt chuẩn và nông thôn mới nâng cao về thu nhập bình quân đầu người; tiêu chí số 11 xã nông thôn mới đạt chuẩn về giảm hộ nghèo.

Người sản xuất với vai trò là tác nhân đầu tiên trong chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp, nông dân hợp tác liên kết với doanh nghiệp, tổ chức sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn và kỹ thuật của doanh nghiệp, tham gia sản xuất với quy mô lớn là cơ sở quyết định đến sự thành công của chuỗi giá trị nông sản. Lợi thế của các hộ sản xuất là có tài nguyên đất đai, kinh nghiệm, lao động, công cụ lao động, … khi người dân trong cộng đồng tham gia liên kết sản xuất thông qua thành lập nhóm, tổ hợp tác hoặc hợp tác xã để thực hiện mua chung vật tư đầu vào nhằm giảm chi phí sản xuất, bán chung nông sản nhằm giảm rủi ro về giá cả, đủ khả năng cung ứng sản phẩm theo hợp đồng cho doanh nghiệp và cơ sở chế biến, qua đó sẽ nâng cao vị thế của nông dân trong chuỗi giá trị. Từ đó, người dân trong cộng đồng dần hình thành tập quán sản xuất kinh doanh hàng hoá quy mô lớn, sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị nông sản, thu nhập được cải thiện góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong cộng đồng.

Cộng đồng quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên như đất đai, nguồn nước, sông ngòi, núi rừng, khoáng sản, … là nguồn tài nguyên quan trọng để phát triển

kinh tế nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng tại cộng đồng. Ngoài ra, cộng đồng còn quản lý và sử dụng các nguồn lực vật chất khác như công trình hạ tầng giao thông, điện, thuỷ lợi, chợ, nhà cộng đồng, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cộng đồng, trang thiết bị, máy móc phục vụ lao động, sản xuất kinh doanh. Ở trong cộng đồng nông thôn, các thành viên tham gia vào công tác xã hội, hiến tặng đất đai, ngày công để xây dựng đường làng, ngõ xóm, nơi sinh hoạt cho cộng đồng.

Ví dụ: Điều kiện đất đai phù hợp trồng lúa cho năng suất cao; Hồ chứa nước ngọt có thể tưới tiêu phục sản xuất nông nghiệp cho cộng đồng; Kênh mương thuỷ lợi, kênh rạch dẫn nước vào các cánh đồng; Cảnh quan làng/bản mang đậm bản sắc làng quê truyền thống, ít bị pha tạp; Cửa hàng bán phân bón, vật tư nông nghiệp cho nông dân theo phương thức trả sau thu hoạch bằng với lãi suất ngân hàng; Quỹ tiết kiệm tín dụng trong cộng đồng, tập cho người dân thói quen tiết kiệm và sử dụng vốn hiệu quả …

Cộng đồng ngoài chức năng cung ứng các sản phẩm, dịch vụ đồng thời cũng là đối tượng sử dụng các sản phẩm dịch vụ được cung ứng trong cộng đồng phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng. Với số lượng lao động lớn, sản xuất kinh doanh hàng hoá và dịch vụ đa dạng, quy mô sản xuất kinh doanh ngày càng được mở rộng thì chính cộng đồng nông thôn là thị trường có sức mua ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng thu nhập cho người dân trong cộng đồng. Nhu cầu sử dụng dịch vụ của cộng đồng ở nông thôn rất đa dạng, từ các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp như cung ứng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, khuyến nông, … đến các dịch vụ phục vụ đời sống của người dân trong cộng đồng như thương mại, tài chính, y tế, giáo dục, du lịch, thông tin liên lạc, phương tiện đi lại, ăn uống, khu vui chơi cho thiếu nhi, hoạt động thể dục thể thao, …

Cộng đồng cư dân nông thôn với lợi thế am hiểu thị trường, tập quán sản xuất, thói quen tiêu dùng, … sẽ hỗ trợ tốt cho các đối tác cung ứng dịch vụ từ bên ngoài để mang lại sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, phù hợp với nhu cầu của cộng đồng, góp phần phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ ở nông thôn, từ đó giúp phát triển kinh tế khu vực nông thôn, thu hẹp khoảng cách về thu nhập với thành thị.

Ví dụ, phát triển mô hình thương mại điện tử ở nông thôn: cư dân ở nông thôn đặt hàng các sản phẩm tiêu dùng, vật tư nông nghiệp trên sàn thương mại điện tử từ người bán hàng, doanh nghiệp logistics sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển đến cho người mua; Người tiêu dùng khu vực thành thị đặt hàng các sản phẩm nông nghiệp (người nông dân đóng vai trò người bán), doanh nghiệp sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển đến cho người mua. Cùng với đó, các sản phẩm, dịch vụ số sẽ được tích hợp vào nền tảng thương mại điện tử nông thôn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua bán, sản xuất của các bên liên quan (tín dụng, bảo hiểm, an sinh xã hội…).

CHUYÊN ĐỀ 3
PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thời lượng: 4 tiết

- Lý thuyết: 2 tiết
- Thảo luận, thực hành: 2 tiết

Mục tiêu

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản để phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

Yêu cầu

- Về kiến thức: Sau khi học xong học viên có khả năng:

+ Hiểu được các khái niệm văn hóa và giá trị văn hóa; khái niệm xã hội và phát triển xã hội.

+ Hiểu được nội dung phát triển văn hóa, xã hội và một số giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

+ Hiểu được nội dung bảo vệ môi trường và giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong, học viên có khả năng:

+ Tuyên truyền, vận động người dân tham gia và tổ chức các phong trào phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

+ Vận dụng được một số mô hình phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

- Về thái độ:

+ Sau khi học xong học viên có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường tại địa phương; chủ động, tích tham gia các hoạt động phát triển văn hóa, xã hội nông thôn, bảo vệ môi trường và tạo thêm giá trị cho hệ sinh thái ở nông thôn.

I. PHÁT HUY VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Khái niệm văn hóa và giá trị văn hóa

1.1. Khái niệm văn hóa

Thuật ngữ "Văn hóa" được dùng rất phổ biến trong đời sống hằng ngày và là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm: "*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn*".

UNESCO (2001) đã định nghĩa về văn hóa như sau: *"Văn hóa là tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin"*.

Như vậy, tựu trung lại: *Văn hóa là tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình phát triển của lịch sử.*

1.2. Khái niệm giá trị văn hóa

Giá trị văn hóa là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần của con người tồn tại trong một không gian, thời gian xác định. Giá trị văn hoá bao gồm: giá trị vật chất và giá trị tinh thần.

- Các giá trị vật chất như: nhà ở, trang phục, phương tiện đi lại, …
- Các giá trị tinh thần như: ca dao, dân ca, phong tục, tập quán, …

Giá trị văn hóa còn được gọi là "vốn văn hóa" với các đặc điểm tiêu biểu là:

(1) Giá trị văn hóa có khả năng bổ sung làm gia tăng giá trị kinh tế của một sản phẩm văn hóa với tư cách là loại "hàng hóa đặc thù";

(2) Giá trị văn hóa góp phần xây dựng nhân cách, điều chỉnh hành vi cá nhân làm cho nguồn nhân lực xã hội có chất lượng trí tuệ cao hơn, đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội;

(3) Vốn văn hóa là một bộ phận cấu thành môi trường xã hội lành mạnh, yếu tố không thể thiếu trong phát triển bền vững;

(4) Một sản phẩm có hàm lượng văn hóa, trí tuệ càng cao thì giá trị hàng hóa/giá thương phẩm càng tăng.

Các di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể (đình, chùa, miếu, phủ, di sản thiên nhiên, bảo vật, cổ vật, ...) và di sản văn hóa phi vật thể (nghệ thuật, văn chương, tri thức, kỹ năng, phong tục, tập quán, tín ngưỡng ...) mang những giá trị văn hóa - vốn văn hóa đặc sắc, tiêu biểu cho lịch sử xây dựng và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Tiếp cận từ góc độ kinh tế học, các di sản văn hóa không chỉ mang giá trị văn hóa mà còn mang giá trị kinh tế, có khả năng tạo ra nguồn thu nhập và đa dạng hóa nguồn sinh kế cho cộng đồng. Do đó, cộng

đồng cần tích cực bảo tồn, gia tăng giá trị của di sản văn hóa một cách bền vững và hiệu quả.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh (1971), văn hóa có quan hệ mật thiết với chính trị - kinh tế - xã hội, bốn mối quan hệ đó như sau:

- Chính trị, xã hội có giải phóng thì văn hoá mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hoá phát triển.
- Xây dựng kinh tế để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hoá.
- Văn hoá không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị. Văn hoá phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.
- Văn hoá sẽ càng phát triển mạnh mẽ cùng với sự phát triển của kinh tế và chính trị.

Trong thời kỳ hiện nay, Đảng ta xác định văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Do vậy, văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của chương trình xây dựng nông thôn mới cũng trên tinh thần đó.

2. Khái niệm xã hội và phát triển xã hội

2.1. Khái niệm xã hội

Xã hội là một thuật ngữ rất thông dụng dùng để chỉ một tập hợp người có những quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội chặt chẽ với nhau.

Theo quan điểm của Triết học Mác – Lê nin: "Xã hội là hình thái vận động cao nhất của thế giới vật chất; hình thái vận động này lấy con người và sự tác động lẫn nhau giữa con người làm nền tảng; xã hội biểu hiện tổng thể những mối liên hệ và quan hệ cá nhân, là sản phẩm của sự tương tác giữa những con người".

Nếu xã hội loài người lấy con người và quan hệ giữa con người với con người làm nền tảng, thì hình thức tồn tại của xã hội được nhận dạng trước hết bằng các nhóm, các tổ chức và cộng đồng.

Xã hội là một hệ thống các hoạt động, các quan hệ của con người, có đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa chung, cùng cư trú trên một lãnh thổ ở một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử.

2.2. Khái niệm phát triển xã hội

Về mặt triết học, phát triển xã hội là quá trình vận động, biến đổi của những quy luật nội tại trong mỗi hình thái kinh tế - xã hội. Ví dụ: quá trình vận động, biến đổi từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản chủ nghĩa.

Nếu tiếp cận ở mức độ thụ hưởng dịch vụ, phát triển xã hội là thước đo phản ánh trình độ phát triển của một cộng đồng. Ví dụ: mức độ thụ hưởng các dịch vụ về y tế, giáo dục, văn hóa giữa các quốc gia là khác nhau.

Nhà nước có vai trò trong việc tạo ra những tiền đề cơ bản để thúc đẩy xã hội nông thôn phát triển. Do đó, phát triển xã hội là quá trình vận động, biến đổi trong xã hội theo chiều hướng tích cực dưới sự tác động có định hướng của nhà nước trong từng giai đoạn cụ thể. Khi nói đến phát triển xã hội gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới tất yếu phải nói đến vai trò của nhà nước. Ví dụ: nhà

nước đặt ra các tiêu chí về văn hóa, giáo dục, y tế trong xã nông thôn mới làm định hướng cho các địa phương thực hiện.

3. Những nội dung liên quan đến phát triển văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới

3.1. Nội dung phát triển văn hóa trong xây dựng nông thôn mới

3.1.1. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

- Thực hiện tốt thiết chế văn hóa - cơ sở vật chất hưởng thụ văn hóa.
- Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, các hoạt động vui chơi, giải trí ở cấp xã, thôn, bản.
- Nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng, miền, dân tộc.
- Thực hiện tốt cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới.

Thông qua các nội dung cụ thể như sau:

- Thực hiện tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa và tiêu chí số 16 về văn hóa của xã nông thôn mới đạt chuẩn. Bao gồm:

+ Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã

+ Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định

+ Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng

+ Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới

Đây là cơ hội để các địa phương khôi phục các giá trị văn hóa đã mai một, đồng thời tổ chức xây dựng đời sống văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của từng địa phương trên địa bàn cả nước.

- Thực hiện tiêu chí số 6 về văn hóa của xã nông thôn mới nâng cao, bao gồm những nội dung sau:

+ Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên UBND cấp tỉnh quy định cụ thể

+ Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định

+ Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới

3.1.2. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa

Lễ hội là một trong những hình thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Đó là những giá trị cơ bản nằm trong hệ giá trị của lễ hội. Mỗi lễ hội có một giá trị, một nội dung chủ đạo của riêng nó, chẳng hạn như các lễ hội về lịch sử văn hoá, về các danh nhân, lễ hội tôn giáo hay các lễ hội về nông nghiệp, ngư nghiệp… Về mặt tổng thể, lễ hội chứa đựng những giá trị cơ bản sau:

- Thứ nhất, tất cả các lễ hội cổ truyền đều có cảm hứng chủ đạo là cảm hứng hướng nguồn (hướng về cội nguồn), đó là tinh thần uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây… hướng về quê hương, dân tộc, giá trị này chính là sự bổ sung cho lòng yêu nước.

- Thứ hai, ở các lễ hội có sự bùng nổ các trình diễn tổng hợp. Khi con người ta sử dụng rất nhiều các hình thức biểu diễn như tế lễ, diễn trò, trình diễn nghệ thuật, trang trí, thể thao, ẩm thực … Tất cả những kiểu trình diễn thực cảnh của nhân dân chủ thể chính là sự bừng nở các giá trị văn hoá, giúp gìn giữ các bản sắc văn hóa của dân tộc.

- Thứ ba, lễ hội tạo nên cấu kết trong cộng đồng. Tức là từ tổ chức chính quyền cho đến từng người dân … đều trở thành chủ thể và họ hòa đồng trong một cộng đồng với một tinh thần, cảm xúc chung, đó chính là giá trị cấu kết cộng đồng,

- Thứ tư, lễ hội giúp khẳng định con người. Ở lễ hội, con người tôn trọng lẫn nhau và được tự thể hiện. Có những người cả đời không được hát hò, tế lễ, được nhập vai nhưng khi vào hội, họ được hóa thân vào những nhân vật khác nhau và họ tự hào về điều đó. Lễ hội tạo cho họ đời sống tinh thần chứ không chỉ lầm lũi làm ăn cả năm, cả đời không được ai nhắc đến, đó chính là sự khẳng định con người.

- Thứ năm, lễ hội tạo ra giá trị giao tiếp, mở rộng quan hệ xã hội. Có thể thấy rõ ở các làng Bắc Bộ, thường ngày lễ tết họ dành cho gia tộc còn ngày hội sẽ dành để mời khách như một cái tết thứ hai. Nhà nào càng mời được khách ở nơi khác đến hội làng của mình thì càng tự hào. Như vậy, lễ hội góp phần giúp họ vượt khỏi lũy tre làng để tạo quan hệ xã hội rộng lớn.

- Thứ sáu, trong lễ hội lưu tồn rất nhiều bản sắc của văn hóa dân gian, văn hóa dân tộc mà đã là văn hóa thì yêu cầu bản sắc là yêu cầu tiên quyết. Chúng ta không cần thế giới đơn điệu về văn hoá, mỗi làng, mỗi xã với lễ hội của mình góp phần thêm vào bản sắc của văn hóa dân tộc. Chúng ta có thể tự hào thể hiện với thế giới như là của một cộng đồng độc lập có đóng góp trong tổng thể văn hóa thế giới.

Các lễ hội điển hình ở Việt Nam có thể kể đến như là: Lễ hội đền Hùng, lễ hội chùa Hương, lễ hội Gò Đống Đa, lễ hội Hoa Ban, lễ hội cầu an bản Mường, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Dinh Thầy – Thím, lễ hội Katê, lễ hội Bà Chúa Xứ …

Để có thể bảo tồn và phát huy văn hoá một cách hiệu quả, địa phương cần phối hợp khảo sát, lựa chọn địa điểm triển khai xây dựng, phát triển các mô hình phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng, miền, dân tộc trong phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Triển khai xây dựng mô hình, tổ chức mở lớp tập huấn, truyền dạy về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Tuyên truyền, hướng dẫn cộng đồng nhân rộng các mô hình tốt về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa trên địa bàn.

Một số ví dụ điển hình về mô hình bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá tại các địa phương có thể kể đến như:

- Tỉnh Lào Cai: Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống dân tộc Hà Nhì phục vụ phát triển du lịch trong phong trào xây dựng nông thôn mới;

- Tỉnh Hà Giang: Xây dựng mô hình nghề thêu, dệt thổ cẩm của người Dao Đỏ gắn với bảo tồn, phát huy xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch trong phong trào xây dựng nông thôn mới;

- Tỉnh Lai Châu: Xây dựng mô hình chế tác và trình diễn đàn tính dân tộc Thái gắn với bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống trong phong trào xây dựng nông thôn mới;

- Tỉnh Phú Thọ: Xây dựng, phát huy mô hình Câu lạc bộ Văn hóa dân tộc Mường trong phong trào xây dựng nông thôn mới;

- Tỉnh Điện Biên: Xây dựng mô hình bảo tồn, phát huy nghệ thuật "múa xòe, múa sạp" dân tộc Thái trong phong trào xây dựng nông thôn mới;

- Tỉnh Nghệ An: Xây dựng và phát huy mô hình Câu lạc bộ hát dân ca Thái phục vụ phát triển du lịch trong phong trào xây dựng nông thôn mới;

- Tỉnh Lâm Đồng: Xây dựng mô hình Câu lạc bộ Cồng chiêng dân tộc K'ho gắn với bảo tồn, phát huy phục vụ phát triển du lịch trong phong trào xây dựng nông thôn mới;

- Tỉnh Bình Phước: Xây dựng mô hình đan lát truyền thống của người Khmer trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

3.2. Những nội dung liên quan đến phát triển xã hội trong xây dựng nông thôn mới

3.2.1 Phát triển giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM)

Nội dung tiêu chí số 5 (trường học) và tiêu chí số 14 (giáo dục) của xã nông thôn mới đạt chuẩn, bao gồm:

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định.

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; Phổ cập giáo dục tiểu học; Phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Xóa mù chữ.

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).

Nội dung tiêu chí số 5 về giáo dục của xã nông thôn mới nâng cao, bao gồm:

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2;

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS;

- Đạt chuẩn xóa mù chữ;

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá;

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền do UBND cấp tỉnh quy định.

3.2.2 Nâng cao chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

Nội dung tiêu chí 15 về y tế của xã nông thôn mới đạt chuẩn, bao gồm:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ);
- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) theo quy định;
- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.

Nội dung tiêu chí 14 về y tế của xã nông thôn mới nâng cao, bao gồm:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ);
- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ);
- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ);
- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.

4. Phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới

4.1. Phát huy vai trò của cộng đồng trong xây dựng đời sống văn hóa

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực để phát triển cộng đồng. Bản sắc văn hóa Việt Nam giàu tính nhân văn, tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết, giàu lòng nhân ái, trọng nghĩa tình, đạo lý. Chính những giá trị văn hóa kết nối con người trong cộng đồng xã hội. Tất cả những giá trị đó đã tạo nên sức mạnh của cộng đồng và là nền tảng tinh thần cho sự tồn tại của dân tộc.

Để nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa gắn với thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới chính quyền và người dân cần thực hiện một số nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, thực hiện công tác khảo sát, đánh giá hiện trạng các giá trị văn hóa vật chất, tinh thần trên địa bàn dân cư nông thôn (các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể). Trên cơ sở đó, xây dựng xây dựng kế hoạch và thực hiện các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện. Trong đó, ưu tiên thực hiện những vấn đề có tính cấp bách, cần thiết gắn với nhu cầu của cộng đồng.

Thứ hai, đẩy mạnh hoạt động tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước, quy định của địa phương về tổ chức đời sống văn hóa cộng đồng khu vực nông thôn.

Thứ ba, trong tổ chức đời sống văn hóa cộng đồng cư dân nông thôn phải chú trọng kết hợp yếu tố văn hóa truyền thống và hiện đại. Trong đó, văn hóa truyền thống là nền tảng, văn hóa hiện đại là nhân tố thúc đẩy xã hội phát triển tiến bộ, hội nhập.

Thứ tư, kiên quyết, kiên trì đấu tranh loại bỏ các hoạt động văn hóa không còn phù hợp với điều kiện thực tiễn khách quan của xã hội và xu thế phát triển của thời đại.

Cộng đồng cần luôn duy trì, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa đích thực bằng những việc làm hàng ngày tại địa phương như:

- Chấp hành các quy định của pháp luật; không bị xử lý kỷ luật tại nơi làm việc và học tập, tại nơi công cộng.

- Không vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông như: lấn chiếm lòng đường, hè phố, tham gia giao thông không đúng quy định.

- Không vi phạm quy định phòng, chống cháy nổ.

- Tham gia xây dựng và chấp hành hương ước, quy ước của cộng đồng.

- Treo Quốc kỳ trong những ngày lễ, sự kiện chính trị của đất nước theo quy định.

- Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa hoặc văn nghệ ở nơi cư trú; thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao.

- Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

- Tham gia bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương.

- Các thành viên trong gia đình có nếp sống lành mạnh, văn minh, ứng xử có văn hóa trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

- Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, các thành viên trong gia đình được quan tâm, chăm sóc, phụng dưỡng.

- Hôn nhân tự nguyện, một vợ một chồng, bình đẳng, hòa thuận, thủy chung; Không tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

- Thực hiện tốt chính sách dân số; thực hiện bình đẳng giới; không lựa chọn giới tính của trẻ khi mang thai.

- Phòng chống bạo lực gia đình và phòng chống xâm hại trẻ em.

- Tích cực, chủ động tham gia các phong trào từ thiện, nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, khuyến học khuyến tài; sinh hoạt cộng đồng ở nơi cư trú.

- Tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng khi khó khăn, hoạn nạn.

- Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

- Kiến trúc, xây dựng nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền.

4.2. Phát huy vai trò của cộng đồng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục

Giáo dục có vai trò quan trọng nhằm thúc đẩy, bồi dưỡng và phát triển tri thức, nhận thức, kỹ năng và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân. Vai trò của giáo dục được thể hiện ở việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, bồi dưỡng nhân tài, … Giáo dục giúp lưu giữ, truyền đạt tri thức, kỹ năng từ thế hệ này sang thế hệ khác, góp phần rèn luyện đạo đức và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân.

Để nâng cao chất lượng giáo dục vùng nông thôn gắn với thực hiện các tiêu chí giáo dục trong chương trình nông thôn mới, cộng đồng cần thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau đây:

Thứ nhất, phải khảo sát đánh giá đúng thực trạng giáo dục của địa phương, trong đó xác định rõ những vấn đề tồn tại để xây dựng phương án giải quyết.

Thứ hai, phải xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục gắn với từng thời kỳ và kế hoạch cụ thể cho từng năm học.

Thứ ba, xây dựng phương án huy động nguồn lực để triển khai thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Thứ tư, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và bảo đảm công tác giám sát, đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm.

Các hoạt động cụ thể mà cộng đồng cần thực hiện trong chương trình xây dựng nông thôn mới là:

- Khuyến khích và tạo điều kiện để trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường, cụ thể (1) Trẻ em 5 tuổi đến lớp mầm non và hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; (2) Trẻ em 6 tuổi vào lớp 1; (3) Học sinh tốt nghiệp tiểu học tiếp tục học trung học cơ sở và tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).

- Khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người trong độ tuổi từ 15 đến 60, hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học.

4.3. Phát huy vai trò của cộng đồng trong việc nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe

Các hoạt động y tế cơ sở là nền tảng vững chắc, đóng vai trò quan trọng không chỉ vừa phải đảm bảo sức khỏe cho người dân, mà còn tham gia công tác phòng chống các loại dịch bệnh và nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống. Để nâng cao chất lượng y tế vùng nông thôn gắn với thực hiện các tiêu chí y tế trong chương trình nông thôn mới, cộng đồng cần thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau đây:

Thứ nhất, thực hiện công tác khảo sát, đánh giá thực trạng công tác y tế làm cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện sát với yêu cầu thực tế.

Thứ hai, xây dựng kế hoạch và tổ chức huy động nguồn lực thực hiện; cần lưu ý đến các giải pháp huy động nguồn lực nhằm bảo đảm hạ tầng công nghệ để áp dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe người dân bằng nền tảng công nghệ số.

Thứ ba, tổ chức thực hiện kế hoạch và bảo đảm công tác giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình.

Y tế cộng đồng tập trung vào việc duy trì và cải thiện sức khỏe của toàn bộ cộng đồng. Mục tiêu của y tế cộng đồng là tạo ra môi trường để phát triển sức khỏe, gia tăng tuổi thọ của cá cộng đồng thay vì chỉ tập trung điều trị bệnh của cá nhân. Trong chương trình xây dựng nông thôn mới, cộng đồng cần tham gia một số hoạt động cụ thể như sau:

- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

- Tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế

- Cài đặt ứng dụng chứa hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân trên điện thoại thông minh với các tính năng như thông tin tiêm chủng, đặt hẹn khám bệnh, hồ sơ sức khỏe, tư vấn từ xa...

- Khi đi khám bệnh không dùng sổ khám bệnh giấy mà dùng điện thoại có ứng dụng chứa hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú; cập nhật kết quả khám, chữa bệnh khi đi khám bệnh, chữa bệnh.

- Chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, không để trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.

5. Phương thức phát triển giá trị văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới

5.1. Phương thức làm giàu khía cạnh văn hóa

5.1.1. Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ

Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng là giải pháp nâng cao đời sống tinh thần cho cư dân nông thôn. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội nông thôn có những tác động từ xu thế hội nhập và công nghệ phát triển nhanh chóng đã ảnh hưởng đến thị hiếu và cách thức tiếp nhận. Vì vậy, nội dung chương trình văn hóa, văn nghệ trong cộng đồng cư dân nông thôn cũng phải được nghiên cứu, đầu tư bài bản mới có thể thu hút được đông đảo người dân tham gia. Cần quan tâm đến nội dung phong trào văn hóa, văn nghệ phục vụ quần chúng nhân dân. Trong đó, chú trọng các nội dung văn hóa, văn nghệ quần chúng nhằm giữ gìn, quảng bá các giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng, của địa phương; đồng thời, kết nối, giới thiệu các hoạt động văn hóa, văn nghệ tiên tiến, hiện đại để giúp cộng đồng cư dân nông thôn tiếp nhận văn hóa văn nghệ ngày một đa dạng, phong phú.

Ví dụ: chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động triển lãm sản phẩm văn hóa độc đáo của nước ngoài cho người dân thưởng thức (lễ hội hoa anh đào của người Nhật là một điển hình tổ chức ở Việt Nam).

5.1.2. Xây dựng gia đình văn hóa, giữ gìn và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam

Gia đình là tế bào của xã hội, do đó xây dựng gia đình văn hóa, giữ gìn phát triển hệ giá trị gia đình sẽ góp phần củng cố, bồi đắp phát triển văn hóa, xã hội cộng đồng nông thôn ngày càng phong phú và đa dạng. Để làm được điều này, từng gia đình trong cộng đồng phải tuân thủ các quy định của Nhà nước và địa phương về xây dựng gia đình văn hóa. Bên cạnh đó, trong gia đình phải lưu giữ, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình mình để có thể dẫn dắt cộng đồng phát triển. Ví dụ: truyền thống hiếu học; con cháu hiếu thảo với ông bà.

Trên thực tế, để thực hiện tốt nội dung này cần sự cộng hưởng của nhiều yếu tố, nhưng tựu trung lại cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau đây: chính quyền (cấp xã) phải có kế hoạch thực hiện, trong đó, phải xác định được các giá trị cốt lõi của gia đình văn hóa và hệ giá trị gia đình gắn với đặc điểm từng địa phương cụ thể; phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân hiểu rõ ý nghĩa của việc xây dựng gia đình văn hóa, giữ gìn và phát triển hệ gia đình Việt Nam; trong tổ chức thực hiện kế hoạch phải làm tốt công tác ghi nhận, vinh danh, lan tỏa các gương điển hình tiên tiến.

5.1.3. Tổ chức phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn"

"Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" là nét đẹp trong đời sống văn hóa cộng đồng người Việt trải qua nhiều thế hệ. Do đó, trong xây dựng nông thôn mới, đây cũng là nội dung đánh giá mức độ đạt chuẩn của các địa phương. Nhưng quan trọng hơn vẫn là giúp giáo dục thế hệ hôm nay luôn nhận thức đúng về lịch sử, về truyền thống, về cách ứng xử với thế hệ đi trước; bên cạnh đó thể hiện trách nhiệm xã hội đối với gia đình những người có công với dân, với nước. Để tổ chức tốt phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" trong thực tiễn, chính quyền địa phương phải thực hiện tốt công tác giáo dục nhận thức cho quần chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ bằng nhiều việc làm thiết thực, cụ thể. Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác huy động nguồn lực xã hội để tổ chức tốt các phong trào này cũng là nhiệm vụ quan trọng mà mỗi địa phương cần phải quan tâm.

Ví dụ: chính quyền tìm kiếm kết nối với các đơn vị kết nghĩa, các mạnh thường quân giúp đỡ, chăm lo gia đình chính sách cả về tinh thần lẫn vật chất.

5.1.4. Tổ chức phong trào thể dục, thể thao

Tổ chức phong trào thể dục thể, thao quần chúng thiết thực, hiệu quả sẽ góp phần nâng cao sức khỏe, thể trạng cho cư dân nông thôn, đồng thời hạn chế những vấn đề tiêu cực phát sinh tệ nạn không đáng có trong cộng đồng.

5.1.5. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống khác ở nông thôn

Trong thực tiễn, các giá trị văn hóa truyền thống khu vực nông thôn rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của lịch sử đã có nhiều nội dung mất đi hoặc đang trên đà bị mai một dần. Do đó, trong xây dựng nông thôn mới, bên cạnh tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại cần có các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tồn tại trong cộng đồng cư dân nông thôn. Bởi vì, thực tiễn hơn 10 năm xây dựng nông thôn mới đã có rất nhiều giá trị văn hóa truyền thống nông thôn được khôi phục, gìn giữ, phát huy, nhưng trên thực tế vẫn rất còn những giá trị còn tiềm ẩn mà chương trình nông thôn mới chưa thể bao trùm hết được.

5.1.6. Xây dựng khu dân cư văn hóa và khu dân cư kiểu mẫu

Xây dựng khu dân cư văn hóa và khu dân cư kiểu mẫu là một trong những nội dung được triển khai thực hiện trong chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, với mục đích xây dựng các điển hình trong cách thức tổ chức đời sống văn hóa, xã hội khu vực nông thôn, góp phần từng bước nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn ngày một tốt hơn. Thực tiễn xây dựng khu dân cư văn hóa và khu dân cư kiểu mẫu đã mang lại những hiệu ứng tích cực cho phong trào xây dựng nông thôn mới trong thời gian qua. Đây là những hình mẫu về xã hội nông thôn giàu bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời đáp ứng được các tiêu chí hiện đại, văn minh. Vì vậy, để nông thôn mới từng bước đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững thì xây dựng khu dân cư văn hóa và khu dân cư kiểu mẫu là nhiệm vụ cần thiết đối với mỗi địa phương.

5.2. Phương thức tạo sự thịnh vượng trong khía cạnh xã hội

5.2.1. Xây dựng cộng đồng học tập

Mục đích của việc xây dựng cộng đồng học tập nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong xã hội nông thôn. Xây dựng cộng đồng học tập hướng tới giải quyết hai vấn đề cơ bản trong giáo dục vùng nông thôn.

Thứ nhất, giúp đẩy nhanh quá trình thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí về giáo dục theo quy định.

Thứ hai, là giải pháp hữu ích giúp cộng đồng bổ sung những khuyết thiếu về giáo dục nằm ngoài chương trình giáo dục quốc dân. Đặc biệt, trong bối cảnh cần phải đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số ở vùng nông thôn, mô hình cộng đồng học tập sẽ phát huy ưu điểm.

Ví dụ: con cháu hướng dẫn ông bà dùng điện thoại thông minh. Tổ chức các câu lạc bộ "nuôi dạy con tốt" và phòng bệnh truyền nhiễm.

5.2.2. Tạo lập môi trường để cộng đồng tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe

5.2.2.1. Tổ chức cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch".

Thực tiễn đã chứng minh cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" (không đói nghèo, không có người vi phạm pháp luật về tệ nạn xã hội, không bất bình đẳng giới, không vi phạm chính sách dân số, không có trẻ em suy dinh dưỡng; sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) đã mang lại những kết quả rất tích cực góp phần tích hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới. Trong giai đoạn 2021 – 2025 chương trình nông thôn mới hướng tới phát triển chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Do đó, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" nhiệm vụ cần thiết, quan trọng ở mỗi địa phương.

5.2.2.2. Xây dựng mô hình hỗ trợ mua bảo hiểm y tế và điện thoại thông minh

Bảo hiểm y tế chính là phải cứu sinh cho những người dân vùng nông thôn, đặc biệt là những vùng còn gặp nhiều khó khăn; trong khi đó, điện thoại thông minh là phương tiện cơ bản trong thời đại cách mạng số. Vì vậy, việc xây dựng và nhân rộng mô hình hỗ trợ mua bảo hiểm y tế và điện thoại thông minh là rất cần thiết nhằm đẩy nhanh việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí về văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Xây dựng mô hình bằng chính nguồn lực từ cộng đồng sẽ giảm áp lực về nguồn lực cho ngân sách địa phương. Để thực hiện hiệu quả mô hình này, địa phương (chính quyền cấp xã, và thôn, bản, ấp) phải xây dựng được kế hoạch huy động nguồn lực.

Ví dụ: kêu gọi hoạt động tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn; kêu gọi hỗ trợ của các mạnh thường quân, huy động con em xa quê đóng góp phát triển địa phương.

5.2.2.3. Tổ chức các câu lạc bộ nuôi dạy con tốt và phòng bệnh truyền nhiễm

Mục đích chính của việc tổ chức các câu lạc bộ nuôi dạy con tốt và phòng bệnh truyền nhiễm đó là cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho các gia đình, mà trọng tâm là các bà mẹ trong thời kỳ nuôi con ở vùng nông thôn góp phần thực hiện các mục tiêu chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và xây dựng gia

đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc; qua đó, hạn chế được tỷ lệ suy dinh dưỡng, bệnh tật, tử vong ở trẻ em vùng nông thôn.

Thực tiễn xây dựng nông thôn mới đã mang lại những chuyển biến tích cực trong hoạt động nâng cao nhận thức của người dân nông thôn về tổ chức đời sống gia đình và phòng chống các bệnh truyền nhiễm trong nông thôn. Tuy nhiên, ở nhiều nơi trên địa bàn cả nước nhận thức của một bộ phận dân cư về nuôi dạy con cái và phòng chống các bệnh truyền nhiễm vẫn còn rất hạn chế. Do đó, việc tổ chức các câu lạc bộ nuôi dạy con tốt và phòng bệnh truyền nhiễm là rất cần thiết. Muốn thực hiện có hiệu quả mô hình này, chính quyền phải huy động nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là phát huy vai trò của Hội Phụ nữ các cấp và bộ phận y tế cấp cơ sở cũng như lực lượng tình nguyện viên.

6. Một số mô hình phát triển văn hóa, xã hội trong xây dựng nông thôn mới tại một số địa phương

6.1. Về văn hóa

Mô hình: "Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội tại xã Tân Kỳ" và "Thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang ở thị trấn Tứ Kỳ".

Mô hình được các địa phương triển khai và cộng đồng cùng tham gia thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhằm đẩy lùi hủ tục, giữ gìn nét đẹp văn hóa làng quê, góp phần xây dựng con người nông thôn mới văn minh, lịch sự. Mô hình ở thị trấn Tứ Kỳ nổi bật với nguyên tắc "5 không, 4 nên" (không làm cỗ linh đình, không để các hủ tục, mê tín dị đoan diễn ra trong tang lễ, không để kèn loa to quá 21 giờ 30 và trước 5 giờ sáng…). Mô hình ở xã Tân Kỳ được thực hiện từ năm 2015, kết quả trong tổng số gần 1.400 đám cưới được tổ chức trên địa bàn xã thì có hơn 500 đám cưới tiết kiệm, bỏ tục thách cưới, lễ đen, thuốc lá…

Đây là hai mô hình tiêu biểu được huyện Tứ Kỳ thực hiện triển khai trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo đề xuất của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Ý nghĩa: Đây là 1 mô hình góp phần tiết kiệm thời gian và tinh giản chi phí cho người dân, qua đó tập trung xây dựng các nét đẹp văn hóa đặc sắc, xây dựng nếp sống mới, văn minh, hiện đại trong phong trào xây dựng NTM.

(Nguồn: https://baohaiduong.vn/tu-ky-gioi-thieu-hai-mo-hinh-hay-ve-van-hoa-trong-xay-dung-nong-thon-moi-356723.html)

6.2. Về xã hội

Mô hình "Đội phản ứng nhanh Hỗ trợ phụ nữ, trẻ em bị bạo hành ở Bến Tre"

Bà Nguyễn Nguyệt Minh - Chuyên gia cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của Liên Hợp Quốc (UN ODC) thông tin "Các đội phản ứng nhanh phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới đã được mở rộng ra đến 89 xã phường thuộc thành phố Bến Tre, huyện Chợ Lách, Bình Đại, Mỏ Cày Nam và Ba Tri. Thành viên của các đội được cung cấp các công cụ như sổ tay, bảng kiểm, được tập huấn về

công tác phòng ngừa, xử lý bạo lực giới, đảm bảo an toàn và hỗ trợ người trải qua bạo lực để biết cách xử lý các vụ việc phát sinh trong thực tiễn. Đội phản ứng nhanh phòng chống gia đình của tỉnh Bến Tre đã trở thành mô hình tiêu biểu trên toàn quốc". Nhiều ý kiến được đề xuất để nhân rộng mô hình thí điểm hỗ trợ nạn nhân trong cộng đồng như nhà tạm lánh, ngôi nhà bình yên, trung tâm một cửa, đường dây nóng dễ nhớ, dễ tiếp cận và hiệu quả.

Ý nghĩa: mô hình hỗ trợ tâm lí, chất lượng đời sống của phụ nữ và trẻ em, ngăn ngừa và xử lí các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phụ nữ và trẻ em, góp phần cải thiện an ninh trật tự xã hội, xây dựng địa phương an toàn, bình đẳng trong xây dựng NTM.

(Nguồn: https://dantri.com.vn/an-sinh/nhan-rong-mo-hinh-ho-tro-phu-nu-tre-em-bi-bao-luc-20220621161114921.htm)

6.3. Về y tế

Mô hình "Đội tình nguyện viên (TNV) sơ cấp cứu tai nạn giao thông (TNGT) tại tỉnh Quảng Ninh"

Theo số liệu của Hội CTĐ tỉnh Quảng Ninh, toàn tỉnh hiện có 22 đội TNV sơ cấp cứu TNGT, tổng số 147 TNV. Những địa phương thành lập được nhiều đội TNV sơ cấp cứu TNGT là: TX Đông Triều (9 đội); TX Quảng Yên (3 đội); huyện Vân Đồn (3 đội) … Các đội được cấp phát trang bị đồng phục có logo CTĐ; hộp cứu thương, gạc y tế tiệt trùng, găng tay y tế, dụng cụ nẹp cố định gãy xương; trang bị đồng phục, mũ bảo hiểm... giúp các đội hoạt động hiệu quả. 6 tháng đầu năm 2023, các đội đã tham gia sơ cấp cứu tại chỗ 62 vụ TNGT, trợ giúp vận chuyển 28 nạn nhân đến bệnh viện, trung tâm y tế...

Địa bàn phường Kim Sơn (TX Đông Triều, Quảng Ninh) chạy dọc QL18A, có nhiều tuyến đường giao cắt khu dân cư, Cụm công nghiệp Kim Sơn, khu đô thị, Trung tâm Hướng nghiệp & GDTX thị xã nên lưu lượng phương tiện tham gia giao thông đông, nhất là vào giờ tan tầm, nguy cơ cao xảy ra các vụ TNGT. Từ đầu năm 2023 đến nay, Đội đã tham gia sơ cấp cứu cho 12 trường hợp TNGT, trong đó chuyển 3 trường hợp lên Trung tâm Y tế thị xã cấp cứu, không có trường hợp nào tử vong.

Đội TNV sơ cấp cứu TNGT phường Cẩm Bình (TP Cẩm Phả) có 8 thành viên làm nhiều nghề khác nhau: Cán bộ đoàn thanh niên, cán bộ y tế phường, xe ôm, lao động tự do... Các TNV làm nghề xe ôm túc trực ở các điểm giao cắt giao thông, khi có tai nạn xảy ra sẽ thông tin lên zalo của nhóm. Các TNV khác đến ngay hiện trường với dụng cụ y tế hỗ trợ bông, băng, gạc, nẹp...

Ý nghĩa: mô hình Đội TNV sơ cấp cứu là một mô hình giàu tính nhân văn, góp phần giảm thiểu những nỗi đau do TNGT trong cộng đồng, hình thành nên nét đẹp tương thân tương ái trong phong trào xây dựng NTM tại địa phương.

(Nguồn: https://redcross.org.vn/doi-tinh-nguyen-vien-so-cap-cuu-tngt-la-bua-ho-menh-cho-nguoi-gap-nan.html)

II. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Khái niệm môi trường

Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.

Thành phần của môi trường là các yếu tố vật chất tạo thành môi trường như không khí, đất, nước, âm thanh, ánh sáng, sinh vật, hệ sinh thái và các hình thái vật chất khác.

2. Khái niệm ô nhiễm môi trường

Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

Ô nhiễm môi trường bao gồm: Ô nhiễm không khí; Ô nhiễm không khí; Ô nhiễm nước; Ô nhiễm đất; Ô nhiễm tiếng ồn;

Ô nhiễm không khí là sự thay đổi trong thành phần của không khí hoặc xuất hiện các khí lạ làm cho không khí không trong sạch, có sự toả mùi, làm giảm tầm nhìn xa, gây biến đổi khí hậu, gây bệnh cho con người và sinh vật. Ô nhiễm không khí gây ra bởi:

- Các hiện tượng tự nhiên như: núi lửa, cháy rừng;
- Quá trình sản xuất công nghiệp gây ra các khí độc hại có ảnh hưởng lớn nhất tới sức khoẻ con người;
- Giao thông vận tải: là nguồn ô nhiễm lớn, đặc biệt là ở các khu vực tập trung đông dân cư và khu đô thị;
- Các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cư dân như: đun nấu, xây dựng và các thói quen gây ô nhiễm môi trường của người dân.

Ô nhiễm không khí gây tác hại nghiêm trọng tới sức khoẻ con người, gây ra nhiều bệnh về đường hô hấp, đường tiêu hoá và đặc biệt đã có nghiên cứu khoa học chứng minh ô nhiễm không khí là nguồn gây ung thư, biến đổi gen ở con người.

Ô nhiễm nước là hiện tượng các vùng nước như sông, hồ, biển, nước ngầm… bị các hoạt động của con người làm nhiễm các chất có thể gây hại cho con người và sinh vật. Nước trong tự nhiên tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, khi bị ô nhiễm nghĩa là thành phần của nó tồn tại các chất gây hại mà rất khó khắc phục, muốn tránh ô nhiễm nước thường phải phòng tránh từ đầu.

Ô nhiễm đất là sự biến đổi thành phần, tính chất của đất gây ra bởi những tập quán phản vệ sinh của các hoạt động sản xuất nông nghiệp với những phương thức canh tác khác nhau và do thải bỏ không hợp lý các chất cặn bã đặc và lỏng vào đất. Ngoài ra ô nhiễm đất còn do sự lắng đọng của các chất gây ô nhiễm không khó lắng xuống đất theo nước mưa… Các nguồn chính gây ô nhiễm đất là:

- Các loại nông dược và phân hoá học tích luỹ dần trong đất qua các mùa vụ;

- Các loại chất thải trong hoạt động của con người (chất thải rắn, lỏng, khí)

- Tiếp nhận sự ô nhiễm từ ô nhiễm không khí, nước

Ô nhiễm đất không những ảnh hưởng xấu tới sản xuất nông nghiệp và chất lượng nông sản, mà còn ảnh hưởng gián tiếp tới con người và động vật (thông qua lương thực, rau quả).

Ô nhiễm tiếng ồn là tập hợp những âm thanh có cường độ và tần số khác nhau, sắp xếp không có trật tự, gây cảm giác khó chịu cho người nghe, ảnh hưởng tới quá trình làm việc và nghỉ ngơi của con người. Nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn từ:

- Giao thông
- Xây dựng
- Công nghiệp và sản xuất
- Sinh hoạt

Ngày nay, cùng với quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, vấn đề tiếng ồn ngày càng trở nên nan giải, tiếng ồn đã vượt quá mức cho phép, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và cuộc sống hàng ngày của con người. Ô nhiễm tiếng ồn không chỉ gây ảnh hưởng tới sinh hoạt, làm việc, nghỉ ngơi của con người mà còn có nhiều tác hại khác nghiêm trọng hơn như: tăng nhịp thở và nhịp đập của tim, tăng nhiệt độ cơ thể và tăng huyết áp, gây mệt mỏi, mất ngủ, tổn thương chức năng thính giác, mất cân bằng cơ thể và suy nhược thần kinh…

Ô nhiễm do phế thải rắn tạo ra từ sinh hoạt gia cư (rác sinh hoạt), chất thải y tế và chất thải công nghiệp. Trong số phế thải rắn, phế thải Polime tổng hợp là loại phá huỷ môi trường sinh thái để lại hậu quả lâu dài và nghiêm trọng nhất. Hàng năm con người đã sản xuất và thải vào môi trường 500 tỷ các loại túi nhựa, nylon tổng hợp. Để phân huỷ các loại vật chất này phải mất 1.000 năm. Hiện nay các túi nhựa nylon sau khi sử dụng chỉ có khoảng 0,1% được thu hồi tái chế, số còn lại được chôn lấp. Ô nhiễm phế thải rắn phá huỷ môi trường đất, môi trường nước, làm mất dần môi trường sống của hệ sinh thái.

3. Khái niệm bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Một số hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường:

- Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

- Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

- Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.

- Thực hiện dự án đầu tư hoặc xả thải khi chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.

- Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

4. Nội dung trọng tâm để nâng cao chất lượng môi trường trong xây dựng nông thôn mới

4.1. Mục tiêu chung

Thực hiện hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo ra môi trường sống ở nông thôn an toàn và bền vững; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

4.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tối thiểu 55% dân số nông thôn được tiếp cận bền vững với nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; 40% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung; đảm bảo cấp nước sạch sinh hoạt quy mô hộ gia đình cho các hộ dân tại những khu vực chưa có khả năng tiếp cận với nước cấp tập trung, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn.

- Ít nhất 50% số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn; 80% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý; mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai 1 - 2 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện trở lên với công nghệ phù hợp.

- Ít nhất 15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.

- Ít nhất 80% chất thải chăn nuôi và 60% phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Có 95% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Có 100% chất thải rắn và 50% nước thải sản xuất của các làng nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định.

- Ít nhất 85% hộ gia đình nông thôn và 95% trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

5. Một số giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng tham gia thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới

Tăng cường nhận thức của người dân thông qua các phương tiện truyền thông địa phương**,** các chương trình giáo dục trong trường học**, c**ác sáng kiến, hội thảo, tọa đàm…. Nhằm tăng cường nhận thức của người dân về hậu quả của việc quản lý chất thải kém và hướng dẫn các bước đơn giản mà cộng đồng có thể thực hiện để giảm bớt tác hại của ô nhiễm môi trường.

Giới thiệu luật, quy định và những xử phạt vi phạm quy định này; Khuyến khích tái chế và tái sử dụng; Làm rõ các trách nhiệm của hộ gia đình trong thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường…

Thường sẽ được tập trung vào 5 (năm) giải pháp sau: (1) Làm rõ trách nhiệm của hộ gia đình trong thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường (Đề ra yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình); (2) Phát động phong trào toàn dân bảo vệ môi trường: (3) Thực hiện hương ước, quy ước, cam kết bảo vệ môi trường; (4) Đưa tiêu chí bảo vệ môi trường gắn với gia đình, đơn vị, khối xóm văn hoá (Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường là một trong những tiêu chí gia đình văn hóa); (5) Phát triển các mô hình cộng đồng dân cư tự quản trong hoạt động bảo vệ môi trường tiến tới xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường (Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường)

5.1. Trách nhiệm của hộ gia đình trong thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường

- Thu gom và chuyển chất thải sinh hoạt đến đúng nơi do tổ chức giữ gìn vệ sinh môi trường tại địa bàn quy định;
- Xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải;
- Không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn và tác nhân khác vượt quá tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh;
- Nộp đủ và đúng thời hạn các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- Tham gia hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng và hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư;
- Có công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người;
- Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hương ước, bản cam kết bảo vệ môi trường.

5.2. Phát động phong trào toàn dân bảo vệ môi trường

- Không vứt rác bừa bãi, phải thu gom, đổ rác đúng nơi quy định: ở nông thôn trước đây phần lớn chất thải thực vật như lá cây, rơm, rạ, rau thừa… đều được bà con dùng vào việc hữu ích như chế biến thành phân xanh, chất đốt hay ngâm thành nước tưới, đem chôn, ủ mục… Hiện nay ở nhiều địa phương những thói quen xưa đã dần thay đổi cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều hộ nông thôn giờ đã dùng bếp ga; rau tươi sản xuất theo hướng chuyên canh, hàng hóa; túi nylon thay cho rổ rá, mủng mẹt ngày xưa. Nylon lại là chất khó phân hủy nên vấn đề ứ đọng rác thải là tất yếu. Tình trạng vứt rác thải bừa bãi ra đường, ra chợ theo kiểu "đèn nhà ai nhà ấy rạng" gây mất mỹ quan và ô

nhiễm môi trường ngày một trầm trọng. Các cơ quan truyền thông nên có nhiều hình thức tuyên truyền để bà con hiểu rõ tác hại của tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải. Bên cạnh đó, các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở nông thôn nên có những hành động hiệu quả nhằm hình thành một thói quen vì một môi trường xanh, sạch, đẹp. Đi đôi với tuyên truyền, thi đua khen thưởng là xử phạt, là lên án, tố cáo công minh.

- Mỗi thôn xóm, mỗi đội sản xuất định kỳ nên có ngày dọn vệ sinh môi trường tại gia đình và nơi công cộng.

- Khi có điều kiện phải tiến hành quy hoạch khu dân cư, quy hoạch hệ thống cấp và thoát nước, hệ thống xử lý rác thải, nước thải đúng quy cách.

- Trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện những chủ trương, chính sách đã có, tăng cường công tác tuyên truyền, cổ động, giáo dục nhân dân bằng nhiều hình thức thông tin khác nhau về tác hại của rác thải đến sức khoẻ, đến môi trường sinh thái.

- Nâng cao vai trò và trách nhiệm của các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể xã hội ở cơ sở trong việc hướng dẫn nhân dân thải rác đúng nơi đúng chỗ và xử lý rác đúng cách.

- Không đổ nước thải ra đường phố và các nơi công cộng: Mỗi gia đình phải thu gom nước thải vào hệ thống bể tự hoại, hầm chứa hoặc cho nước thải vào hệ thống thoát nước công cộng.

- Quản lý rác thải chăn nuôi: Chất thải rắn do vật nuôi thải ra, chất thải rắn có nguy cơ ô nhiễm cao do thành phần và liều lượng chất gây ô nhiễm cao hơn rơi vào khu vực chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm. Chất thải lỏng trong chăn nuôi cũng đang trong tình trạng bị bỏ ngỏ. Thông qua các dự án về khí sinh học, một phần chất thải rắn và lỏng được xử lý bằng công nghệ biogas. Tuy vậy, số gia đình có hầm biogas chưa nhiều.

- Quản lý chất thải làng nghề.

- Sử dụng hố xí hợp vệ sinh, không phóng uế bừa bãi.

- Trồng cây xanh góp phần giảm ô nhiễm môi trường và tạo cảnh quan.

5.3. Thực hiện hương ước, quy ước, cam kết bảo vệ môi trường

- Không vứt rác bừa bãi, phải thu gom, đổ rác đúng nơi quy định;

- Không hút thuốc lá nơi công cộng, khuyến khích loại bỏ thuốc lá, thuốc lào khỏi đời sống sinh hoạt hàng ngày;

- Không phá rừng, phòng chống phá rừng;

- Tự giác chấp hành các quy định của các cấp chính quyền địa phương về giữ gìn vệ sinh, xây dựng gia đình văn hoá;

- Đóng góp đầy đủ lệ phí thu dọn vệ sinh;

- Vận động mọi người cùng tham gia thực hiện các công việc trên.

5.4. Đưa tiêu chí bảo vệ môi trường gắn với gia đình, đơn vị, khối xóm văn hoá

Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú, gồm các tiêu chí bảo vệ môi trường như sau:

- Chấp hành hương ước, quy ước của cộng đồng nơi cư trú;

- Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định;

- Thực hiện các quy định về vệ sinh môi trường, đổ rác và chất thải đúng giờ, đúng nơi quy định;

- Không vi phạm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh;

- Sử dụng nước sạch;

- Có công trình phụ hợp vệ sinh;

- Xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải;

- Không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn và tác nhân khác vượt quá tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh;

- Nộp đủ và đúng thời hạn các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Tham gia hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng và hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư;

- Có công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người;

- Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hương ước, bản cam kết bảo vệ môi trường

5.5. Phát triển các mô hình cộng đồng dân cư tự quản trong hoạt động bảo vệ môi trường

Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường được thành lập và hoạt động dựa trên nguyên tắc tự nguyện, cộng đồng trách nhiệm, tuân theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường:

- Kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình, cá nhân thực hiện quy định về giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

- Tổ chức thu gom, tập kết và xử lý rác thải, chất thải;

- Giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, khu phố, nơi công cộng;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ các hủ tục, thói quen mất vệ sinh, có hại cho môi trường;

- Tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

6. Một số mô hình phát huy vai trò cộng đồng bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới

6.1. Giới thiệu một số mô hình cụ thể

Mô hình "Phát triển du lịch cộng đồng rừng dừa nước xã Tịnh Khê Quảng Ngãi"

Mô hình do Hợp tác xã Nông nghiệp và Du lịch cộng đồng Mỹ Khê triển khai đi vào hoạt động đầu năm 2023. Anh Nguyễn Văn Dũng, Giám đốc HTX,

cho biết: "Du lịch cộng đồng là người dân làm chủ, do vậy họ cũng là hướng dẫn viên bản địa. HTX tập huấn người dân cách làm du lịch và cùng người dân khôi phục một số nghề truyền thống từ nguồn nguyên liệu lấy từ cây dừa, cây cói và nguồn lợi thuỷ sản sinh tồn". Đến nay có khoảng 10 hộ dân tham gia chèo thuyền phục vụ du khách, người dân tham gia chèo thuyền phần lớn là độ tuổi 50, 60 tuổi, quanh năm gắn bó với rừng dừa. Ngoài ra: "Trước đây, người dân chở khách không trang bị đủ thiết bị, thiếu an toàn khi chèo thuyền ở vùng sông nước, bây giờ, 100% các thuyền chở khách tham quan đều được HTX trang bị áo phao, mỗi thuyền chở không quá 4 khách/lần, giá cả niêm yết công khai để tránh chèo kéo, tự ý nâng giá du lịch". Người dân nơi đây bám rừng mưu sinh và cũng chính họ cùng chung sức, đồng lòng phát triển mô hình du lịch cộng đồng, thu hút rất nhiều khách đến tham quan. Du khách trải nghiệm chèo thuyền băng qua các con lạch, thưởng thức trái dừa nước và cùng người dân làm nghề thủ công. Những chiếc dừa nước cũng mang lại nguồn thu nhập cho người dân bằng nghề thủ công như chằm lá dừa thành tấm và bán đi khắp các nơi miền Trung, Tây Nguyên và đảo Lý Sơn. Người dân sống quanh rừng dừa nước có nghề chằm lá dừa, bình quân mỗi hộ có thể chằm 2.000-3.000 tấm/năm, thu nhập bình quân 50-100 triệu đồng/năm. Ngoài ra, người dân có nghề đánh bắt cá tôm trên sông, bán trái dừa nước…

Ý nghĩa: Mô hình này đã trở thành nơi gắn kết, chung sức, đồng lòng cùng người dân làm du lịch, hướng tới phát triển du lịch nâng cao giá trị rừng dừa nước, từ đó, người dân ý thức trong quản lý, bảo tồn, phục hồi và phát triển rừng dừa, để phát huy giá trị lịch sử văn hoá của nó vào đời sống xã hội và xây dựng NTM.

(Nguồn: https://www.sggp.org.vn/phat-trien-du-lich-cong-dong-rung-dua-nuoc-quang-ngai-post689280.html)

Mô hình "Cộng đồng tham gia quản lý, bảo vệ rừng"

Theo số liệu của Cục Lâm nghiệp, giai đoạn 2017 - 2022, cả nước đã có 5.892 cộng đồng, thôn bản, nhóm hộ được nhận 2.029 tỷ đồng tiền DVMTR. Các cộng đồng tham gia quản lý, bảo vệ rừng được chi trả bình quân 50 triệu đồng/cộng đồng/năm. Ngoài ra, trong giai đoạn này có 259.139 hộ gia đình, cá nhân đã nhận được 943 tỷ đồng tiền DVMTR. Diện tích rừng cộng đồng dân cư được giao quản lý, sử dụng là 989.827 ha, chiếm 6,7% tổng diện tích rừng của cả nước; trong đó có 920.827 ha là rừng tự nhiên, rừng trồng là 69.486 ha.

Ý nghĩa: Mô hình thiết thực góp phần cải thiện sinh kế, xóa đói giảm nghèo, tạo thêm việc làm, tạo mối liên kết giữa cộng đồng với các đơn vị lâm nghiệp, giảm xung đột lợi ích từ rừng, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của cộng đồng.

6.2. Tổng kết kinh nghiệm từ các mô hình bảo vệ môi trường

Thành công của những mô hình bảo vệ môi trường thành công là do đã biết dựa vào dân, cùng dân bàn bạc và đưa ra những giải pháp tốt nhất để vừa đảm bảo nâng cao đời sống nhân dân đồng thời với bảo vệ môi trường (phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường). Ở mô hình này, luôn có

sự tham gia của nhân dân trong quá trình từ lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và cưỡng chế thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường có sự gắn kết với quyền lợi của người dân.

Các nghiên cứu cho thấy rằng, trong quản lý môi trường ở cơ sở, nếu chỉ dựa vào nhóm cán bộ quản lý môi trường thì không thể thực hiện được các mục tiêu quản lý. Nguyên do là cán bộ quản lý môi trường cấp cơ sở khó có thể tìm hiểu rõ được vấn đề của địa phương và hướng cộng đồng vào việc giải quyết các vấn đề đó nếu không có sự đồng thuận của cộng đồng. Thêm vào đó, toàn bộ các cán bộ quản lý môi trường cấp cơ sở hiện nay là những cán bộ kiêm nhiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế. Trong khi đó cộng đồng với những tri thức kinh nghiệm, sự am hiểu về điều kiện sinh sống cũng như lợi ích có thể đạt được sẽ khuyến khích họ tham gia quản lý và tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường được tốt hơn.

Chính cộng đồng là một lực lượng quan trọng quyết định sự thành công của quản lý môi trường ở cơ sở bên cạnh khối cán bộ quản lý môi trường cấp cơ sở theo luật định.

Cùng với sự phát triển của một xã hội dân sự, các tổ chức tự quản ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội.

Là một bộ phận xã hội, tổ chức tự quản có thể phát huy tối đa thế mạnh của cộng đồng trong giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có bảo vệ môi trường trên cơ sở tự nguyện.

Việc luật hóa vai trò của các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường tạo tiền đề pháp lý cho việc thành lập, mở rộng và phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ chức bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm văn hóa và khái niệm giá trị văn hóa?

2. Trình bày khái niệm xã hội và khái niệm phát triển văn hóa - xã hội?

3. Trình bày nội dung phát triển văn hóa - xã hội trong xây dựng nông thôn mới?

4. Trình bày các biện pháp phát huy vai trò của cộng đồng tham gia phát triển văn hóa – xã hội trong xây dựng nông thôn mới?

5. Nội dung bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới?

6. Giải pháp thực hiện phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường?

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đời sống văn hóa – xã hội khu vực nông thôn trong giai đoạn hiện nay?

2. Giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong xây dựng đời sống văn hóa – xã hội gắn với chương trình nông thôn mới?

3. Anh/ chị cho biết trách nhiệm cộng đồng trong bảo vệ môi trường ở địa phương?

4. Anh/ chị hãy phân tích và rút ra bài học từ các mô hình bảo vệ môi trường ở địa phương?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật số 72/2020/QH14, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ quy định Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa; danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa và tương đương.

3. Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

4. Quyết định số 318/ QĐ-TTg ngày 08 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

5. Hướng dẫn số 1064/HD-BVHTTDL ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 – 2025.

6. Hồ Chí Minh (1971), Về công tác văn hóa, văn nghệ, NXB Sự thật, Hà Nội.

7. Trần Ngọc Thêm (2016), Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường hướng tới tương lai, Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2015), Bài giảng Đại cương văn hóa Việt Nam. Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

9. UNESCO (2001), UNESCO Universal Declaration on Cultural Diversity, Paris: UNESCO.

CHUYÊN ĐỀ 4
PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG GIÁM SÁT, KIỂM TRA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Thời lượng: 4 tiết

- Lý thuyết: 2 tiết
- Thảo luận, thực hành: 2 tiết

Mục tiêu

Chuyên đề được thiết kế để cung cấp cho học viên cơ sở pháp lý, những nội dung, nguyên tắc, các hình thức giám sát và kiểm tra và gợi ý những biện pháp để phát huy vai trò giám sát và kiểm tra của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Yêu cầu

- Về kiến thức: Sau khi học xong học viên có khả năng:

+ Hiểu được tầm quan trọng của vai trò giám sát, kiểm tra của cộng đồng, nguyên tắc thực hiện quyền giám sát, kiểm tra.

+ Phân tích được sự khác biệt giữa vai trò giám sát và vai trò kiểm tra của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới.

+ Biết được những nội dung trong xây dựng nông thôn mới thuộc quyền giám sát và quyền kiểm tra của cộng đồng.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong học viên có kỹ năng:

+ Thực thi quyền giám sát giám sát và kiểm tra của cộng đồng theo đúng nguyên tắc và quy trình, thủ tục.

+ Lựa chọn và sử dụng hình thức phù hợp với từng nội dung, phạm vi thực hiện quyền giám sát và kiểm tra trong xây dựng nông thôn mới.

+ Vận dụng được các biện pháp bảo đảm dân chủ nói chung và phát huy quyền giám sát và kiểm tra của cộng đồng nói riêng.

- Về thái độ: Sau khi học xong học viên:

+ Nâng cao trách nhiệm giám sát, kiểm tra, trung thực, công khai, minh bạch trên tinh thần dân chủ và mang tính xây dựng.

+ Tôn trọng và bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khi thực thi quyền giám sát, kiểm tra.

I. VAI TRÒ VÀ NGUYÊN TẮC GIÁM SÁT, KIỂM TRA CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Vai trò của cộng đồng trong hoạt động giám sát, kiểm tra

Khoản 2, Điều 8, Hiến Pháp quy định "*Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân*". Việc thực hiện các dự án, công trình, hoạt động, áp dụng các quy định pháp luật… tại địa phương cần có sự theo dõi, quan sát, đánh giá, phân tích một cách chính thức, chủ động và thường xuyên để đảm bảo đúng hướng, đúng quy trình, quy chuẩn, phù hợp với điều kiện thực tế, đạt được mục đích đề ra. Các cơ quan, chủ dự án cần tự kiểm tra hoạt động của mình và phải chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan khác trong, ngoài hệ thống và của Nhân dân.

Một trong các nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là "phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia" *(Điều 4, Nghị định 27/2022/NĐ-CP)*. Luật Đầu tư công cũng quy định "Các chương trình, dự án chịu sự giám sát của cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng và phản biện xã hội". *(Điều 74, Luật Đầu tư công)*

Việc tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới là một trong những điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 *(Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg)*. Đây là yêu cầu bắt buộc nhằm đảm bảo tính chính xác, minh bạch, khách quan, tránh hình thức, bệnh thành tích trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới. Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đã phát huy vai trò chủ thể, nhất là vai trò giám sát, kiểm tra trong xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao chất lượng và đảm bảo tính thực chất và bền vững trong xây dựng nông thôn mới. Việc tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới thể hiện sự đồng thuận, nhất trí của người dân, góp phần nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững, hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới. Đây là một trong những kênh thông tin quan trọng để giúp cho cấp ủy, chính quyền và các ngành chức năng đánh giá, kiểm chứng đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở từng địa phương, cơ sở.

Trong xây dựng nông thôn mới, Nhân dân và cộng đồng đảm nhận các vai trò quan trọng như là: (1) Thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các nghĩa vụ công dân; (2) Sáng tạo các mô hình, các giải pháp mới, hiệu quả trong sinh hoạt, đời sống và sản xuất; (3) Tự nâng cao năng lực, truyền thông nâng cao nhận thức, tham gia các tổ chức hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với cộng đồng; (4) Tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; (5) Giám sát và kiểm tra, đấu tranh chống các hành vi vi phạm chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật và Nhà nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định "Nước ta là một nước dân chủ. Dân là quý nhất, là quan trọng hơn hết, là tối thượng. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều là của dân". Đây chính là tư tưởng nền tảng. Trong suốt chiều dài lịch sử, Đảng ta luôn xác định dân chủ chính là mục tiêu, đồng thời cũng là động lực để khơi dậy sức mạnh của Nhân dân và là nhiệm vụ quan trọng trong tiến trình phát triển đất nước. Tiếp nối tinh thần đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục khẳng định: "Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm dân là gốc; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Đảng, Nhà nước triển khai nhiều chủ trương, chính sách nhằm bảo đảm các quyền dân chủ cho người dân và cộng đồng theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Trong đó việc tăng

cường phát huy vai trò giám sát, kiểm tra của cộng đồng là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thực thi quyền làm chủ của người dân. Đảng và Nhà nước luôn đề cao và không ngừng áp dụng các biện pháp nhằm bảo đảm vai trò giám sát, kiểm tra của cộng đồng và hiện thực hóa các quyền dân chủ thật sự cho người dân trong cộng đồng.

Phát huy vai trò giám sát, kiểm tra của cộng đồng cũng chính là cách thức hữu hiệu để nâng cao hiệu lực việc thực thi pháp luật. Cộng đồng được trao quyền và tạo điều kiện để phát huy quyền làm chủ của mình nói chung và quyền giám sát, kiểm tra hiệu quả hoạt động của các cá nhân, tổ chức, cơ quan công quyền ở địa phương nói riêng. Cộng đồng giám sát, kiểm tra các hoạt động do Nhân dân bàn và quyết định trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, thống nhất, công khai, minh bạch. Cộng đồng không chỉ giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, mà còn giám sát công tác sử dụng, điều động, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ. Ngoài ra, cộng đồng cũng tham gia giám sát, kiểm tra quá trình thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ như đạo đức lối sống, ý thức trách nhiệm, tinh thần thái độ làm việc, chuẩn mực ứng xử, phục vụ Nhân dân của mỗi cán bộ, tổ chức, cơ quan, đơn vị nhằm đóng góp tích cực cho tiến trình phát triển chung của đất nước.

Thực tế cho thấy, thời gian qua nhờ vào việc quyết tâm hiện thực hóa các quyền giám sát, kiểm tra của cộng đồng mà nhiều vụ việc liên quan đến hạn chế, yếu kém, khuyết điểm, sai phạm của cán bộ trong xây dựng nông thôn mới, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, thực hiện dịch vụ hành chính công, thực thi các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội... đã được phát hiện, xử lý kịp thời. Thông qua quyền giám sát, kiểm tra, cộng đồng đã phản ánh, tố cáo, ngăn chặn những hành vi tiêu cực, tham nhũng, giúp hạn chế được những tổn thất, thiệt hại chung cho xã hội. Hơn thế, thông qua thực hiện giám sát, kiểm tra, cộng đồng đã đóng góp ý kiến, đề xuất những giải pháp, ý tưởng mới, những cách làm hiệu quả hơn, hoặc góp ý trực tiếp cho cán bộ để hoàn thiện năng lực, phẩm chất, nâng cao hiệu quả công tác.

Vai trò của cộng đồng trong thực hiện dân chủ nói chung và quyền giám sát, kiểm tra nói riêng

Xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An đăng ký xã nông thôn mới nâng cao năm 2023. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội luôn xác định thực hiện dân chủ cơ sở theo nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, lâu dài và là nền tảng của mọi thành công. Thông qua hoạt động giám sát, kiểm tra, những bức xúc của người dân được giải thích thấu đáo, các khiếu nại của người dân được chuyển đến các phòng, ban chức năng giải quyết kịp thời. Nhờ thực hiện dân chủ cơ sở một cách đầy đủ và hiệu quả từ công khai minh bạch, dân chủ bàn bạc, đến kiểm gia, giám sát và tôn trọng cầu thị khi lắng nghe dân nên quá trình xây dựng nông thôn mới ở xã Kỳ Tân đã tạo được sự thành quả to lớn trong sự đồng thuận, không phát sinh khiếu kiện, bức xúc của người dân.

Vai trò của cộng đồng trong thực hiện dân chủ nói chung và quyền giám sát, kiểm tra nói riêng

Dân biết: phổ biến chủ trương, chính sách, trong đó phân tích rõ mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng nông thôn mới nâng cao trực tiếp tại các cuộc họp xóm, cuộc tiếp xúc cử tri và gián tiếp qua hệ thống truyền thanh của xã. Nhờ đó nâng cao ý thức trách nhiệm, khơi dậy tinh thần đoàn kết, đồng lòng và khuyến khích sự tham gia tích cực của Nhân dân, cũng như tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Dân bàn: dân bàn bạc, thảo luận, bày tỏ ý kiến việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới như: công tác dồn điền đổi thửa, làm đường giao thông nông thôn, mức hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng các dự án, nâng cấp nhà văn hóa thôn, sửa đổi và bổ sung hương ước của thôn. Nhờ đó gia tăng động lực, kích hoạt các sáng kiến, ý tưởng hay và phát huy tính tích cực và chủ động của Nhân dân,

Dân làm: Nhờ thông hiểu chủ trương, chính sách và được tham gia bàn bạc nên đa số Nhân dân đồng tình ủng hộ trong tổ chức thực hiện. Điển hình, trên địa bàn xã đã hoàn thành 52 km đường giao thông theo phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm". Nhà nước hỗ trợ xi măng. Nhân dân đã đóng góp bằng tiền là 23,2 tỷ đồng, hiến 113.000m2 đất, cùng hàng ngàn ngày công, vật tư khác với trị giá tương đương 11,48 tỷ đồng. Đến nay tất cả các tuyến đường đều được lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng. Năm 2023, Nhân dân đóng góp xây mới 1 nhà văn hóa và tu sửa nâng cấp 4 nhà văn hóa với tổng giá trị là 3 tỷ đồng.

Dân kiểm tra: Tổ chức Nhân dân bầu cử Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng để thay mặt Nhân dân kiểm tra nhằm đảm bảo các công trình được thi công đúng quy chuẩn và chất lượng, phát hiện những vấn đề phát sinh, những biểu hiện nhũng nhiễu, gây phiền hà, những mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ Nhân dân để tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức hòa giải và xử lý.

Dân giám sát: tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân thực hiện quyền giám sát trên các hoạt động và mọi mặt của cuộc sống như: cử cán bộ thường trực tiếp dân, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của Nhân dân, trực tiếp đối thoại với dân những vấn đề dân còn băn khoăn, giải quyết các vướng mắc, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân đảm bảo dân chủ, khách quan, kịp thời. Thông qua hoạt động giám sát đã phát hiện những nhân tố tích cực, cách làm hay, sáng tạo, mô hình hiệu quả để kịp thời biểu dương và nhân rộng.

Dân thụ hưởng: Nhân dân và cộng đồng khai thác, sử dụng và thụ hưởng tất cả các thành quả từ hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục - y tế, xây dựng nếp sống văn hóa, góp phần đạt được mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Nguồn: Cẩm Tú (2023). Tấm gương tiêu biểu trong xây dựng điểm sáng thực hiện quy chế dân chủ gắn với xây dựng Nông thôn mới nâng cao ở xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ. Cổng Thông tin điện tử huyện Tân Kỳ

Vai trò của cộng đồng trong thực hiện dân chủ nói chung và quyền giám sát, kiểm tra nói riêng
https://tanky.nghean.gov.vn/tin-hoat-dong1/tam-guong-tieu-bieu-trong-xay-dung-diem-sang-thuc-hien-quy-che-dan-chu-gan-voi-xay-dung-nong-tho-576566

Giám sát và kiểm tra là những quyền cơ bản của Nhân dân, bên cạnh quyền được biết, quyền được bàn, quyền được làm và quyền được thụ hưởng. Giám sát và kiểm tra là hai hoạt động độc lập, có nhiều điểm tương đồng, nhưng có nhiều điểm khác biệt về hình thức thực hiện và phạm vi nội dung. Việc nhận thức và thực hiện đúng về nội dung hoạt động kiểm tra và giám sát sẽ góp phần giúp Nhân dân thực hiện quyền hạn của mình có chất lượng và hiệu quả.

2. Nguyên tắc giám sát, kiểm tra của cộng đồng

(1) Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở;

(2) Kiểm tra và giám sát trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cư dân trong cộng đồng

(3) Tôn trọng và bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

(4) Mang tính nhân dân, tính dân chủ, tính xây dựng, tính khoa học và thực tiễn

(5) Thông tin trung thực, bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện.

II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Giám sát của cộng đồng là gì?

Giám sát là việc chủ thể theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát về tính tuân thủ và tính phù hợp trong chủ trương, chính sách, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Nghị định 27/2022/NĐ-CP về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định: *"Giám sát chương trình mục tiêu quốc gia là hoạt động theo dõi, kiểm tra kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm cả kế hoạch đầu tư công nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia), việc tổ chức quản lý và tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia"*. Nhân dân có quyền giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật. Đồng thời, Nhân dân có nghĩa vụ kịp thời phản ánh, kiến nghị, báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Nhiều văn bản của Đảng và của Nhà nước đề cập đến quyền giám sát của Nhân dân, nhưng chưa có văn bản nào xác định chính thức và cụ thể khái niệm "giám sát của cộng đồng" là như thế nào. Một số công trình nghiên cứu với nhiều cách tiếp cận khác nhau và đưa ra những cách diễn giải khác nhau về khái

niệm giám sát của cộng đồng. Từ những quy định, hướng dẫn của văn bản nhà nước và các tư liệu khoa học về bản chất chúng ta có thể khái quát về giám sát của cộng đồng.

Giám sát của cộng đồng hay còn được gọi là giám sát của Nhân dân chính là một phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân nhằm kiểm soát quyền lực nhà nước. Một cách chung nhất, *giám sát của cộng đồng là việc Nhân dân thường xuyên, liên tục theo dõi, xem xét, đánh giá, cảnh báo, kiến nghị điều chỉnh đối với việc thực thi chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao của cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, những người đang nắm giữ và vận hành quyền lực nhà nước*. Nhân dân thực hiện quyền giám sát với tư cách là cá nhân hay cộng đồng dân cư trực tiếp hoặc thông qua Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội của công dân, báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng khác.

Tóm lại, giám sát cộng đồng là một dạng giám sát xã hội, không gắn với chức năng, kế hoạch của bộ máy Nhà nước, nhằm theo dõi, xem xét, đánh giá tính hợp pháp, hợp lý trong hoạt động, đảm bảo thực thi quyền lực của Nhân dân. Chủ thể giám sát là người dân sinh sống trên địa bàn dân cư với nhiều thành phần cùng tham gia. Giám sát của cộng đồng không mang tính quyền lực, không chế tài, hỗ trợ cho giám sát nhà nước, không kiềm chế hay đối trọng với giám sát nhà nước.

2. Mục đích của giám sát của cộng đồng

Mục đích chủ yếu của hoạt động giám sát của cộng đồng là nhằm góp phần thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng và đối ngoại tại địa phương; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của Nhân dân; kịp thời phát hiện, kiến nghị khắc phục những sai sót, sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp; phát hiện những nhân tố mới, những mặt tích cực; phát huy dân chủ, động viên Nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

Cùng với giám sát của Đảng, giám sát của Nhà nước thì giám sát của cộng đồng có tác dụng góp phần kiểm soát quyền lực chính trị, phát huy dân chủ, không ngừng tăng cường năng lực cộng sinh và chế ước của quyền lực xã hội trong quan hệ tương tác với quyền lực nhà nước. Chính vì vậy, giám sát của cộng đồng không chỉ mang tính nhân dân, tính xã hội, mà còn mang tính chính trị sâu sắc.

"Sức mạnh" của giám sát cộng đồng
Ngày 15/5/2022, trên mạng xã hội facebook có một số tài khoản lan truyền những hình ảnh ghi lại một không gian xây dựng hẹp, có những hàng cọc chống cốt pha xiêu vẹo và những lưới sắt đan khoảng cách không đều. Cùng với những bức ảnh, là thông tin "nửa kín, nửa hở" hướng người đọc hiểu đang có tình trạng thi công công trình ẩu, có biểu hiện gian lận.

“Sức mạnh” của giám sát cộng đồng

Ít ngày sau, thông tin về tình trạng này được xác định là tại Dự án xây dựng nhà học 2 tầng và khuôn viên Trường Mầm non xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc. Theo đó, việc phát hiện đơn vị thi công ẩu này là nhờ Ban giám sát cộng đồng. Cụ thể, Báo cáo số 02-BC/BGS do Ban Giám sát đầu tư cộng đồng của Ủy ban MTTQ xã Nghi Thái lập ngày 14/5/2022, trình bày mạch lạc, rõ ràng, và nêu cụ thể các lỗi phạm. Nội dung Báo cáo 02-BC/BGS như sau:

“Nhằm đảm bảo cho việc thi công các công trình trên địa bàn xã nói chung và công trình “Xây dựng nhà học 2 tầng, 8 phòng và khuôn viên Trường Mầm non xã Nghi Thái” nói riêng diễn ra đảm bảo đúng với báo cáo dự toán thiết kế được phê duyệt. Sáng ngày 14/5/2022, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng của Ủy ban MTTQ xã Nghi Thái đã tiến hành thực tế giám sát việc thi công công trình “Xây dựng nhà học 2 tầng, 8 phòng và khuôn viên Trường Mầm non xã Nghi Thái”. Sau khi giám sát, Ban đã tiến hành họp và thống nhất báo cáo, đồng thời kiến nghị một số nội dung sau:

1. Về kết cấu công trình: Theo bản vẽ thiết kế được phê duyệt thì thép mái sàn tầng 1 của nhà học 2 tầng là thép phi 10, đan 2 lớp, A150. Tuy nhiên, qua kiểm tra và giám sát thực tế cho thấy: Thép sàn tầng 1 lại được đan A200; ngoài ra, tại một số điểm nối, vị trí đặt không phù hợp với dự toán, lối thép không đủ D.

2. Về phần cốt pha: Tại thời điểm giám sát, cốt pha được dựng, chống không đảm bảo. Các cọc chống cốt pha được chống trên nền cát, không chống trên nền cứng. Cọc xiêu vẹo không theo phương thẳng đứng, không có giằng ngang, giằng chéo. Nhiều cọc bị hỏng chân.

Theo lời Trưởng Ban giám sát đầu tư cộng đồng Nguyễn Xuân Văn, nhà thầu thi công hệ thống tường rào rồi mới thi công đến hạng mục nhà học 2 tầng. Giai đoạn thi công tường rào, phần móng của nhà học 2 tầng thì đảm bảo thiết kế được phê duyệt. Đến các ngày 7-8 – 9/5/2022, thực hiện giám sát việc thi công phần dựng cốt pha, đan thép đổ sàn tầng 1, các thành viên của Ban nhận thấy không đảm bảo kỹ thuật, không tuân thủ đúng thiết kế. Ngay sau đó, đã nhắc nhở những người trực tiếp thi công. Nhưng thay vì tiếp thu, khắc phục thì họ lại tỏ thái độ khó chịu. Nhận thấy tình hình không ổn, sẽ dẫn đến chất lượng công trình không đảm bảo, Ban đã ghi nhận lại hình ảnh thi công cốt pha, đan thép…, rồi lập văn bản báo cáo gửi Đảng ủy và UBND xã.

Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã Nghi Thái, ông Đặng Văn Phương nói rằng, ngay sau khi nhận được Báo cáo của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, UBND xã (chủ đầu tư – P.V) đã tổ chức kiểm tra, yêu cầu đơn vị thi công khắc phục các lỗi phạm. Sự việc sau đó được một số cơ quan báo chí quan tâm phản ánh nên UBND huyện cũng kiểm tra, rồi có kết luận. Về phía đơn vị thi công, trước kết quả giám sát của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng thì hoàn toàn tâm phục, khẩu phục. Vì vậy, cùng với những tồn tại UBND huyện chỉ ra, đã tổ chức khắc phục hoàn thành.

“Sức mạnh” của giám sát cộng đồng
Nguồn: Nhật Lân (2022), Điều thấy được từ một cuộc giám sát cộng đồng. Báo Nghệ An điện tử. Truy cập từ https://baonghean.vn/tu-mot-cuoc-giam-sat-cong-dong-o-xa-post254482.html

3. Chủ thể giám sát

Chủ thể trong giám sát xây dựng NTM ở cộng đồng gồm:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã (gồm Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh).

- Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng.

- Nhân dân còn thực hiện việc giám sát trực tiếp. Trong xây dựng nông thôn mới, người dân với vai trò của chủ thể tham gia các hoạt động nhưng đồng thời người dân cũng là chủ thể thực hiện nhiệm vụ giám sát trực tiếp những hoạt động, kết quả xây dựng nông thôn mới ngay tại địa bàn, khu dân cư.

4. Nội dung giám sát của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới

Nội dung giám sát của cộng đồng là những vấn đề liên quan trực tiếp tới đời sống của dân cư trên địa bàn. Điều 33, Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định các chương trình mục tiêu quốc gia chịu sự giám sát của cộng đồng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát cộng đồng đối với chương trình mục tiêu quốc gia.

Nội dung giám sát cộng đồng đối với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới bao gồm việc giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới, cũng như toàn bộ quá trình xây dựng nông thôn mới từ khâu lập kế hoạch, đến tổ chức thực hiện, các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, nhiệm vụ, hoạt động và giải pháp cụ thể đến khâu xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao hay nông thôn mới kiểu mẫu. Các nội dung cộng đồng giám sát xây dựng nông thôn mới cụ thể như sau:

(1) Việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quản lý ngân sách nhà nước.

(2) Việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện các nội dung, hoạt động và nhiệm vụ từng chương trình mục tiêu quốc gia.

(3) Quản lý xây dựng và tổ chức theo quy hoạch đã được phê duyệt;

(4) Xây mới, cải tạo và nâng cấp các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội như đường giao thông nông thôn, hệ thống thông tin, truyền thông, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, nhà văn hóa thôn, điểm vui chơi, giải trí và thể thao phục vụ cộng đồng;

(5) Các công trình thủy lợi nội đồng gắn với chỉnh trang đồng ruộng, áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến, tưới tiết kiệm nước, giảm phát thải khí

nhà kính; Thông tin, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước để nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ công trình, bảo vệ chất lượng nước và sử dụng nước tiết kiệm; Xử lý các vi phạm về xả nước thải vào công trình thủy lợi, đảm bảo an toàn và chất lượng nước trong công trình thủy lợi;

(6) Triển khai kế hoạch phòng chống thiên tai đảm bảo yêu cầu chủ động theo phương châm "4 tại chỗ": (1) chỉ huy tại chỗ, (2) lực lượng tại chỗ, (3) phương tiện, vật tư tại chỗ, (4) hậu cần tại chỗ; Tổ chức cho cộng đồng dân cư tham gia đánh giá rủi ro thiên tai, lập bản đồ phòng chống thiên tai; Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai, cơ sở hạ tầng thiết yếu để giảm thiểu rủi ro thiên tai phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trong xây dựng nông thôn mới; Tổ chức tập huấn, diễn tập, thực hành và đầu tư trang thiết bị nâng cao năng lực cho đội xung kích phòng chống thiên tai và người dân; Công tác sơ tán người dân và giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai; Tuyên truyền phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai cho người dân, cộng đồng lồng ghép vào các hoạt động truyền thông, sự kiện văn hóa trong xây dựng nông thôn mới;

(7) Hoạt động cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương; Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung và tổ chức dịch vụ công trong vùng nguyên liệu như: cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng công nghệ cao, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; xác nhận, chứng nhận các tiêu chuẩn, hợp chuẩn chất lượng; Nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản;

(8) Hỗ trợ thành lập mới, củng cố và phát triển các tổ chức hợp tác của nông dân (tổ hợp tác, hợp tác xã, hiệp hội ngành hàng); Thông tin, truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ nông dân… tham gia phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Triển khai các chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản;

(9) Triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù, phát triển du lịch, ngành nghề nông thôn, khôi phục, bảo tồn, phát huy các làng nghề truyền thống, tạo việc làm, khởi nghiệp, đa dạng hóa sinh kế… nhằm giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn;

(10) Chuyển đổi số hỗ trợ sản xuất: xây dựng các bản đồ nông nghiệp số (đất đai, thời tiết, khí hậu, phân bố cây trồng, giống, đa dạng sinh học…); bản đồ hóa kế hoạch sản xuất, luân canh, rải vụ cây trồng theo năng lực tiêu thụ và chế biến; quan trắc môi trường (đất, nước…);

(11) Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với xây dựng vùng nguyên liệu nông sản, dược liệu đặc trưng, tích hợp giá trị văn hóa góp phần phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho chủ thể OCOP về năng lực cộng đồng và tinh thần hợp tác; đổi mới, sáng tạo về sản phẩm; Thiết kế bao bì, ghi nhãn và mẫu

mã sản phẩm, sở hữu trí tuệ, tăng cường sử dụng và khai thác thương hiệu cộng đồng;

(12) Thực hiện các quy định về thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau sử dụng trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; thu gom, xử lý, tái sử dụng chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp góp phần nâng cao chất lượng môi trường;

(13) Hiệu quả công tác khuyến nông và chuyển giao khoa học kỹ thuật, phát triển mô hình tổ khuyến nông cộng đồng, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm;

(14) Hệ thống cung cấp nước sạch nông thôn: nâng công suất, mở rộng mạng lưới cấp nước; Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch tập trung, ổn định nguồn nước khai thác trong điều kiện ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu; Thí điểm một số mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình tại khu vực khan hiếm, khó khăn về nguồn nước;

(15) Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, khuyến khích việc thu hồi, tái chế, tái sử dụng chất thải, hình thành và hoàn thiện mạng lưới và các phương thức thu gom rác thải, nước thải phù hợp với đặc thù của từng địa phương;

(16) Xây dựng thôn, xóm sáng – xanh – sạch – đẹp – an toàn; Trồng hoa, cây cảnh và các loại cây xanh, cải tạo các ao, hồ sinh thái; Giữ gìn và xây dựng không gian sống, không gian văn hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên, truyền thống, tập quán sinh hoạt, thuần phong mỹ tục của cộng đồng;

(17) Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; Xây dựng đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã, hoạt động của lực lượng dân quân duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu;

(18) Xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn "an toàn về an ninh, trật tự", kéo giảm vụ phạm tội về trật tự xã hội và tệ nạn xã hội, không có phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc xâm hại trẻ em, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật, bảo đảm phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

(19) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công, quản lý ngân sách nhà nước.

(20) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng, những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng, những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản trong xây dựng nông thôn mới;

(21) Việc tổ chức lấy ý kiến đánh giá của cộng đồng dân cư về quá trình triển khai, tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương, quy trình xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;

(22) Công tác tiếp công dân; Việc tiếp nhận và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; Thái độ, năng lực làm việc, mối quan hệ với Nhân dân của cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp

xã, ở thôn, tổ dân phố khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

III. HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Kiểm tra của cộng đồng là gì?

Kiểm tra là phương thức đặc biệt quan trọng giúp phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý những hạn chế, yếu kém trong triển khai các hoạt động. Kiểm tra là việc xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc để làm rõ đúng sai, xác định mức độ, tác hại và nguyên nhân của vi phạm trong việc chấp hành chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Kiểm tra của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới là phương thức đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương nhằm đảm bảo các hoạt động nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân được triển khai phù hợp và hiệu quả, giúp phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện những hạn chế, yếu kém trong hoạt động quản lý nhà nước nói chung, trong hoạt động thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức nói riêng.

Trong khi giám sát là việc làm thường xuyên, liên tục để chủ động phòng ngừa xảy ra vi phạm, sau giám sát có thông báo kết quả giám sát. Kiểm tra là để làm rõ đúng sai, sau kiểm tra là kết luận và kiến nghị xử lý. Thông qua hoạt động giám sát để phát hiện vấn đề, phản ảnh để đối tượng được giám sát kịp thời chấn chỉnh, sửa chữa khuyết điểm, tránh xảy ra vi phạm. Ngược lại, kiểm tra là tiến hành theo quy trình, coi trọng phần đối chiếu, xác minh, có đánh giá, nhận xét. Giám sát thường mang tính phổ quát, đa chiều theo diện rộng, kiểm tra mang đặc tính trọng tâm, trọng điểm. Về phương pháp, kiểm tra có tự kiểm tra; giám sát là nói tới mối quan hệ tương tác giữa hai loại chủ thể có tính độc lập với nhau, không có tự giám sát.

Như vậy, hoạt động kiểm tra và giám sát có sự thống nhất nhưng không đồng nhất, có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau nên cần được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Giám sát và kiểm tra có nội hàm gần gũi nhau, trong công tác giám sát có một phần nội dung kiểm tra và trong công tác kiểm tra có một phần nội dung giám sát. Hoạt động giám sát là tiền đề cho kiểm tra. Giám sát để kịp thời nhắc nhở, ngăn chặn vi phạm từ lúc còn manh nha, nếu phát hiện sai phạm phải chuyển kiểm tra; muốn thực hiện tốt việc kiểm tra, nhận định sâu sắc hơn, đánh giá chính xác hơn thì phải thường xuyên thực hiện việc giám sát.

2. Mục đích của kiểm tra của cộng đồng

Mục đích của hoạt động kiểm tra của cộng đồng là nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động mà Nhân dân đã bàn và quyết định thực hiện. Kiểm tra nhằm phát hiện, ngăn ngừa, chấn chỉnh những hành vi lệch chuẩn. Thông qua kiểm tra để sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định về việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư hoặc tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý, cũng như nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Cộng đồng kiểm tra là phương thức tạo hiệu ứng xã hội, phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư trong việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa

truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp; khuyến khích, biểu dương, nhân rộng những nhân tố tích cực, việc làm tốt, mô hình hay; hạn chế và từng bước loại bỏ phong tục, tập quán lạc hậu; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường góp phần xây dựng nếp sống văn minh và tích cực hỗ trợ việc quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Từ giám sát đến kiểm tra

Sự việc khởi phát trong quá trình xây dựng công trình đường bê tông thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Người dân ở trôổng Đá thuộc xóm 2, thôn Đại Phong, xã Phong Thủy phát hiện nhiều việc làm vi phạm trong quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản nên đã gửi đơn đến các cơ quan chức năng ở xã Phong Thủy. Trước việc dân tố cáo, Ban Thường vụ Huyện ủy đã thành lập đoàn kiểm tra đã có thông báo số 457-TB/HU kết luận về việc giải quyết đơn tố cáo của Nhân dân.

Cụ thể, Ban Thường vụ Huyện ủy Lệ Thủy kết luận: Trong quá trình chỉ đạo, điều hành thực hiện chương trình đề án xây dựng nông thôn mới, mà trực tiếp là đối với công trình xây dựng đường giao thông nông thôn ở trôổng Đá đã có các vi phạm như: Buông lỏng quản lý, thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản, chưa trả tiền lu lèn, không bàn giao các văn bản, hồ sơ liên quan đến tiêu chuẩn, kỹ thuật của con đường cho Ban giám sát cộng đồng để ban này có cơ sở, căn cứ giám sát việc thi công, không trả tiền giám sát cộng đồng…

Việc xây dựng công trình đường bê tông tại trôổng Đá không bảo đảm chất lượng công trình. Cụ thể, thiếu xi măng từ 14 đến 20kg/m dài, không làm khe co giãn, hạ mác xi măng từ M250 xuống tương đương M220. UBND xã lại bắt dân đóng góp để xây dựng giao thông nông thôn tăng từ mức 16,2% lên 25% làm đời sống của Nhân dân đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Số tiền đóng góp của dân là 1,2 tỷ đồng chưa đưa vào xây dựng. Số tiền sai phạm trong quá trình xây dựng các công trình giao thông nông thôn tại xã này là 803.431.000 đồng.

Điều đáng nói là khi phát hiện ra sai phạm, người dân đã trực tiếp gặp lãnh đạo địa phương để góp ý, chất vấn với mong muốn khắc phục kịp thời. Tuy nhiên, cán bộ đã không chịu lắng nghe, không tiếp thu ý kiến của dân, không công khai bàn bạc dân chủ với dân.

Nguồn:

Bùi Thành (2013). Kỷ luật chủ tịch xã phớt lờ ý kiến của dân. Báo Thanh tra. Truy cập từ https://thanhtra.com.vn/phong-chong-tham-nhung/dieu-tra/Ky-luat-chu-tich-xa-phot-lo-y-kien-cua-dan-66607.html

Thái Hưng (2014). Lãnh đạo VKSND tối cao chỉ đạo xử lý các tin báo đăng có liên quan đến hoạt động của ngành Kiểm sát nhân dân từ ngày 07/3/2014 đến ngày 13/3/2014. Cổng Thông tin điện tử Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao. Truy cập từ https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/lanh-dao-vksnd-toi-cao-chi-dao-xu-ly-cac-tin-bao-d-t4089.html

3. Nội dung kiểm tra của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định. Trong xây dựng nông thôn mới, cộng đồng sẽ kiểm tra một số nội dung cụ thể như sau:

(1) Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

(2) Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

(3) Các biện pháp bảo vệ tài sản của cộng đồng và công dân; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống các tệ nạn xã hội trên địa bàn; xây dựng và phát huy tình làng, nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống; khuyến học, khuyến tài, thúc đẩy phong trào học tập hướng nghiệp, đào tạo nghề, khuyến công, khuyến nông ở địa phương.

(4) Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; xây dựng nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp, ăn, ở, đi lại, việc cưới, việc tang và lễ hội; phòng, chống bạo lực gia đình, xây dựng hạnh phúc gia đình; phát triển các hoạt động văn hóa lành mạnh.

(5) Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

(6) Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

(7) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

IV. CÁC HÌNH THỨC GIÁM SÁT, KIỂM TRA

1. Giám sát, kiểm tra trực tiếp

Công dân và cộng đồng trực tiếp thực hiện việc giám sát, kiểm tra bằng các hình thức sau:

- Tiếp cận các thông tin được công khai; quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người dân ở cộng đồng dân cư trong quá trình lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt hàng ngày;
- Thông qua thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Thông qua cơ quan báo chí, phương tiện truyền thông đại chúng;
- Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

2. Giám sát, kiểm tra thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

Mặt trận Tổ quốc cấp xã có trách nhiệm tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn Nhân dân thực hiện quyền kiểm tra và giám sát trong xây dựng nông thôn mới thông qua hai hình thức chính.

2.1. Tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới

Việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân khẳng định vai trò chủ thể của Nhân dân và nâng cao trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc trong việc công nhận kết quả xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại các địa phương. Việc tổ chức lấy ý kiến thông qua một trong các hình thức sau: (a) Phát phiếu và lấy ý kiến trực tiếp tại các hộ gia đình; (b) Tổ chức cuộc họp khu dân cư, phát phiếu và xin ý kiến đại diện các hộ gia đình.\

Tỷ lệ lấy ý kiến sự hài lòng của người dân phải được thực hiện ít nhất 80% tổng số hộ gia đình của các khu dân cư trong xã. Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến sau khi hoàn thiện phải được niêm yết tại bảng thông tin của các khu dân cư, Nhà văn hóa ấp, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; công bố kết quả trên hệ thống truyền thanh xã. Kết thúc thời gian niêm yết có báo cáo tổng hợp, trong đó nêu rõ những ý kiến phản ánh của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của địa phương. Quá trình công khai kết quả lấy ý kiến, nếu có ý kiến thắc mắc của người dân ở cấp nào về kết quả lấy ý kiến thì Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó có trách nhiệm trả lời. Trường hợp ý kiến trả lời chưa thỏa đáng người dân có thể kiến nghị lên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

2.2 Tổ chức đoàn giám sát

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định và giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc cấp xã giám sát bằng hình thức tổ chức đoàn giám sát. Việc tổ chức giám sát bằng hình thức tổ chức đoàn giám sát được thực hiện theo quy trình sau:

(1) *Xây dựng kế hoạch giám sát*. Đầu tiên Mặt trận Tổ quốc cấp xã tiến hành thu thập thông tin, tài liệu, ý kiến, kiến nghị của Nhân dân về nội dung giám sát và tập hợp, theo dõi thông tin về nội dung giám sát trên các phương tiện truyền thông, qua báo cáo của các cơ quan chức năng. Tiếp đến, Mặt trận Tổ quốc cấp xã xây dựng và ban hành kế hoạch giám sát theo đoàn. Căn cứ đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát, Mặt trận Tổ quốc chủ trì giám sát quyết định việc mời đại diện cơ quan, tổ chức liên quan tham gia đoàn giám sát. Kế hoạch tổ chức đoàn giám sát

(2) *Ban hành và thông báo quyết định thành lập đoàn giám sát*. Kế hoạch giám sát, quyết định thành lập đoàn giám sát, nội dung yêu cầu báo cáo được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.

(3) *Làm việc trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát*. Đoàn giám sát tiến hành khảo sát thực tế tại cơ quan, tổ chức có liên quan; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để đoàn giám

sát thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đoàn giám sát có văn bản kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết, kịp thời để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(4) *Báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị sau giám sát*. Trưởng đoàn giám sát có báo cáo kết quả giám sát gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chủ trì giám sát. Khi cần thiết, Mặt trận Tổ quốc tổ chức hội nghị, hội thảo để xem xét báo cáo của đoàn giám sát. Căn cứ kết quả giám sát, Mặt trận Tổ quốc cấp xã kết luận về nội dung giám sát và có văn bản kiến nghị gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, cơ quan có thẩm quyền liên quan, đồng thời gửi Mặt trận Tổ quốc cấp huyện.

(5) *Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát*. Mặt trận Tổ quốc cần theo dõi việc giải quyết văn bản kiến nghị sau giám sát.

3. Giám sát, kiểm tra thông qua Ban Thanh tra nhân dân ở xã

Ban Thanh tra nhân dân ở xã do cộng đồng dân cư bầu để thay mặt Nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra và thực hiện các nhiệm vụ như sau:

(1) Kiểm tra việc triển khai thực hiện các quyết định đã được Nhân dân bàn và quyết định;

(2) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

(3) Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo kiến nghị của công dân, cộng đồng dân cư;

(4) Yêu cầu chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, giám sát, kiểm tra;

(5) Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó;

(6) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát, kiểm tra; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân; biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích;

(7) Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi giám sát, kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân.

Ban Thanh tra nhân dân ở xã hoạt động theo phương thức sau:

(1) Tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị trực tiếp hoặc qua hòm thư góp ý của tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi giám sát, kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân ở xã.

(2) Làm việc với các tổ chức, cá nhân liên quan để thu thập thông tin, tài liệu, phân tích, đối chiếu, tổng hợp thông tin và đánh giá, làm rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

(3) Thông báo kết quả giám sát, kiểm tra, xác minh đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Để bảo đảm thực hiện đúng và hiệu quả nhiệm vụ được giao, Ban Thanh tra nhân dân cần luôn phối hợp chặt chẽ với Nhân dân để tiếp nhận, phản hồi kịp thời ý kiến phản ánh của Nhân dân. Ngoài ra, Ban Thanh tra nhân dân cũng cần giữ mối liên hệ chặt chẽ với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết kịp thời ý kiến phản ánh của Nhân dân theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Giám sát, kiểm tra thông qua Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án được bầu tại cuộc họp của cộng đồng dân cư. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có trách nhiệm thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư về thành phần Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, thay mặt Nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra và có các nhiệm vụ sau đây:

(1) Theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã;

(2) Giám sát việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư;

(3) Giám sát tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn cấp xã;

(4) Theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã;

(5) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng, những tác động tiêu cực đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án, những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng hoạt động theo các phương thức sau đây:

(1) Tiếp nhận thông tin phản ánh trực tiếp hoặc qua hòm thư góp ý của công dân, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chương trình, dự án thuộc phạm vi giám sát, kiểm tra của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

(2) Chủ động thu thập, thông tin, tài liệu để tiến hành phân tích, đối chiếu và tổng hợp, đánh giá tính xác thực, sự phù hợp khi thực hiện chương trình, dự án; nội dung phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về chương trình, dự án trên địa bàn.

(3) Tổ chức giám sát, kiểm tra trực tiếp tại nơi thực hiện chương trình, dự án. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có thể mời người có chuyên môn liên quan đến nội dung giám sát, kiểm tra cùng tham gia giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định.

(4) Thông báo kết quả giám sát, kiểm tra đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình giám sát, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần luôn giữ liên hệ chặt chẽ với Nhân dân để nắm bắt thông tin do Nhân dân phản ánh, kịp thời báo cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để giải quyết; đồng thời, thông tin lại cho Nhân dân về kết quả giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

V. PHÁT HUY VAI TRÒ GIÁM SÁT, KIỂM TRA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Đảm bảo thể chế chính sách

Dân chủ phải được thể hiện bằng thể chế và thực hành trong thực tế theo nguyên tắc "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ". Ủy ban nhân dân xã cần hiện thực hóa chủ trương của Đảng và thể chế hóa thành quy định pháp luật vđể tạo hành lang pháp lý cho Nhân dân phát huy quyền làm chủ nói chung và quyền giám sát, kiểm tra nói riêng. Cụ thể, Ủy ban nhân dân xã cần:

(1) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Nhà nước cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế hóa thành khuôn khổ pháp lý, tạo nền tảng chính trị, pháp lý về thực hành dân chủ nói chung và quyền giám sát, kiểm tra của Nhân dân và cộng đồng nói riêng theo tinh thần tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân.

(2) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã để quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ trên địa bàn cấp xã làm cơ sở để công dân thực hiện quyền giám sát, kiểm tra.

(3) Thi hành pháp luật một cách nghiêm minh, công bằng, chính trực; trên tinh thần quyết tâm hiện thực hóa các quyền dân chủ của người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã cần luôn đổi mới tổ chức và hoạt động theo hướng hiệu lực, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, hiệu quả. Thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Thông qua việc giám sát, kiểm tra trực tiếp, Nhân dân đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động của chính quyền

địa phương cấp xã, đối với cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

(4) Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để tăng cường hơn nữa các kênh thông tin tiếp nhận phản ánh của người dân; tạo điều kiện cho người dân được tiếp xúc đối thoại, chất vấn cán bộ, chú trọng công tác tiếp dân, lắng nghe ý kiến nhận xét, đánh giá của người dân, bố trí lực lượng sẵn sàng tiếp nhận, phân loại và xử lý kịp thời những thông tin phản ánh, tố cáo, tố giác của người dân với thái độ tôn trọng; nâng cao trách nhiệm giải trình của cán bộ, đảng viên, nhất là người có chức, có quyền, trực tiếp giải quyết các công việc có liên quan đến người dân. xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội; thực hiện bố trí hệ thống camera giám sát quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức ở các đơn vị hành chính công.

(5) Tạo lập và bảo đảm vận hành ổn định, thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh để người dân có thể trực tiếp bày tỏ thái độ, sự đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của chính quyền địa phương và của cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân;

(6) Kịp thời xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

(7) Tích cực hoàn thiện cơ chế hữu hiệu để khuyến khích, cổ vũ, bảo vệ người dân dũng cảm đấu tranh, tố giác những hiện tượng, hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật; nghiêm minh xử lý người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền giám sát, kiểm tra hoặc người có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật để củng cố niềm tin của Nhân dân về quyền được giám sát, kiểm tra.

(8) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở địa phương thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

2. Tăng cường các kênh kết nối

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng… đóng vai trò như là những kênh chuyển tải để kết nối cộng đồng với các cơ quan chức năng. Những tổ chức này cần đa dạng hóa các hoạt động để phát huy vai trò, vị trí của mình để thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, nhất là những vấn đề liên quan đến phát huy dân chủ, đến quyền giám sát, kiểm tra của Nhân dân. Ngoài ra, Đội ngũ cán bộ toàn tâm, toàn ý, có năng lực, phẩm chất để khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và hướng dẫn cộng đồng thực hiện vai trò giám sát, kiểm tra. Cụ thể:

(1) Tạo lập môi trường dân chủ để phát huy trí tuệ, sáng tạo, đóng góp của đội ngũ đội ngũ nhân sĩ, trí thức, các chuyên gia, nhà khoa học, chức sắc tôn

giáo, người có uy tín tiêu biểu trong cộng đồng và các tầng lớp Nhân dân vừa thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, vừa tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

(2) Tăng cường thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn; kịp thời tiếp nhận và phối hợp xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Nhân dân; tập hợp các đề xuất, kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên, của cử tri để phản ánh cho Đảng, Nhà nước xem xét lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết.

(3) Tăng cường chức năng giám sát có trọng tâm, trọng điểm đối với việc thực hành dân chủ ở cơ sở, việc tổ chức tiếp công dân, đối thoại với công dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân đối với chính quyền cấp xã; tham gia đối thoại, giải quyết những bức xúc trong Nhân dân; tổ chức công tác hòa giải cơ sở, góp phần giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong Nhân dân

(4) Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến và vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, đưa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới thực sự hiệu quả, đi vào chiều sâu, có sức lan tỏa sâu rộng; duy trì, nhân rộng các mô hình tự quản, câu lạc bộ, nhóm nòng cốt tuyên truyền pháp luật trong cộng đồng dân cư; tăng cường phổ biến những cách làm hay, mô hình hiệu quả, sáng tạo; kịp thời đề xuất biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích.

(5) Nâng cao nhận thức và năng lực giám sát, kiểm tra cho Nhân dân; tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân nhằm đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với Nhân dân; hướng dẫn, người dân thực hiện đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, thực hiện đùng giám sát, kiểm tra.

(6) Tăng cường giám sát, thẩm định, kiểm tra việc tổ chức lấy ý kiến của người dân nhằm đảm bảo khách quan, chính xác, minh bạch trong tổ chức thực hiện.

(7) Thường xuyên rà soát, bổ sung, đánh giá quy trình tổ chức tổ chức lấy ý kiến, kịp thời phát hiện những khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện và kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp.

3. Nâng cao năng lực làm chủ của cộng đồng

(1) Nhân dân là chủ thể, giữ vị trí trung tâm của quyền lực, mọi quyền lực tối cao đều thuộc về Nhân dân, cho nên Nhân dân cần tham gia xây dựng hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nhằm bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

(2) Cư dân trong cộng đồng cần chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực thi dân chủ nói chung và quyền giám sát, kiểm tra nói riêng.

(3) Cộng đồng thực hành quyền giám sát, kiểm tra một cách chuyên nghiệp bằng trí tuệ, bằng sự thông hiểu lẫn cả dự đoán về sự xung đột lợi ích, gắn liền bảo đảm kỷ cương xã hội, giữ vững an ninh trật tự an toàn xã hội. Công

dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Anh/chị hãy phân tích vai trò của cộng đồng trong giám sát, kiểm tra quá trình xây dựng nông thôn mới? Liên hệ thực tế tại địa phương của anh/chị

2. Anh/chị hãy phân biệt sự khác nhau giữa kiểm tra và giám sát? Những nội dung nào xây dựng nông thôn mới thuộc quyền hạn kiểm tra của cộng đồng? Những nội dung nào cộng đồng giám sát trong xây dựng nông thôn mới?

3. Cộng đồng thực hiện quyền kiểm tra và giám sát theo những nguyên tắc nào? Anh/chị hãy liên hệ thực tế.

4. Cộng đồng thực hiện quyền kiểm tra và giám sát bằng những hình thức nào? Anh/chị hãy cho ví dụ thực tế.

5. Làm thế nào để phát huy vai trò kiểm tra và giám sát của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới?

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Giả sử địa phương các anh/chị xây dựng một con đường giao thông theo phương thức "Nhà nước và Nhân dân cũng làm". Ai quyết định mức đóng góp từ Nhân dân? Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân được thực hiện như thế nào?

2. Việc lấy ý kiến về sự hài lòng của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương các anh chị diễn ra như thế nào? Khoảng bao nhiêu phần trăm số hộ gia đình được tham gia ý kiến? Kết quả lấy ý kiến được công bố ra sao?

3. Mặt trận Tổ quốc cấp xã tại địa phương của anh/chị hoạt động như thế nào? Làm thế nào để phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong việc phát huy dân chủ và thực hành quyền giám sát, kiểm tra của Nhân dân?

4. Anh/chị hãy phân tích những nguyên nhân trở ngại khi cộng đồng thực hiện quyền giám sát, kiểm tra trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật số 75/2015/QH13, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 2015.

2. Luật số 77/2015/QH13, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

3. Luật số 39/2019/QH14, Luật Đầu tư công 2019.

4. Luật số 47/2019/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

5. Luật số 10/2022/QH15, Luật thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022.

6. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

7. Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

8. Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 08 năm 2023 của Chính phủ quy định Chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

9. Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

10. Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 07 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT ngày 21 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Hướng dẫn quy trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

12. Hướng dẫn số 90/HD-MTTW-BTT ngày 20 tháng 09 năm 2022 về tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021- 2025.

13. Nguyễn Thọ Ánh (2012), Thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

14. Trần Thanh Mẫn (2019), Nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội - Tiếp cận từ yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, Tạp chí Cộng sản số 925 (9-2019).